

# HƯỚNG DẪN CHO TIÊU CHUẨN LIÊN MINH BẢO TỒN NƯỚC AWS 2.0

**01.01.20**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                        |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| GIỚI THIỆU VỀ HƯỚNG DẪN .....                                                                                                          | 3  |
| HƯỚNG DẪN TỔNG THỂ .....                                                                                                               | 3  |
| BƯỚC 1: TẬP HỢP THÔNG TIN VÀ HIỂU VỀ THÔNG TIN .....                                                                                   | 6  |
| HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 1 .....                                                                                                       | 6  |
| 1.1 TẬP HỢP THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH PHẠM VI VẬT LÝ CỦA CƠ SỞ CHO CÁC MỤC ĐÍCH BẢO TỒN NƯỚC .....                                         | 6  |
| 1.2 HIỂU BIẾT VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN .....                                                                                               | 7  |
| 1.3 Thu thập thông tin có liên quan đến nước của khu vực .....                                                                         | 9  |
| 1.4 Thu thập các dữ liệu về sử dụng nước gián tiếp của khu vực .....                                                                   | 13 |
| 1.5 Thu thập các dữ liệu có liên quan đến nước của lưu vực .....                                                                       | 16 |
| 1.6 Hiểu về các thách thức về nước trong hiện tại và tương lai của lưu vực .....                                                       | 21 |
| 1.7 Hiểu về các rủi ro và cơ hội về nước của khu vực .....                                                                             | 22 |
| 1.8 Hiểu rõ về các thực hành tốt để đạt được các kết quả từ tiêu chuẩn AWS .....                                                       | 23 |
| BƯỚC 2: CAM KẾT VÀ LÊN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN .....                                                                                        | 25 |
| HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 2 .....                                                                                                       | 25 |
| 2.2 Cam kết bảo tồn nước .....                                                                                                         | 25 |
| 2.2 Phát triển và tài liệu hóa quá trình đáp ứng và duy trì việc tuân thủ quy định pháp luật .....                                     | 25 |
| 2.3 Xây dựng một chiến lược và kế hoạch bảo tồn nước .....                                                                             | 26 |
| 2.4 Chứng minh tính thích ứng và đáp ứng của Cơ sở với các rủi ro về nước .....                                                        | 27 |
| BƯỚC 3: THỰC HIỆN .....                                                                                                                | 28 |
| HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 3 .....                                                                                                       | 28 |
| 3.1 Thực hiện kế hoạch và tham gia một cách tích cực vào công tác quản trị lưu vực .....                                               | 28 |
| 3.2 Thực hiện hệ thống để tuân thủ với các quy định của pháp luật và tôn trọng các quyền về nước .....                                 | 29 |
| 3.3 Thực hiện kế hoạch để đạt được các mục tiêu cân bằng nước cho khu vực .....                                                        | 29 |
| 3.4 Thực hiện kế hoạch để đạt được các mục tiêu về chất lượng nước của khu vực .....                                                   | 30 |
| 3.5 Thực hiện kế hoạch để duy trì hoặc cải thiện các khu vực có liên quan đến nước quan trọng trên địa bàn hoặc lưu vực .....          | 30 |
| 3.6 Thực hiện kế hoạch để cung cấp tiếp cận được nước sạch, vệ sinh hiệu quả và bảo đảm vệ sinh cho tất cả người lao động (WASH) ..... | 30 |
| 3.7 Thực hiện kế hoạch để duy trì hoặc cải thiện việc sử dụng nước trực tiếp trong lưu vực .....                                       | 31 |
| 3.8 Thực hiện kế hoạch để trao đổi với và thông tin tới chủ sở hữu của các hạ tầng về nước .....                                       | 31 |
| 3.9 Thực hiện các hoạt động để đạt được các thực hành tốt hướng tới các kết quả theo tiêu chuẩn Bảo tồn nước AWS .....                 | 32 |
| BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ .....                                                                                                                 | 32 |
| HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 4 .....                                                                                                       | 32 |
| 4.1 Đánh giá hiệu quả thực hiện của khu vực .....                                                                                      | 32 |
| 4.2 Đánh giá tác động của các tai ương khẩn cấp có liên quan đến nước .....                                                            | 33 |

**TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20**

|                                                                                                  |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 4.3 Đánh giá các phản hồi góp ý trong việc tham vấn với các bên liên quan .....                  | 34        |
| 4.4 Đánh giá và cập nhật kế hoạch bảo tồn nước của khu vực .....                                 | 34        |
| <b>BƯỚC 5: TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>                                           | <b>35</b> |
| <b>HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 5 .....</b>                                                          | <b>35</b> |
| 5.1 Công bố về hệ thống quản trị nội bộ cho quản lý của khu vực có liên quan đến nước .....      | 36        |
| 5.2 Thông tin về kế hoạch bảo tồn nước với các bên liên quan .....                               | 36        |
| 5.3 Công bố tóm tắt về Bảo tồn nước của khu vực hàng năm .....                                   | 36        |
| 5.4 Công bố về các nỗ lực chung để giải quyết các thách thức về nước .....                       | 37        |
| 5.5 Thông tin về sự minh bạch trong tuân thủ các quy định có liên quan đến nước .....            | 37        |
| <b>HƯỚNG DẪN VỀ CÁC CHỦ ĐỀ CỤ THỂ: CÁC LƯU VỰC .....</b>                                         | <b>39</b> |
| <b>HƯỚNG DẪN VỀ CÁC CHỦ ĐỀ CỤ THỂ: CÁC KHU VỰC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC QUAN TRỌNG (IWRA) .....</b> | <b>45</b> |
| <b>HƯỚNG DẪN VỀ CÁC CHỦ ĐỀ CỤ THỂ: THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN .....</b>                      | <b>49</b> |

## GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Tài liệu này đưa ra các hướng dẫn để thực hành Tiêu chuẩn Bảo tồn nước Quốc tế AWS phiên bản 2.0 (**Tiêu chuẩn AWS**). Tài liệu (Hướng dẫn) được cấu trúc theo năm bước của tiêu chuẩn AWS. Mỗi bước cụ thể đều được hướng dẫn chung và có bổ sung các chi tiết, ví dụ và tham chiếu cần thiết cho từng tiêu chí và chỉ số cụ thể. Các vấn đề đặc thù cũng có hướng dẫn riêng.

Tài liệu hướng dẫn được xây dựng bởi các thành viên của Ủy ban Kỹ thuật AWS dựa trên phiên bản mới của Tiêu chuẩn (bản 2.0) với các góp ý từ các thành viên và các bên liên quan và tài liệu của phiên bản 1.0 trước đây mà hiện vẫn đang được áp dụng. Tuy nhiên không giống như bản 1.0, hướng dẫn cho Tiêu chuẩn 2.0 là một tài liệu riêng rẽ mà theo đó nó sẽ được cập nhật và điều chỉnh liên tục khi cần thiết để có thể tiếp thu các bài học và kinh nghiệm có được trong quá trình thực hành tiêu chuẩn 2.0. Chi tiết về quá trình xây dựng Tiêu chuẩn AWS có thể tham khảo thêm tại trong chủ của AWS tại địa chỉ: [a4ws.org](http://a4ws.org).

Hướng dẫn này có hai mục đích chính, đó là:

- (1) **Nhằm hỗ trợ các bên thực hiện** để họ biết cách thực hiện tốt hơn Tiêu chuẩn AWS.
- (2) **Nhằm hỗ trợ các bên kiểm toán** bảo đảm được tính nhất quán và chặt chẽ trong việc diễn giải, hiểu và áp dụng Tiêu chuẩn AWS và do đó duy trì được tính thống nhất giữa các cơ sở thực hành tiêu chuẩn (**gọi tắt là Cơ sở**), kết hợp cùng hệ thống đảm bảo chất lượng AWS.

Tài liệu này không phải là một cuốn sách giáo khoa hay cẩm nang cho một chủ đề hoặc ngành cụ thể. Bên thực hành Tiêu chuẩn không nên phụ thuộc vào Hướng dẫn này để học hỏi hoặc thực hành các nguyên tắc hoặc chủ đề cụ thể bởi tài liệu này không đi sâu đến mức chi tiết. Người sử dụng có thể thu hoạch các kiến thức chuyên môn bổ sung từ các chuyên gia hoặc các tài liệu tham khảo khác.

### Hai lưu ý quan trọng:

- (A) **Hướng dẫn được thiết kế để phụ trợ cho văn bản Tiêu chuẩn và không có chủ ý để thành một tài liệu độc lập.** AWS nhận thức được tài liệu hiện tại có mặt hạn chế về thời gian và không toàn diện. Do đó, cũng như Tiêu chuẩn AWS, bản Hướng dẫn sẽ phải được rà soát định kỳ và cập nhật để tiếp thu các kinh nghiệm và thực hành tốt hiện nay.
- (B) **Bản hướng dẫn theo dự kiến sẽ được tiếp tục bổ sung để đưa vào các nội dung ở cấp ngành hoặc cấp vùng** Đã có một số hướng dẫn theo chủ đề cụ thể trong phiên bản lần này ở cuối tài liệu trong phần nội dung đặc biệt. AWS sẽ khái quát hóa và chuẩn bị các nội dung bổ sung đặc thù theo ngành và theo vùng khi có nguồn thông tin này. Để biết thêm chi tiết nội dung vùng hoặc ngành của quý vị có thông tin gì bổ sung hay không, xin hãy truy cập vào trang chủ của AWS tại địa chỉ [a4ws.org](http://a4ws.org).

## HƯỚNG DẪN TỔNG QUAN

Các thành viên của liên minh AWS thống nhất với ý định của tổ chức trong việc phát triển Tiêu chuẩn AWS – nhằm đưa ra một khung chung, tin cậy và áp dụng được trên toàn cầu cho các đối tượng dùng nước chính để họ hiểu về việc sử dụng nước và tác động của chính họ, và làm việc một cách minh bạch và hợp tác với các bên khác để quản lý nước bền vững trong phạm vi của lưu vực rộng hơn.

Tiêu chuẩn có 5 kết quả tác động. Các kết quả này được chủ định đóng vai trò như các “trụ cột” cơ bản của bảo tồn nước – hay là các chủ đề được phản ánh trong tất cả các nỗ lực bảo tồn nước. Chúng đại diện cho các khía cạnh căn bản của nước, đó là:

- Làm thế nào để con người chúng ta có trách nhiệm và chịu giải trình về nước (quản trị nước);
- Lượng nước và thời gian/ thời điểm (cân bằng nước);
- Các tính chất của nước (chất lượng nước);
- Khía cạnh không gian của khu vực có chứa hoặc không chứa nước tại một thời điểm cụ thể, nhưng lại rất quan trọng trong duy trì các lợi ích của nước mà con người khai thác, bao gồm các dịch vụ sinh thái từ các Vùng có liên quan đến nước quan trọng (IWRA), và
- Việc cung cấp nước sạch, vệ sinh cho tất cả mọi người.

Lý thuyết về sự thay đổi (**ToC**) trình bày một cách rõ ràng về các tác động hoặc thay đổi mà một tổ chức đang hy vọng đạt được và cách thức thực hiện chúng để mang lại sự thay đổi này. ToC đã được cập nhật để phù hợp với phiên bản 2.0 và có tầm nhìn bao quát hơn, phản ánh đầy đủ Tiêu chuẩn AWS, Hệ thống tiêu chuẩn AWS và Tổ chức AWS. Do đó, Tiêu chuẩn AWS nên được hiểu là một phần của tập hợp các chiến lược và hoạt động được AWS và các bên liên quan sử dụng để mang lại thay đổi tích cực.

ToC lập luận rằng nếu một loạt các yếu tố đầu vào được kết hợp với một bộ các thực hành tốt (hoặc hành động) về bảo tồn nước thì các kết quả bao trùm được cải thiện về quản trị, cân bằng nước, chất lượng nước, các khu vực quan trọng liên quan đến nước, nước và vệ sinh (WASH) sẽ giúp đem lại các lợi ích (hoặc tác động) về xã hội, môi trường và kinh tế cho các bên liên quan khác nhau. Mô hình thay đổi này chính là Cơ sở logic của hệ tiêu chuẩn AWS và hệ thống theo dõi tác động.

Mặc dù Tiêu chuẩn được cấu trúc theo 5 bước, nhưng điều quan trọng cần lưu ý là Cơ sở thực hành tiêu chuẩn không nhất thiết phải đi theo thứ tự các bước trong Tiêu chuẩn. Bởi bản thân Tiêu chuẩn được thiết kế có tính vòng lặp và phi tuyến tính, hay nói cách khác thì các bước hoặc các tiêu chí có thể được thực hiện bất kỳ lúc nào và có thể chuyển sang bước hay tiêu chí khác nếu muốn. Việc chứng nhận sẽ được quyết định trên Cơ sở phù hợp với các tiêu chí và chỉ số, chứ không phải theo quy trình tuần tự.

Có một số phần trong Tiêu chuẩn đòi hỏi các kiến thức vượt ra ngoài phạm vi của Cơ sở. Trong các tình huống này, Cơ sở có thể thảo luận với AWS để được giới thiệu các chuyên gia hoặc đối tác về nước có thể hỗ trợ với các công tác kỹ thuật cụ thể nếu thấy cần thiết. Trong mọi trường hợp, AWS sẽ cố gắng kết nối Cơ sở với các bên cung cấp dịch vụ và giúp đỡ để xác định các cơ hội hợp tác.

Hướng dẫn này đưa ra các ví dụ về công cụ, sáng kiến và các nguồn lực khác trong các nội dung nếu có thể. Ý đồ ở đây không phải là đưa ra các ví dụ cho mọi trường hợp hoặc trường hợp đặc biệt mà chỉ mang tính minh họa về các nỗ lực phù hợp với các ý định của các tiêu chí đưa ra. AWS hy vọng rằng các ví dụ này sẽ được xây dựng tiếp tục theo thời gian và được cập nhật khi những sáng kiến xuất hiện và trải qua quá trình phát triển.

Do Tiêu chuẩn tập trung vào Cơ sở nhất định, AWS khuyến khích các công ty hoặc các nhà cung cấp dịch vụ có nhiều cơ sở khác nhau thực hiện một đánh giá rủi ro về nước cho tất cả các cơ sở này trước khi lựa chọn cơ sở cụ thể để thực hành Tiêu chuẩn. Đánh giá rủi ro với một cái nhìn tổng quát toàn bộ danh mục hoạt động sẽ cho phép bên thực hiện có cách nhìn chiến lược hơn trong việc áp dụng Tiêu chuẩn. AWS có thể gợi ý thử các cách tiếp cận mới cho đánh giá rủi ro về nước nhưng không chỉ ra cụ thể bất kỳ một công cụ nào một cách thích hợp. Trong trường hợp nhiều Cơ sở đều nằm trong cùng một lưu vực, chứng nhận theo nhóm có thể là một khả năng được cân nhắc.

Nói chung, các tiêu chí ở cấp cao thường có tính loại trừ. Tuy nhiên, bất kỳ nỗ lực nào đưa ra mà đạt được nhiều tiêu chí ở cấp cao thì kết quả cũng chỉ được tính cho một tiêu chí. Nói cách khác, nếu một hành động được thực hiện và đáp ứng các yêu cầu cho ba tiêu chí ở cấp cao khác nhau, thì vẫn chỉ đạt điểm của một tiêu chí trong số đó.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

AWS nhận thấy rằng có nhiều nơi trên hành tinh này không có sẵn các dữ liệu cần thiết về nước. Theo đó, nếu không có sẵn dữ liệu để đáp ứng một tiêu chí nào đó của Tiêu chuẩn, thì Cơ sở có thể sử dụng bằng chứng về việc ghi lại những nỗ lực thích hợp để tìm mua dữ liệu có thể dung được để thay thế. Liệu những dữ liệu thay thế về chỉ số như vậy có thể chấp nhận được hay không phụ thuộc vào quyết định của bên đánh giá kiểm toán.

Tiêu chuẩn được thiết kế dựa vào ý tưởng về hệ thống quản lý Lập kế hoạch – Thực hiện – Kiểm tra – Hành động. Do đó năm bước của tiêu chuẩn phản ánh ý tưởng này. Thêm vào đó, Tiêu chuẩn được xây dựng trên Cơ sở về sự cải thiện liên tục, do đó hệ thống quản lý nước và các hành động của người dùng nước được kỳ vọng sẽ dẫn đến một sự cải thiện và cũng sẽ phải liên tục kiểm chứng nhằm đảm bảo các vấn đề được khắc phục và các khía cạnh mới phát sinh được kế thừa từ những công việc đạt được đến nay. Cuối cùng, Tiêu chuẩn có cả hai yêu cầu – đó là – yêu cầu về quá trình – theo đó làm rõ việc tổ chức thực hiện công việc bằng cách nào, và yêu cầu về hiệu quả thực hiện – đó là lời kêu gọi cụ thể về việc cải thiện các tác động đem lại từ những hành động này.

## BƯỚC 1: THU THẬP THÔNG TIN VÀ TÌM HIỂU

### HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 1

**Thu thập dữ liệu.** Tổ chức không nhất thiết phải tự thu thập tất cả các dữ liệu mà có thể sử dụng dữ liệu và thông tin hiện có từ các nguồn và tài liệu nghiên cứu khác. Thông thường tổ chức thường có khả năng thu thập dữ liệu tốt nhất từ cơ sở của mình, nhưng còn có nhiều nguồn thông tin khác về lưu vực xung quanh. Vì việc thu thập dữ liệu có thể tốn kém hoặc nhiều khi khó thực hiện và AWS cũng nhận thấy chi phí phải thực tế, nhưng tổ chức cũng phải cho thấy họ đã nỗ lực đáng kể để có đủ dữ liệu cho một đánh giá đáng tin cậy về quản lý nước.

**Sự sẵn có của dữ liệu và nguồn dữ liệu.** Sự sẵn có của dữ liệu mà có thể được truy cập rộng rãi và thông tin về nước ở mỗi nơi mỗi khác trên thế giới. Ở các nước phát triển, những thông tin có được khá toàn diện. Ví dụ, phần lớn các nước ở Châu Âu có bản đồ địa chất chi tiết và các Cơ sở dữ liệu do nhà nước tài trợ với các thông tin chi tiết (theo khu vực địa lý và theo thời gian) về địa chất, các nguồn nước mặt, các tầng nước ngầm, chất lượng nước, dòng chảy và sự biến thiên của chúng, khí hậu, khai thác nước và sự sẵn có của nguồn nước. Những thông tin này có thể được lưu giữ dưới dạng các báo cáo, bản đồ hoặc Cơ sở dữ liệu, trực tuyến hoặc ngoại tuyến. Thêm vào đó, còn có hàng ngàn các nghiên cứu khoa học về tài nguyên nước, phần lớn được đưa lên mạng điện tử, không mất phí hoặc thu rất ít phí để truy cập.

Ngược lại, ở các nước đang phát triển, thông tin có sẵn khá hạn chế, đặc biệt ở các vùng xa và ít dân cư. Tuy nhiên, một chuyên gia vẫn có thể tìm hiểu khá nhiều từ việc nghiên cứu các bản đồ, địa chất, ảnh vệ tinh, thăm thực địa và thu thập dữ liệu trực tiếp (ví dụ như, lấy mẫu nước để phân tích). Trong trường hợp không thể xác định được những dữ liệu liên quan thì tổ chức cũng phải chứng tỏ rằng họ đã cố gắng nhất định trong việc tìm kiếm và thu thập.

**Giá trị của các chuyên gia.** Các chuyên gia có kinh nghiệm thực tế tại địa phương có những kiến thức có giá trị và cũng biết tìm ai, ở đâu để có thêm dữ liệu thông tin. Các chuyên gia về tài nguyên nước sẽ có các kinh nghiệm trong việc đánh giá địa bàn để hiểu rõ về lưu vực, các vấn đề về nước tại địa phương, các tác động về sử dụng đất và Các khu vực có liên quan đến nước quan trọng.

**Bắt đầu từ đâu.** Đầu tiên, tổ chức cần tham khảo các nghiên cứu hoặc thông tin đã có từ các hoạt động của mình có liên quan đến cấp nước, nước thải, tuân thủ yêu cầu quy định về bảo vệ môi trường và các báo cáo về bền vững. Một khu vực có khai thác nước ngầm (các lỗ khoan) thông thường đã thực hiện các nghiên cứu và có dữ liệu về các nguồn nước và lưu vực xung quanh.

**Khung thời gian với các dữ liệu đo đạc.** Thông tin về sử dụng nước cần được cân nhắc theo một số bước thời gian khác nhau. Bước thời gian theo trung bình năm thường phù hợp với tính toán cân bằng nước tổng thể cho khu vực và lưu vực. Đơn vị thời gian trong nhiều năm dùng để theo dõi các xu hướng lâu dài, như những thay đổi theo thời gian về chất lượng nước hoặc mức độ sẵn có của nguồn nước. Thời gian theo tuần hoặc tháng liên quan đến các thay đổi theo mùa. Ví dụ, một lưu vực có thể có rất nhiều nước trong một giai đoạn nào đó trong năm, nhưng lại thiếu nước trong giai đoạn khác do tính chất thay đổi theo mùa của lượng mưa hoặc do tuyết tan. Đối với các điểm khai thác nước ngầm, thông thường người ta đo dòng chảy trong thời gian ngắn hơn, như trong các đơn vị mét khối trên ngày ( $m^3/d$ ), hoặc lít nước trên giây (L/s).

### 1.1 THU THẬP THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH PHẠM VI ĐỊA LÝ CỦA CƠ SỞ CHO CÁC MỤC ĐÍCH BẢO TỒN NƯỚC

**1.1.1** Xác định phạm vi vật lý là Cơ sở cho quá trình bảo tồn nước. Có được phạm vi sẽ biết được phải thu thập dữ liệu ở đâu, đánh giá rủi ro ở đâu và địa bàn để thu hút sự tham gia của các bên. Phạm vi vật lý là một khái niệm khác với lưu vực, nhưng chúng cũng có sự chồng chéo. Định nghĩa các khái niệm này trong bảng chú giải thuật ngữ là như sau:

**Phạm vi vật lý:** Khu vực đất đai có liên quan đến các hoạt động và sự tham gia bảo tồn nước của Cơ sở. Nó phải bao gồm (các) lưu vực nước liên đới nhưng cũng có thể mở rộng đến các ranh giới hành chính hoặc chính trị có liên quan. Nó thường là trung tâm của Cơ sở nhưng cũng có thể bao gồm những diện tích tách rời nếu nguồn gốc điểm cấp nước ở xa hơn.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Một lưu vực (nước mặt hoặc nước ngầm) được xác định bởi địa lý, thủy văn và địa chất. Tuy nhiên, Cơ sở cũng thường phải linh hoạt hơn trong việc xác định khu vực diện tích (hoặc phạm vi) mà sẽ áp dụng các nguyên tắc bảo tồn nước. Ví dụ cho thấy phạm vi địa lý thích hợp có thể khác so với lưu vực là:

- Một Cơ sở phụ thuộc toàn bộ vào dịch vụ cấp nước và nước thải đô thị trong khi đó nguồn nước và điểm xả thải nằm ở lưu vực riêng khác với địa bàn của Cơ sở. Cơ sở vẫn cần phải xác định một diện tích xung quanh tại địa phương cho các hoạt động và sự tham gia bảo tồn nước
- Lưu vực quá lớn so với quy mô của Cơ sở và các hoạt động bình thường của Cơ sở chỉ tương tác với một phần trong đó. Với trường hợp này, phạm vi địa lý có thể nhỏ hơn toàn bộ lưu vực.
- Lưu vực nước nhỏ, nhưng Cơ sở có quy mô và tầm ảnh hưởng tới công chúng lớn dẫn tới phải điều chỉnh mở rộng việc bảo tồn nước đến ranh giới chính trị rộng lớn hơn. Trong trường hợp này, lưu ý quan trọng là với Các bên liên quan, giới hạn về lưu vực thực tế của Cơ sở có thể không phù hợp.

**Ranh giới của Cơ sở** là đường ranh giới của khu đất mà tổ chức sở hữu hoặc thuê lại, có thể không liền kề

**Nguồn nước được sở hữu hoặc quản lý bởi tổ chức (nguồn nước riêng), thông thường** là các điểm lấy nước mặt, giếng khoan với nước ngầm. Các nguồn nước riêng thường là khía cạnh dễ bị tổn thương nhất ảnh hưởng tới an ninh nước của Cơ sở. Mỗi nguồn nước cần phải được biết vị trí, thiết kế, tuổi thọ khai thác, các điều kiện hiện trạng và các rủi ro.

- Đối với **nước mặt**, nguồn nước thường chính là các đường ống lấy nước thô được lắp đặt bên trên hoặc bên trong ao hồ, sông suối, bao gồm cả bơm và thiết bị lọc (để tránh thu vào các mảnh rác, cá và cây cỏ...). Các rủi ro cần đánh giá và giảm thiểu bao gồm: Dòng chảy thấp hoặc điều kiện mực nước thấp; nước đóng băng; đục; dễ bị ô nhiễm từ các vụ đổ bỏ chất thải vào dòng sông; sự hiện diện của các hoạt động gây ô nhiễm từ trên thượng nguồn của sông. Các nguồn nước mặt thường dễ bị ảnh hưởng bởi ô nhiễm mà ô nhiễm vốn có thể lan tỏa rất nhanh trong môi trường nước mở, đặc biệt theo dòng chảy sông suối. So với các nguồn nước ngầm, điều kiện nguồn nước bề mặt khá dễ để quan sát và đánh giá.
- Đối với **nước ngầm**, nguồn của nó thường là các lỗ khoan (cũng gọi là giếng khoan). Rất nhiều lỗ khoan hiện nay đang sử dụng đã được khoan từ hàng chục năm trước. Nếu không được bảo trì tốt, hoạt động của chúng sẽ bị suy giảm do ăn mòn đường ống, tắc ống và có thể đình trệ. Ngay cả khi được bảo dưỡng tốt, chúng cũng có thể đến một lúc nào đó phải được thay thế. Các rủi ro bổ sung cần được đánh giá và giảm thiểu bao gồm: bị bắn do ô nhiễm trong các tầng chứa nước ngầm; ô nhiễm từ các vụ tràn bề mặt (ví dụ, nước lũ); và giảm mực nước do khai thác bởi các đơn vị khác hoặc do hạn hán. Đối với các giếng khoan, Cơ sở cần phải có các tài liệu như: thiết kế giếng khoan, các biện pháp bảo vệ, chương trình giám sát và chương trình duy tu bảo dưỡng. Xem thêm phần hướng dẫn về nước ngầm (đang soạn thảo).

Đối với **bên cung cấp dịch vụ về nước**, cần xác định đó là các bên nào và các nguồn nước mà họ khai thác là gì (ví dụ tên của dòng sông hoặc giếng khoan nước ngầm). Không cần phải xác định các điểm khai thác đơn lẻ. Một số nhà cung cấp có thể ngần ngại chia sẻ thông tin do nguyên nhân an ninh và bảo mật. Trong trường hợp này, tổ chức cần phải cho thấy họ đã yêu cầu thông tin này và tại sao lại không nhận được chúng.

**Điểm xả thải** là nơi mà tổ chức xả nước hoặc nước thải (đã xử lý hoặc chưa qua xử lý) trực tiếp ra môi trường. Các điểm xả thải cần được xác định và đưa vào bản đồ. Đối với các nhà cung cấp dịch vụ nước thải, cần xác định họ là ai, điểm xả thải cuối cùng của họ (ví dụ, nguồn nước tiếp nhận), và mức độ xử lý (không xử lý, xử lý sơ bộ, thứ cấp và cấp 3).

**Lưu vực** có liên quan đến nước và nước thải của Cơ sở có thể là nền tảng nước mặt, nước ngầm hoặc cả hai. Xem phần “Lưu vực” để biết chi tiết xem lưu vực được định nghĩa và bản đồ hóa như thế nào. Lập bản đồ lưu vực thường yêu cầu chuyên môn của chuyên gia, đặc biệt với nước ngầm.

## 1.2 HIỂU BIẾT VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

**Các bên liên quan:** Bất kỳ tổ chức, nhóm hoặc cá nhân nào có một chút quan tâm hoặc “có phần” tham gia trong các hoạt động của tổ chức, và có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi các hoạt động. Các bên liên quan có thể được phân loại thành 4 nhóm: (1) những bên có tác động lên tổ chức; (2) những bên mà tổ chức có (hoặc nhận được) tác động; (3)

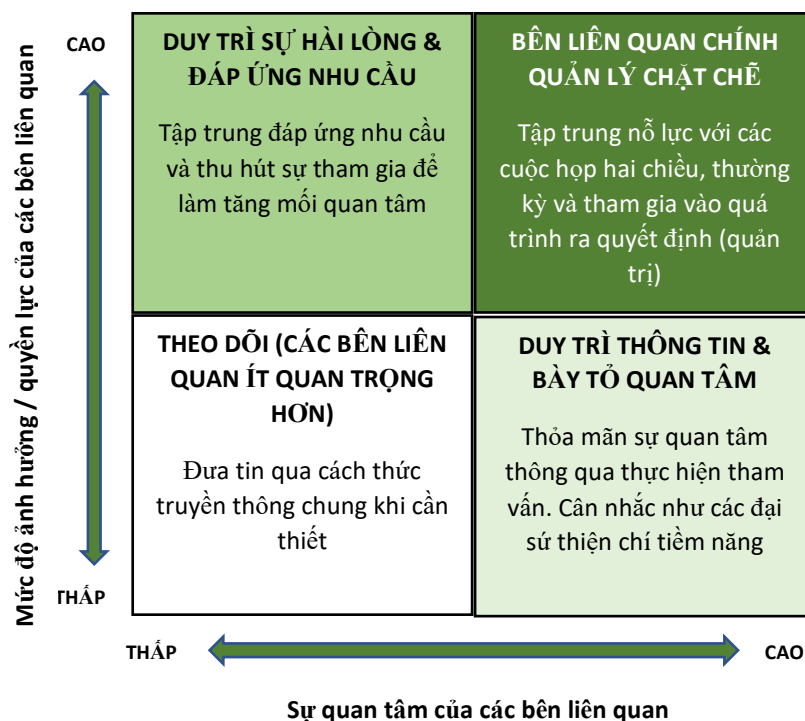
## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

những bên có lợi ích chung; (4) ở giữa – những bên không có mối dây liên hệ cụ thể, nhưng họ là bên liên quan có thể được thông báo.

Có liên quan gần nhất đến việc bảo tồn nước là Các bên liên quan gắn liền với sử dụng nước hoặc phụ thuộc vào nước, tuy nhiên việc thu hút sự tham gia của các bên không dừng lại ở những nhóm tổ chức này. Phần này của Hướng dẫn về Các bên liên quan sẽ đưa ra chỉ dẫn chi tiết về việc làm thế nào để xác định, phân nhóm và thông tin với Các bên liên quan.

Hình 1 và 2 mô tả theo sơ đồ về quan hệ về sức mạnh, lợi ích liên quan, tầm ảnh hưởng và mức độ tham gia của các bên. Những sơ đồ này rất hữu dụng trong việc xếp loại các bên liên quan đã được xác định trong tiêu chí này.

**1.2.1** Một cách tiếp cận được khuyến nghị là làm một bài tập lập bản đồ Các bên liên quan và xây dựng và duy trì một bảng hoặc Cơ sở dữ liệu bao gồm thông tin của mỗi bên tham gia, chỉ ra mối quan hệ như thế nào với tổ chức, có những quan ngại hay thách thức liên quan đến nước mà họ gặp phải, và tóm tắt các trao đổi với họ. Chú ý đặc biệt đến các nhóm vẫn thường yếu thế và ít có tiếng nói, như các cộng đồng bản địa, phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi. Bản đồ Các bên liên quan cần phải chỉ ra mọi mối quan hệ giữa các bên.



**Hình 1: Ma trận về quyền lực, lợi ích và sự tham gia của các bên**

**Các thách thức có liên quan đến nước** mà các bên quan tâm có thể là những điều liên quan đến các hoạt động của Cơ sở (như dùng nước, và quản lý nước thải), hoặc quan tâm nhiều hơn tới các ảnh hưởng ở cấp lưu vực nói chung, như vấn đề thiếu hụt nước, ô nhiễm, rủi ro ngập, hạ tầng hoặc các quy định. Cơ sở cần phải xác định các thách thức có liên quan đến nước của Các bên liên quan như là một phần của quá trình thu hút sự tham gia của các bên. Các loại hình thách thức có thể rất khác nhau, phụ thuộc vào địa lý (vùng xa), khí hậu, tự nhiên và các hoạt động của các bên. Một số ví dụ như sau:

- Không thể lấy đủ nước cho nhu cầu của họ, do các hạn chế về quy định hoặc về điều kiện thực tế (liên quan đến kết quả tác động về nước sạch vệ sinh WASH)
- Các quan ngại về chất lượng nước
- Giá/phí nước và/hoặc nước thải
- Khai thác quá mức tài nguyên nước
- Hạn chế hoặc không có tiếp cận với đất đai truyền thống

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BÀN NGÀY 01.01.20

- Sự gia tăng rủi ro về hạn hán, thiếu nước bao gồm biến đổi khí hậu
- Lo ngại về chất lượng nước ở những khu vực đánh cá phổ biến (cho mục đích làm thực phẩm hoặc thể thao)
- Lo ngại về chất lượng nước để tắm (trong nhà hoặc ngoài trời)
- Rủi ro ngập lụt
- Tác động của phát triển tại các vùng nước quan trọng

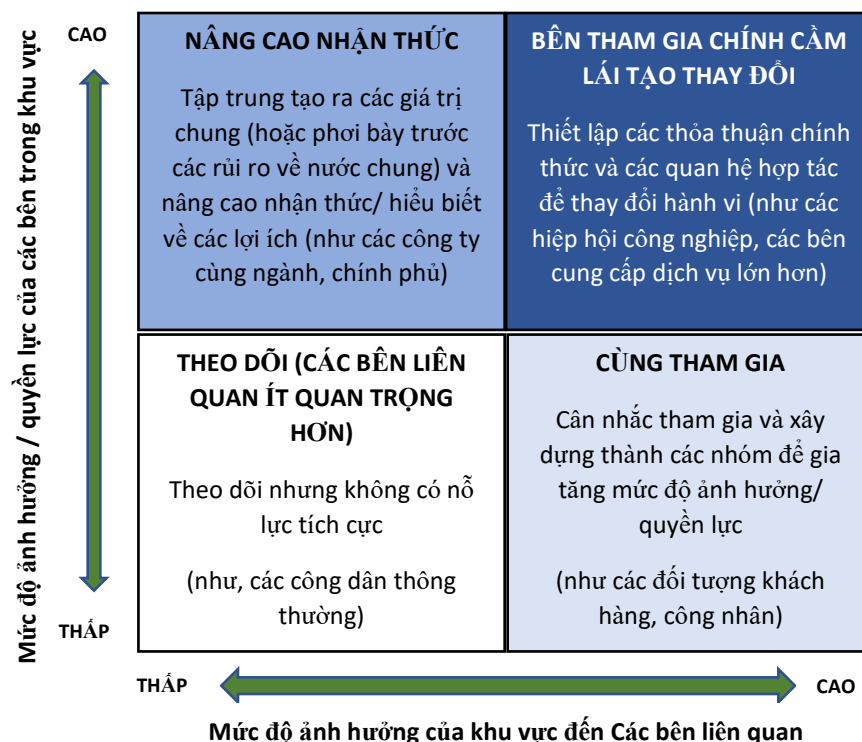
Các thách thức về nước ở lưu vực có thể khác nhau từ mức thấp nhất đến mức khá nghiêm trọng phụ thuộc vào các bối cảnh địa phương. Ở các khu vực phát triển với việc cung cấp vệ sinh và nước sạch toàn dân thì các thách thức có thể rất hạn hữu. Ở các vùng nơi mà tiếp cận nước sạch và vệ sinh còn thấp, hoặc thường xuyên hứng chịu hạn hán thì các thách thức có thể đáng kể và diễn ra trên diện rộng.

**1.2.2** Tổ chức cần phải suy xét khả năng của mình trong việc tạo được ảnh hưởng lên việc bảo tồn nước trong lưu vực. Lập luận có thể dựa một phần trên cơ sở các phát hiện từ quá trình tham gia của các bên. Các yếu tố có tác động đến sự ảnh hưởng bao gồm:

- So sánh về quy mô kinh tế và vật lý, và số nhân viên của tổ chức với các tổ chức khác trong lưu vực. Một tổ chức có danh mục lớn dễ có khả năng có ảnh hưởng lớn hơn so với các tổ chức nhỏ, chưa có danh tiếng.
- Mật độ các tổ chức tương tự trong lưu vực. Một đơn vị nhỏ trong số rất nhiều đơn vị có thể chỉ có ảnh hưởng ở mức độ khá nhỏ so với một đơn vị chủ chốt trong khu vực.

Khả năng gây ảnh hưởng có thể phụ thuộc vào môi trường chính trị của khu vực và mức độ mở cửa cho các tổ chức tư nhân tham gia một cách chủ động trong xây dựng chính sách, quản trị nước và các hoạt động vượt ra khỏi danh giới của mình. Đối với mỗi bên tham gia, Cơ sở có khả năng ảnh hưởng đến họ ở mức độ khác nhau, phụ thuộc vào vai trò, sự quan tâm và quan hệ đối tác. Phương pháp gây ảnh hưởng có thể là:

- **Đối tác:** Cùng nhau thực hiện như các đối tác bình đẳng để giải quyết các thách thức về nước chung.
- **Tham gia:** Trong trường hợp Cơ sở đi đầu trong một sáng kiến và thu hút các tổ chức khác hoặc các nhóm khác với cùng có mối quan tâm chung.
- **Tham vấn:** Gặp gỡ và thảo luận các hành động đề xuất một cách chủ động.
- **Thông tin:** Để các bên liên quan biết được tổ chức của mình đang làm gì, để họ được phản hồi lại nếu họ có câu hỏi hoặc băn khoăn. Thông tin trao đổi có thể, ví dụ như, bằng thư từ, email, tờ rơi, áp-phíc, hoặc thông báo trên báo giấy.
- **Trao đổi qua lại:** Xem xét nếu có hành động mà tổ chức có thể thực hiện để đổi lại



## Hình 2: Ma trận tác động và sự tham gia của các bên liên quan

### 1.3 THU THẬP DỮ LIỆU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC CHO KHU VỰC

**1.3.1** Tổ chức cần nhận thức được các trường hợp khẩn cấp liên quan đến nước và sẵn sàng ứng phó với chúng. Chỉ số này yêu cầu Cơ sở xác định bất kỳ kế hoạch ứng phó khẩn cấp hiện có để giải quyết các sự kiện và rủi ro liên quan đến nước. Nó có thể là một phần của kế hoạch ứng phó sự cố chung hoặc có thể dành riêng cho các sự kiện liên quan đến nước.

**1.3.2** Cân bằng nước là một phương trình dựa trên việc đánh giá dòng nước vào, dòng chảy ra, trữ nước tại chỗ và những thay đổi trong lưu trữ. Bước đầu tiên là xác định từng dòng chảy chính và thành phần trữ nước tại chỗ, đồng thời thể hiện chúng trên bản đồ. Vị trí của các dòng chảy và các điểm trữ nước quan trọng phải được hiển thị trên bản đồ theo tỷ lệ. Đối với thông tin số, sẽ rõ ràng hơn khi được hiển thị trên một giản đồ sơ họa.

- Các dòng nước vào điển hình là từ nguồn cấp nước vào và lượng mưa tại chỗ (nếu được sử dụng hoặc lưu trữ). Những dòng chảy do mưa được tiêu thoát nhanh thì không cần tính đến. Trong một số trường hợp hiếm hoi, nước có trong nguyên liệu đầu vào (chẳng hạn như trái cây, rau hoặc sữa) được chiết xuất và sử dụng làm nước sản xuất. Trong những trường hợp này, nước nên được đưa vào cân bằng.
- Các dòng chảy ra điển hình bao gồm: Nước thải, dòng chảy mặt (ví dụ: từ các khu vực thoát nước hoặc các hệ thống rửa), rò rỉ, bốc hơi và nước chứa trong thành phẩm (ví dụ: đồ uống)
- Các thành phần trữ nước điển hình bao gồm: Các hệ thống trữ nước (bể chứa hở, bể kín), bể chứa nước chữa cháy và nước chứa trong hệ thống đường ống (đôi khi có thể rất đáng kể)

**1.3.3** Phương trình cân bằng nước phải cân bằng và do đó rất hữu ích để xác minh rằng thể tích và dòng chảy được đo và tính toán một cách đáng tin cậy. Ví dụ, nếu dòng chảy ra đo được quá nhỏ so với dòng vào, nó có thể là một chỉ số cho thấy sự rò rỉ hoặc bay hơi không được bao gồm trong tính toán. Với lý do khó có thể đo lường chính xác một số dòng chảy, nên sai số chênh lệch tới 5% giữa dòng vào và dòng ra có thể chấp nhận được.

#### Phương trình cân bằng nước:

$$(\text{Dòng chảy ra}) = (\text{Dòng chảy vào}) + (\text{Thay đổi về thể tích trữ nước})$$

Cân bằng nước cơ bản thường được thực hiện trong khoảng thời gian một năm. Cũng có thể thích hợp cho tính toán với các khoảng thời gian ngắn hơn: theo mùa, hàng tháng, hàng tuần hoặc hàng ngày. Đánh giá theo thời gian hàng tháng có thể phù hợp khi có sự thay đổi đáng kể trong việc sử dụng hoặc sẵn có nước theo mùa. Trong trường hợp có sự thay đổi đáng kể trong ngắn hạn về sử dụng nước cho sản xuất thì việc đánh giá cân bằng nước theo ngày hoặc theo tuần là hợp lý.

Một số dòng chảy hoặc thể tích nước rất dễ đo, chẳng hạn như bằng đồng hồ đo lưu lượng hoặc thể tích bể nước đã biết. Những dòng khác có thể phải ước lượng. Ví dụ, các tổn thất phân tán (phi điểm) như rò rỉ dưới lòng đất (có thể khó đo), bốc hơi và chảy mặt thường không thể đo trực tiếp.

**Biến động tỷ lệ sử dụng nước hàng năm** đề cập đến tầm quan trọng của việc hiểu được sự thay đổi của nhu cầu nước trong năm và mối tương quan của nó với tình trạng mức độ sẵn có của nước. Đơn vị cần biết liệu nguồn nước sẵn có và tính linh hoạt của hệ thống có đủ để đáp ứng nhu cầu cao điểm hay không. Ví dụ, mức tưới thường cao hơn vào những thời điểm khô hạn nhất trong năm. Một số hoạt động sản xuất có sự thay đổi theo mùa rất lớn. Ví dụ, sản xuất đồ uống thường cao hơn vào những thời điểm ấm hơn trong năm khi nhu cầu của người tiêu dùng cao hơn. Một đơn vị cần biết liệu hệ thống cấp nước, ví dụ như mạng lưới cấp nước đô thị, hồ chứa hoặc tầng chứa nước, có thể đáp ứng nhu cầu cao hơn mà không có tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên hoặc những người sử dụng nước khác hay không. Khi có tác động hoặc nguy cơ tác động cao (thách thức liên quan đến nước), thì biến động nhu cầu cao và thấp (nhu cầu trong thời điểm cao điểm/thấp và mức đáp ứng nhu cầu lúc cao điểm/thấp), cần được định lượng.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Để làm được điều này, Cơ sở cần giám sát tỷ lệ sử dụng nước của mình trong cả năm (lý tưởng là trong một số năm) và xác định và định lượng tỷ lệ cao nhất và thấp nhất trong sử dụng nước của đơn vị mình. Do đó, cũng cần hiểu được tỷ lệ khả năng cấp nước khả dụng trong năm, tỷ lệ này có thể thay đổi do thay đổi theo mùa hoặc theo nhu cầu. Ví dụ, nhu cầu nước có thể tăng vào mùa hè. Để làm được việc này cần phụ thuộc vào hình thức cấp nước:

- Đối với nguồn cấp từ mạng lưới cấp nước của thành phố, nhà cung cấp có thể tư vấn về lưu lượng mà đơn vị có thể khai thác, có thể không đổi trong năm hoặc biến động trong năm.
- Đối với nguồn cung cấp nước tư nhân, lưu lượng có thể bị giới hạn bởi khả năng cung cấp của nguồn nước hoặc các điều kiện trong cấp phép. Nguồn nước (nước mặt hoặc tầng chứa nước ngầm) có thể ít khả dụng hơn vào những thời điểm nhất định trong năm, do mực nước hoặc dòng chảy thấp hơn do biến động theo mùa hoặc do nhu cầu của những đối tượng sử dụng nước khác tăng lên.

Trong trường hợp nhu cầu tại lúc cao điểm bằng hoặc vượt quá khả năng cung cấp nước là một rủi ro. Tình huống lý tưởng là có một khoảng đệm giữa khả năng cấp nước và nhu cầu tại thời điểm cao điểm để giảm rủi ro do hạn chế nguồn cấp nước và các tác động tiêu cực khác.

**1.3.4** Thông tin về chất lượng nước rất quan trọng để hiểu các rủi ro đến tổ chức và từ tổ chức, cũng như cho biết liệu nước thải của tổ chức có tác động tiêu cực hay không. Cơ sở phải duy trì hồ sơ (ví dụ, khuyến nghị tối thiểu 5 năm) về chất lượng của tất cả các nguồn cung cấp nước đầu vào, nước thải đầu ra (sau khi xử lý nếu có) và các vùng nước tiếp nhận nước thải đầu ra.

Đối với các nguồn nước và nước thải của mình, Cơ sở sẽ thường xuyên tự thu thập các mẫu để phân tích trong phòng thí nghiệm. Các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài thường có thể cung cấp số liệu chất lượng nước. Nếu chưa có sẵn công khai, thì tổ chức nên yêu cầu thông tin đó. Lưu ý rằng nhà cung cấp thông tin đó có thể tuyên bố rằng bất kỳ thông tin không phải công bố theo yêu cầu của quy định pháp luật là bí mật.

Số liệu chất lượng nước và nước thải cần được sử dụng để xác thực việc tuân thủ.

Khi xác định được thách thức liên quan đến chất lượng nước (ví dụ: chất lượng nước vượt quá hoặc gần với giới hạn quy định hoặc giới hạn chất lượng được chấp thuận khác), đơn vị phải định lượng được so sánh giữa chất lượng nước thực tế và giới hạn (cho các thông số liên quan) và phải xác định rõ ràng các vị trí vi phạm và xu thế cần quan tâm. Ví dụ, một thông số chất lượng nước uống có thể nằm trong mức tuân thủ, nhưng tăng dần theo thời gian, cho thấy khả năng không tuân thủ và rủi ro trong tương lai.

**1.3.5** Tổ chức có trách nhiệm (thường là theo pháp luật, nhưng cũng theo đạo đức) tránh gây ô nhiễm môi trường bao gồm cả các vùng nước tự nhiên. Khuyến nghị sử dụng một chuyên gia để xác định các nguồn ô nhiễm thực tế và tiềm ẩn, và những rủi ro mà chúng gây ra. Trong bối cảnh bảo tồn nguồn nước, điều đặc biệt quan trọng là phải xác định các nguồn ô nhiễm có nguy cơ đối với các nguồn nước và các điểm khai thác nước. Ví dụ về các nguồn ô nhiễm bao gồm:

- Nguồn điểm: khu vực lưu trữ hóa chất, Cơ sở xử lý chất thải, rò rỉ dầu hoặc hóa chất, Cơ sở bảo dưỡng (nơi sử dụng dầu và hóa chất), máy biến thế (tiềm ẩn nguồn dầu và PCB), Cơ sở chăn nuôi (nơi có thể tập trung chất thải động vật)
- Nguồn phân tán: các kênh thoát nước tại chỗ, dòng chảy mặt từ việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp (ví dụ như phân bón, thuốc trừ sâu) và nước mưa chảy tràn.

Ví dụ các nguồn nước có nguy cơ bị ô nhiễm bao gồm:

- Các tầng chứa nước ngầm, không có lớp bảo vệ tự nhiên (ví dụ như lớp có độ thấm thấp bên trên), do đó ô nhiễm bề mặt có thể xâm nhập nhanh chóng
- Các lỗ khoan khai thác nước lấy từ các tầng chứa nước 'có nguy cơ'
- Các nguồn nước bề mặt có thể tiếp nhận nước chảy tại chỗ, nước thải (từ cống rãnh, v.v.) hoặc điểm xả nước thải. Lưu ý rằng các trận bão và lũ lụt có thể vận chuyển ô nhiễm đi xa hơn bình thường.

Khuyến nghị lập bảng và lập bản đồ các nguồn ô nhiễm, tính chất và nguy cơ của chúng, cùng với các vùng nước dễ bị tổn thương.

**1.3.6** Các Khu vực Quan trọng Liên quan đến Nước (IWRAs) được định nghĩa trong Bảng chú giải thuật ngữ và phần chủ đề đặc biệt. Mỗi vị trí IWRAs tại chỗ phải được liệt kê, kèm theo mô tả về đặc điểm của nó, tình trạng của nó (bao gồm cả giá trị văn hóa bản địa nếu có) và bất kỳ rủi ro nào liên quan đến nước. Về tình trạng, cần báo cáo tình trạng tốt, kém, xấu đi hay cải thiện. Một hệ thống xếp hạng cụ thể hơn được đề xuất trong chương IWRAs của Hướng dẫn này. Cần lưu ý các mối quan tâm cụ thể, chẳng hạn như "ô nhiễm" hoặc "làm khô". Những hình ảnh về tình trạng ban đầu và hiện tại của nó và bất kỳ giám sát nào khác về thay đổi tình trạng là rất giá trị. Vì những đánh giá như vậy có thể mang tính chủ quan, đơn vị nên xem xét tham khảo ý kiến của các chuyên gia thích hợp hoặc các bên liên quan, chẳng hạn như các tổ chức phi chính phủ về bảo tồn địa phương. Điều này sẽ củng cố độ tin cậy của đánh giá và có thể là cách duy nhất để hiểu tại sao một khu vực lại quan trọng.

**1.3.7** Các chi phí liên quan đến nước thường lớn hơn so với đánh giá ban đầu; chi phí đó không chỉ bao gồm chi phí mua nước và xử lý nước. Chúng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc hiểu và quản lý và bảo tồn nguồn nước. Đơn vị phải nhận thức được phạm vi đầu tư cả ngắn hạn và dài hạn và chứng minh được nó có cam kết tài chính và nguồn lực để hỗ trợ những hoạt động này.

Phân tích chi phí nên cân nhắc, nhưng không giới hạn ở các hạng mục như: chi trả cho chuyên gia, phí và lệ phí, thu thập dữ liệu, nghiên cứu kỹ thuật, đầu tư vốn và khấu hao, hành động giảm thiểu rủi ro, hoạt động tương tác của các bên liên quan, thông tin liên lạc bên ngoài và nhân công, các hành động hoặc sự kiện một lần, hoặc chi phí hoạt động cho việc giám sát, bảo trì và quản lý liên tục nguồn nước.

Trong hầu hết các trường hợp, một đơn vị ít có khả năng tạo ra doanh thu liên quan đến nước, nhưng nên xác định khu vực việc đó có thể. Ví dụ bao gồm cung cấp nguồn cung trực tiếp cho người khác/đơn vị khác hay cung cấp nước thải đã qua xử lý để tái sử dụng như bổ cập tầng chứa nước hoặc tưới. Việc khôi phục và bảo vệ IWRAs (chẳng hạn như vùng đất ngập nước) có thể mang lại giá trị văn hóa hoặc dịch vụ/giải trí.

Các ví dụ khác về chi phí liên quan đến nước:

- Cấp nước (cho nhà cung cấp bên ngoài hoặc chi phí vận hành nội bộ)
- Xử lý nước tại chỗ
- Năng lượng: để di chuyển, xử lý, làm nóng hoặc làm mát nước
- Cung cấp và bảo trì Cơ sở hạ tầng liên quan đến nước
- Phí cung cấp, giấy phép và thuế
- Các hành động giảm thiểu rủi ro
- Sự tham gia của các bên liên quan và các hoạt động liên quan

Ví dụ về doanh thu liên quan đến nước

- Bán nước từ Cơ sở, có thể là nguồn cung cấp nước dư thừa hoặc nước thải đã qua xử lý

Các ví dụ về tạo ra giá trị liên quan đến nước

- Đóng góp để khôi phục và bảo vệ IWRAs có thể mang lại lợi ích gia tăng như giải trí, văn hóa, đa dạng sinh học, v.v.
- Cung cấp miễn phí hoặc trợ cấp nước hoặc nước thải đã qua xử lý cho những người sử dụng khác. Ví dụ, nước thải đã qua xử lý có thể được tặng cho nông dân để phục vụ tưới

Nước thải đã qua xử lý góp phần bổ cập tầng chứa nước ngầm

**1.3.8** Mô tả ngắn gọn bản chất của các công trình nước sinh hoạt và vệ sinh tại Cơ sở. Giải thích mức độ tuân thủ luật pháp địa phương và các hướng dẫn quốc tế như của WHO, có tính đến số người. Việc này cần bao gồm tất cả các nhân viên tại chỗ và lượng khách dự kiến có tính đến giới tính, tuổi tác, tôn giáo, khả năng di chuyển và bất kỳ nhóm dễ bị tổn thương nào. Trong trường hợp có quy định nào không được tuân thủ theo luật pháp hoặc các hướng dẫn quốc tế, cần giải thích lý do tại sao và cần có những nỗ lực nào để khắc phục điều này.

"Mức độ tiếp cận" hoặc "mức độ đầy đủ" thích hợp có thể phụ thuộc vào điều kiện tại chỗ, khí hậu, bối cảnh địa phương và truyền thống văn hóa và ứng xử. Cung cấp WASH (nước sạch, vệ sinh) bao gồm, nhưng không giới hạn, các điểm chứa nước và đài phun nước, nhà vệ sinh, thiết bị rửa, khu vực vệ sinh cho ăn uống, và các vòi hoa sen. Chỉ số này được liên kết với chỉ số 3.6.1. Có nhiều thông tin có sẵn từ nhiều nguồn khác nhau về chủ đề WASH, một số đường dẫn như sau:

UNHCR Tiêu chí và tiêu chuẩn nước sạch và vệ sinh cho người tị nạn (2019):

WHO: Các câu hỏi và chỉ số cơ bản để giám sát WASH trong các Cơ sở chăm sóc sức khỏe trong Mục tiêu phát triển bền vững (2018):

[https://www.who.int/water\\_sanitation\\_health/publications/core-questions-and-indicators-for-monitoring-wash/en/](https://www.who.int/water_sanitation_health/publications/core-questions-and-indicators-for-monitoring-wash/en/)

CEO Water Mandate: Hướng dẫn cho các công ty về việc tôn trọng Nhân quyền đối với Nước và Vệ sinh (2015); <https://ceowatermandate.org/resources/guidance-for-companies-on-respecting-the-human-rights-to-water-sanitation-2015/>

## 1.4 THU THẬP THÔNG TIN VỀ SỬ DỤNG NƯỚC GIÁN TIẾP CỦA CƠ SỞ

Nước sử dụng gián tiếp là nước được dùng trong chuỗi cung ứng của tổ chức. Đó là, nước được sử dụng trong việc sản xuất, chế biến và vận chuyển hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho tổ chức. Tiêu chuẩn này thừa nhận rằng một số nguồn hàng hóa và dịch vụ nằm ngoài địa điểm của Cơ sở nhưng nằm trong lưu vực của Cơ sở. Nó cũng ghi nhận một số đầu vào chính đến từ các lưu vực khác với lưu vực của Cơ sở và chúng có thể nằm ở một khoảng cách nào đó với địa bàn của Cơ sở. Để giải thích cho sự phức tạp trong khái niệm này, ví dụ như mức độ ảnh hưởng, khả năng kiểm soát và mức độ hiểu biết, các chỉ số cho lưu vực của đơn vị/địa điểm là cốt lõi, nhưng đối với các lưu vực khác, chúng được mô tả trong chỉ số 1.4.1, 1.4.2 và 1.4.3 (Nâng cao).

Có hai nguyên tắc chính để đánh giá việc sử dụng nước gián tiếp. Đầu tiên, nó sẽ giúp một tổ chức hiểu được những rủi ro liên quan đến hoạt động kinh doanh hay vận hành của chính mình. Ví dụ, hạn hán nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến sự sẵn có hoặc chi phí của một nguyên liệu thực phẩm thiết yếu. Thứ hai, đó là cơ hội để tổ chức tác động đến cách tiếp cận bảo tồn nước của các nhà cung cấp quan trọng của mình.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh ngay từ đầu là tiêu chí này **không liên quan đến việc sơ đồ hóa chuỗi cung ứng hoàn chỉnh của Cơ sở**. AWS nhận thức rằng việc lập bản đồ chuỗi cung ứng của một đơn vị là một bài tập phức tạp, tốn kém và mất thời gian, mặc dù mang lại những hiểu biết hữu ích nhưng lại vượt quá khả năng của nhiều Cơ sở. Hơn nữa, AWS nhận thấy rằng đối với nhiều Cơ sở (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ), khả năng tác động đến nhà cung cấp của họ có thể bị hạn chế.

Do những điều trên, tiêu chí này chỉ bắt đầu để nắm bắt được tầm quan trọng của sử dụng nước gián tiếp ở các đơn vị và giúp cho đơn vị hiểu được mức độ phụ thuộc vào nước (cả số lượng và chất lượng) từ các địa điểm khác. Kỳ vọng là một khi một đơn vị đã bắt đầu hiểu được tầm quan trọng của việc phụ thuộc vào nước trong chuỗi cung ứng của mình, thì đơn vị đó có thể hành động nếu cần thiết và/hoặc dần dần tăng cường hiểu biết này theo thời gian.

Bất chấp những thách thức, sử dụng nước gián tiếp là một phần rất quan trọng trong bảo tồn nước. Phát triển sự hiểu biết về việc sử dụng nước gián tiếp ngày càng được công nhận là thông lệ tốt, và đã có nhiều nỗ lực được đưa ra để đo lường việc sử dụng nước trong chuỗi cung ứng. Các đơn vị khác nhau sẽ có mức độ phụ thuộc nhiều hơn hoặc ít hơn vào nguồn nước gián tiếp cho hoạt động của họ, và điều này cần được xem xét khi xác định mức độ kỳ vọng của việc cải tiến liên tục.

Các Cơ sở chủ yếu dựa vào tiêu thụ nước trực tiếp cho các hoạt động của họ và có trọng tâm là sản xuất các nguyên liệu đầu vào sơ cấp (ví dụ lĩnh vực tài nguyên có doanh thu từ việc khai thác các sản phẩm môi trường - ví dụ như nông nghiệp, khai thác, lâm nghiệp, dầu khí) có khả năng cần ít chú ý hơn và hiểu biết ít phức tạp hơn về việc sử dụng nước gián tiếp của họ (vì nó ít hoặc không quan trọng đối với hoạt động của họ).

Các Cơ sở chủ yếu dựa vào các sản phẩm đầu vào cho hoạt động của họ và có trọng tâm là chế biến hàng hóa và dịch vụ dựa trên các sản phẩm sơ cấp (tức là các lĩnh vực thu được doanh thu từ việc chuyển đổi đầu vào sơ cấp thành hàng hóa và dịch vụ có giá trị gia tăng - ví dụ: dịch vụ sản xuất, chế biến) có khả năng đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn và hiểu biết tinh vi hơn về việc sử dụng nước gián tiếp của họ (vì nó quan trọng hơn hoặc rất quan trọng đối với hoạt động của họ). Các Cơ sở có sản phẩm nông nghiệp được sản xuất ở nơi khác trong chuỗi cung ứng của họ đặc biệt nhạy cảm với yếu tố sử dụng nước gián tiếp.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Là bước ban đầu để hiểu về việc sử dụng nước gián tiếp, tiêu chí này yêu cầu Cơ sở thu thập thông tin về **đầu vào chính** và **ước tính nguồn gốc**, cũng như việc sử dụng nước bên ngoài. Đầu vào chính là hàng hóa và dịch vụ (nước, v.v.) đi vào hàng hóa hoặc dịch vụ do đơn vị tạo ra.

Đầu vào chính là các sản phẩm hoặc các dịch vụ quan trọng về mặt vật chất mà một Cơ sở sử dụng để tạo ra các sản phẩm hoặc các dịch vụ mà nó cung cấp theo chức năng chính của Cơ sở đó. Đây có thể được coi là “nguyên liệu chính” mà một đơn vị cần để vận hành (ví dụ: nhôm, đường (mía), CO<sub>2</sub>, nước và cam, cũng như “dịch vụ lau dọn” thuê ngoài cho một địa điểm sản xuất đồ uống đóng hộp, nước cam có gas). Lưu ý: đầu vào chính không bao gồm Cơ sở hạ tầng.

Nói chung, đầu vào chính nên bao gồm bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ được mua sắm bên ngoài nào chiếm trên 5% tổng trọng lượng của hàng hóa được tạo ra hoặc 5% chi phí của một đơn vị. Ví dụ, gỗ, năng lượng và nước có thể sẽ là một số nguyên liệu đầu vào chính cho một Cơ sở sản xuất giấy và bột giấy. Phân bón, hạt giống và nước có thể sẽ là những yếu tố đầu vào chính cho người trồng rau.

Lưu ý: Trong trường hợp có một đầu vào không đáp ứng ngưỡng chung này (ví dụ: chỉ 3% theo chi phí) nhưng có ý nghĩa quan trọng trong việc sử dụng nước (cho dù liên quan đến số lượng và/hoặc chất lượng) thì những đầu vào này nên được đưa vào (nếu đã biết). Qua thời gian, một Cơ sở phải tiến hành xác định và phân biệt được điều này để hiểu đầy đủ về rủi ro khi sử dụng nước gián tiếp.

Khi sản phẩm xuất phát từ thị trường hàng hóa, việc này sẽ được chấp nhận như một điểm cuối mà không cần phải truy xuất ngược lại. Trong những trường hợp như vậy, số liệu sử dụng nước gián tiếp toàn cầu nên được sử dụng và theo thời gian nguồn cung cấp cần được định lượng và/hoặc ước lượng.

Trong trường hợp sản phẩm là hợp chất (ví dụ như bảng mạch điện tử với nhiều thành phần nhựa và kim loại khác nhau) và rất khó hoặc không thể xác định được lượng nước sử dụng gián tiếp đơn giản, thì nguồn gốc vẫn cần được lưu ý để xác định xem sản phẩm có đang được sản xuất trong lưu vực có căng thẳng về nguồn nước.

Thuật ngữ “nguồn gốc” được sử dụng trong tiêu chí để cung cấp cho các đơn vị sự linh hoạt để xác định độ phân giải cao nhất của dữ liệu địa lý có sẵn từ quốc gia xuống lưu vực. Lý tưởng nhất là khu vực gốc được xác định càng nhỏ càng tốt. Để phù hợp với tiêu chí này, đơn vị phải:

- Cung cấp danh sách các nguyên liệu đầu vào chính (hoặc tất cả các nguyên liệu đầu vào) với nguồn nước và nguồn gốc (quốc gia / vùng / lưu vực - nếu thích hợp) sử dụng hàng năm của đơn vị cũng như mức độ căng thẳng về nước của nơi cung cấp nguyên liệu;
- Cung cấp danh sách các dịch vụ thuê ngoài cần tiêu thụ nước hoặc ảnh hưởng đến chất lượng nước và:
  - (A) Nếu có thể, có được lượng nước sử dụng bởi (các) dịch vụ thuê ngoài (Mm3 hoặc m3 mỗi năm hoặc chi tiết hơn);
  - (B) Ước tính phần trăm so với hoạt động kinh doanh của đơn vị và ngoại suy giá trị;
  - (C) Lập lại (A) và (B) đối với chất lượng nước, tập trung vào các thông số chất lượng nước cần quan tâm.

Để thực hiện một tính toán lượng nước sử dụng gián tiếp đơn giản:

- Tập hợp danh sách các hàng hóa đầu vào chính (“nguyên liệu đầu vào chính” được định nghĩa ở trên và trong Phụ lục A: Bảng chú giải thuật ngữ).
- Đối với mỗi hàng hóa / đầu vào, liệt kê tổng mức tiêu thụ hàng năm của hàng hóa đó (theo kg, t, L, ML, hoặc đơn vị thích hợp) và quốc gia/khu vực/lưu vực xuất xứ của chúng.
- Tra cứu việc sử dụng nước thông qua các tính toán hiện có. Đơn vị không phải tạo ra dữ liệu mới, mà dựa trên dữ liệu hay thông tin hiện có.
- Nhân số lượng tiêu thụ hàng năm với giá trị nguồn gốc nước của xuất xứ hàng hóa / nguồn thích hợp để có được ước tính về tổng nguồn gốc nước.
- Sử dụng dữ liệu sẵn có (ví dụ: WRI’s Aqueduct Tool, WWF Water Risk Filter), xem xét các vị trí xuất xứ để xác định xem liệu có bất kỳ mối quan tâm nào về nước trong các lưu vực xuất xứ hay không (ví dụ: việc sử dụng nước có bền vững hay các lưu vực có bị căng thẳng về nước không?). Lưu ý bất kỳ sản phẩm / khu vực xuất xứ có quan ngại cần được xem xét. Đây là những mặt hàng có thể bị biến động giá hoặc gián đoạn khả năng cung cấp; do đó, hãy xem xét các lựa chọn tìm nguồn cung ứng thay thế và cân nhắc xây dựng kế hoạch dự phòng.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Trong trường hợp dữ liệu không tồn tại (theo phương pháp trên), có thể giống trường hợp của các đầu vào tổng hợp, đơn vị không cần tạo ra dữ liệu sơ cấp. Tuy nhiên, vẫn phải lưu ý quốc gia / khu vực / lưu vực xuất xứ và liệu khu vực có gặp rủi ro về nước hay không (theo bước cuối cùng trong phương pháp luận ở trên). Tốt nhất là liên kết đầu vào chính với lưu vực và ghi chú (và hiểu) những căng thẳng về nước của lưu vực.

Cần lưu ý rằng một số phương pháp luận được công nhận rộng rãi đã xuất hiện trong những năm gần đây để đo lường việc sử dụng nước gián tiếp, đáng chú ý nhất là phương pháp luận Phân tích Vòng đời nguồn gốc Nước theo tiêu chuẩn ISO 14046.

Các dịch vụ thuê ngoài tiêu thụ nước thường là các quy trình cần thiết cho các hoạt động liên tục của đơn vị. Điều này thường nhưng không phải lúc nào cũng liên quan đến các dịch vụ lau dọn mà còn có thể liên quan đến các dịch vụ vệ sinh hoặc các dịch vụ khác liên quan đến nước.

Lưu ý: Điều quan trọng cần nhấn mạnh là đối với các đơn vị dựa vào nguồn nước gián tiếp, tiêu chí này dựa trên tiền đề của việc cải tiến liên tục. Theo thời gian, những đơn vị dựa vào việc sử dụng nước gián tiếp được khuyến khích thực hiện đánh giá toàn diện hơn. Đây là một khía cạnh đặc biệt quan trọng của tiêu chí này vì “đầu vào chính” được xác định ban đầu có thể không phải là các sản phẩm sử dụng nhiều nước nhất / có tác động mạnh nhất của đơn vị. Một số sản phẩm có khối lượng thấp có thể có nguồn gốc nước rất lớn (ví dụ: sản phẩm động vật).

Việc cải tiến liên tục cần thể hiện dưới hình thức hiểu biết ngày càng nâng cao về các nguồn sử dụng nước gián tiếp, bao gồm khả năng xác định các nguyên liệu đầu vào lớn nhất (từ góc độ về nước), hiểu rõ hơn về tình trạng của các lưu vực xuất xứ và cải thiện độ phân giải về thời gian và không gian sự hiểu biết của đơn vị.

**1.4.1** Các ví dụ về sử dụng nước gián tiếp trong các đầu vào chính bao gồm nước được sử dụng để nuôi trồng các nguyên liệu thực phẩm; trong sản xuất hàng hóa, chẳng hạn như bao bì, máy móc và các bộ phận; trong khai thác khoáng sản.

**1.4.2** Ví dụ về việc sử dụng nước gián tiếp trong các dịch vụ bao gồm dịch vụ giặt là và rửa phương tiện bên ngoài.

Đối với các chỉ số 1.4.1 và 1.4.2, tối thiểu, tổ chức phải xác định các đầu vào và dịch vụ chính của mình và thực hiện đánh giá để hiểu rõ về từng chỉ số, (với mức độ khả thi hợp lý), lý tưởng nhất là trong một bảng. Điều này là quan trọng nhất đối với hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc từ cùng lưu vực với tổ chức:

- Sử dụng nước hàng năm (đối với tỷ lệ hàng hóa mà tổ chức tiếp nhận),
- Xuất xứ chính của hàng hóa (quốc gia, khu vực, lưu vực),
- Nước được sử dụng ở đâu,
- Nước được sử dụng để làm gì,
- Mức độ sử dụng nước cho hàng hóa/dịch vụ,
- Đối với hàng hóa / dịch vụ có nguồn gốc từ cùng một lưu vực, nguồn gốc của nước (ví dụ: thủy vực).

Điều quan trọng là phải phân biệt tổng lượng nước khai thác với việc sử dụng nước ròng (sử dụng nước không tuần hoàn), thành phần có tính liên quan nhiều nhất. Ví dụ, sản xuất điện có thể sử dụng một lượng lớn nước để làm mát, nhưng hầu hết lượng nước này được quay trở lại chu trình nước nội bộ, với tác động đến tổng lượng tương đối ít.

Tổ chức phải cho thấy rằng tổ chức đã nỗ lực hợp lý để thu thập thông tin, chủ yếu về hàng hóa / dịch vụ có nguồn gốc từ bên trong khu vực của tổ chức. Tổ chức không phải thực hiện các nghiên cứu cơ bản hoặc phép đo ban đầu mà chủ yếu là tìm kiếm thông tin hiện có. Các nguồn thông tin có thể bao gồm:

- Nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ (người có thể đã thực hiện đánh giá việc sử dụng nước của chính họ)
- Các cơ quan quản lý nhà nước (ví dụ: cơ quan quản lý nước), những người có thể đã có kiến thức tốt về những người sử dụng nước trong vùng hoặc lưu vực.
- Nghiên cứu về việc sử dụng nước của ngành hoặc hàng hóa cụ thể. Ví dụ: nghiên cứu về ‘nguồn gốc nước’ hoặc nghiên cứu về việc sử dụng nước của các ngành liên quan
- Đánh giá rủi ro liên quan đến nước do sử dụng nước gián tiếp trong lưu vực.

**1.4.3** Đầu vào chính nên bao gồm bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ có nguồn gốc bên ngoài nào chiếm trên 5% tổng trọng lượng hàng hóa do Cơ sở sản xuất hoặc chiếm trên 5% chi phí. Đầu vào nào dưới tiêu chí này nhưng vẫn phụ thuộc vào việc sử dụng nước đáng kể, nên được đưa vào làm đầu vào chính.

## 1.5 THU THẬP DỮ LIỆU VỀ NƯỚC TRONG LƯU VỰC

Tiêu chí 1.5 có cách tiếp cận tương tự như 1.3, nhưng có phạm vi rộng hơn, bao gồm lưu vực của Cơ sở, và các lưu vực xuất xứ của đầu vào chính. Tiêu chuẩn thừa nhận rằng mở rộng quy mô ra khỏi lưu vực của Cơ sở sẽ làm tăng mức độ phức tạp và đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn.

**1.5.1 Quản trị nước.** Quản trị nước đề cập đến cách quản lý nước cấp, nước thải, tài nguyên nước và môi trường tự nhiên liên quan thực hiện bởi các cơ quan chính phủ, các tổ chức nghiên cứu và các tổ chức khác. Công tác này bao gồm quản lý, bảo vệ, phân bổ, giám sát, kiểm soát chất lượng, xử lý, điều tiết, chính sách và phân phối tài nguyên nước. Quản trị nước tốt đảm bảo chia sẻ có trách nhiệm tài nguyên nước vì lợi ích của người sử dụng và môi trường tự nhiên phù hợp với các nguyên tắc của bảo tồn nước và mục tiêu của xã hội.

Khi thể chế quản trị, chính sách và khuôn khổ quản lý nước đã được thiết lập cho lưu vực, khu vực hoặc quốc gia, điều quan trọng là cần làm quen và thực hiện theo các thể chế đó. Trong trường hợp cơ chế quản trị nước chưa được thiết lập, có nhiều hạn chế hoặc thực hiện kém hiệu quả, tổ chức có nhiều tiềm năng hơn, và trong một số trường hợp, có trách nhiệm để cải thiện vấn đề này.

Những nước phát triển thường có các chương trình quản trị nước tiên tiến và toàn diện, bao gồm các chương trình chính sách, quy định, thực thi và nâng cao nhận thức. Các chương trình này thường xem xét đến lợi ích của môi trường tự nhiên và nhu cầu cung cấp nước công cộng cho các hộ gia đình, công nghiệp và nông nghiệp. Thông thường, lợi ích của tự nhiên và con người được tích hợp trong việc quản trị nước, nhưng đôi khi yếu tố này lại không tích hợp.

Đối với hầu hết các quốc gia, trách nhiệm quản lý tài nguyên nước được phân tách theo các khu vực địa lý một cách hợp lý và dễ quản lý, có thể dựa trên lưu vực sông, địa chất, địa lý hoặc ranh giới chính trị.

Các chương trình quản trị nước tiên tiến có thể bao gồm sự tham gia của các bên liên quan. Ví dụ: đây là nguyên tắc quản lý nước lưu vực theo Khung chỉ thị về Nước của Châu Âu, trong đó yêu cầu đại diện của tất cả các nhóm bên liên quan (bao gồm tự nhiên, con người, công nghiệp, nông nghiệp) được tham vấn và xem xét lợi ích.

Cơ sở cần tìm hiểu về cách thức các tổ chức quản trị có liên quan và những cán bộ chính hoạt động trong lĩnh vực này, nghiên cứu các sáng kiến, kế hoạch, chính sách và mục tiêu và bất kỳ kế hoạch thay đổi nào liên quan đến lưu vực. Điểm khởi đầu chính là các tổ chức liên quan đến nước mà Cơ sở có liên hệ, chẳng hạn như công ty cung cấp nước của thành phố hoặc cơ quan quản lý tài nguyên nước. Một chuyên gia với kiến thức địa phương cũng có thể đưa ra các khuyến nghị một cách nhanh chóng và đầy đủ về tình trạng quản trị và các chính sách của khu vực.

Cơ sở cần tài liệu hóa những thông tin về các vấn đề trên.

Cơ sở cần nhận thức tác động tiềm tàng của bất kỳ kế hoạch và chính sách dự kiến đối với hoạt động trong khu vực và phải được chuẩn bị cho những kế hoạch này. Ví dụ về các chính sách có thể có các tác động cần được lập kế hoạch trước là:

- Nguồn nước của lưu vực được đánh giá là đang bị phân bổ quá mức. Chính sách giảm hoặc thu hồi một phần phân bổ được đưa ra để giúp lưu vực trở lại trạng thái cân bằng.
- Kế hoạch tăng phí cấp nước thành phố để khuyến khích sử dụng hiệu quả và gây quỹ cho việc cải tạo và nâng cấp Cơ sở hạ tầng cấp nước thiết yếu.
- Kế hoạch áp dụng các giới hạn nghiêm ngặt hơn về chất lượng nước thải do các nhà máy xử lý thành phố tiếp nhận, vì vậy một số doanh nghiệp sẽ phải lắp đặt thiết bị xử lý sơ bộ của riêng mình.
- Các kế hoạch tăng cường đầu tư công vào cấp nước sẽ làm giảm sự cố gián đoạn nguồn cung cấp, từ đó tạo ra tác động tích cực.

Tăng cường chất lượng nước và các tiêu chuẩn xả thải.

- Các chính sách sẽ tái ưu tiên phân bổ nước để mang lại lợi ích cho những người sử dụng nước khác, những người có thể đang không có được lợi thế bởi các thỏa thuận hiện tại.

**1.5.2** Các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan đến nước áp dụng cho Cơ sở phải được hiểu và tuân thủ bất kể cam kết quản lý nào. Những tiêu chuẩn này thường bao gồm, nhưng không giới hạn, các tiêu chuẩn cho:

- Chất lượng nước
- Định giá nước
- Giới hạn dung tích nước
- Các yêu cầu về nước sạch và vệ sinh (WASH)
- Các tiêu chuẩn xả nước thải
- Các quy định về môi trường để bảo vệ các thủy vực và các khu bảo tồn khỏi bị ô nhiễm

Điều quan trọng là phải nhận thức đầy đủ về các giấy phép và các điều kiện quy định cho đơn vị (ví dụ tỷ lệ khai thác nước và chất lượng nước thải cho phép).

**1.5.3 Cân bằng nước trong lưu vực** là sự đánh giá các dòng chảy vào, dòng chảy ra, và lượng nước tích trữ trong thủy vực. Đây là một nguyên tắc tương tự như cân bằng nước tại chỗ (1.3.2), nhưng ở quy mô lớn hơn nhiều và có thể phức tạp hơn. Phương trình này phải cân bằng (ít nhất là gần đúng), và do đó rất hữu ích để xác minh độ tin cậy của các phép đo lưu lượng và dung tích nước. Việc đánh giá sẽ giúp xác định khi nào tình trạng **khan hiếm nước** gia tăng. Tình trạng này sẽ xảy ra khi dòng chảy ra luôn lớn hơn dòng vào, do đó lượng nước lưu trữ và khả năng cung cấp trong lưu vực giảm dần theo thời gian.

Phương trình cân bằng nước cơ bản:

$$(\text{Dòng chảy ra}) = (\text{Dòng chảy vào}) + (\text{Biến đổi dung tích nước lưu trữ})$$

Cân bằng nước trong lưu vực thường được thực hiện trong khung thời gian một năm. Tuy nhiên, cũng có thể tính toán cho các khoảng thời gian ngắn hơn, nếu có sự thay đổi đáng kể theo mùa hoặc theo nhu cầu cụ thể.

Các thông số cân bằng nước mặt trong lưu vực:

- Dòng chảy vào điển hình:
  - o Giáng thủy (Mưa hoặc tuyết) – đầu vào chủ yếu của đa số các lưu vực, và thường là đầu vào quan trọng duy nhất
  - o Dòng chảy từ các kênh thủy lợi hoặc kênh vận chuyển nước từ các lưu vực khác
  - o Dòng chảy từ sông. (Lưu vực sông tiêu chuẩn bao gồm nguồn và các phụ lưu của sông. Tuy nhiên, dòng chảy của sông có liên quan khi phạm vi vật lý xác định của tổ chức chỉ là một tiểu khu của lưu vực sông lớn).
- Dòng chảy ra điển hình:
  - o Nơi sông chính rời lưu vực (chảy xuống hạ lưu hoặc ra biển)
  - o Khai thác nước (rút ra khỏi lưu vực)
  - o Bốc hơi từ các thủy vực hở
  - o Tổn thất từ lòng sông do phân bổ vào nước ngầm
- Các thành phần lưu trữ
  - o Dung tích nước trong sông, hồ hoặc hồ chứa. Ở những nơi có dòng chảy (sông và hầu hết các hồ), lượng nước lưu trữ là dung tích tại một thời điểm, không phải lượng nước chảy qua.

Thông số cân bằng nước nước ngầm lưu vực :

- Dòng chảy điển hình

- o Đối với tầng chứa nước ngầm, lượng nước mưa xâm nhập trên hầu hết diện tích của lưu vực
- o Đối với các tầng chứa nước không có mực nước ngầm (tầng ngậm nước giới hạn), sự xâm nhập của lượng mưa tại vùng bổ nước (vùng giới hạn nơi địa chất hình thành tầng chứa nước ở trên bề mặt hoặc gần bề mặt đất)
- o Thẩm xuống hoặc thẩm ngang từ các thủy vực nước mặt
- o Dòng chảy dưới bề mặt từ tầng chứa nước này sang tầng chứa nước khác
- Dòng chảy ra điển hình
  - o Khai thác nước từ giếng và giếng khoan
  - o Các dòng chảy tự nhiên đến các con suối
  - o Dòng chảy cận bề mặt đến các tầng chứa nước khác hoặc ra biển
  - o Dòng chảy nhánh ra lòng sông (để đảm bảo dòng chảy cơ bản trong thời gian dài không mưa)
  - o Dòng dâng đến các khu vực xả nước ngầm (VD: tạo ra các vựa muối ở các vùng sa mạc)
- Thành phần lưu trữ
  - o Tổng lượng nước tích trữ trong các lỗ rỗng và khe nứt trong đá. Để tính toán, thể tích của đá bão hòa được nhân với độ rỗng của nó (tỷ lệ phần trăm của không gian lỗ rỗng đối với đá rắn). Đối với các tầng chứa nước ngầm, lượng nước sẽ thay đổi khi mực nước ngầm dao động.
  - o Một số đơn vị địa chất chứa các hệ thống hang động lớn (được gọi là tầng chứa nước karstic) có thể chứa một lượng lớn nước, hoạt động giống các sông ngầm.

Các điều kiện xem xét cân bằng nước khác:

- Kết hợp nước mặt và nước ngầm
  - o Tùy thuộc vào điều kiện địa phương, địa chất và cách sử dụng nước, cân bằng nước lưu vực có thể chỉ dựa trên nước bề mặt hoặc chỉ nước ngầm. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, cần phải kết hợp cả hai khi có sự tương tác đáng kể giữa nước mặt và nước ngầm (Xem phần 'Lưu vực') hoặc khi một đơn vị sử dụng hoặc tương tác với cả nước mặt và nước ngầm.
- Các tầng chứa nước hóa thạch. Một số tầng chứa nước ngọt có nguồn gốc từ việc bổ cập qua lại trong khoảng thời gian địa chất. Những điều này phổ biến ở những khu vực hiện đang khô cằn, chẳng hạn như Bắc Phi và Trung Đông. Trong kỷ băng hà cuối cùng, những vùng này có khí hậu ẩm ướt hơn nhiều. Nước chứa trong các tầng chứa nước như vậy được coi là "nước hóa thạch". Khi được khai thác, nó sẽ không được bổ sung trong điều kiện ngày nay hoặc trong khoảng thời gian của con người. Do đó, nếu nước bị rút ngắn, sẽ có rất ít, nếu có bất kỳ dòng chảy nào, để cân bằng nó, và trữ lượng sẽ giảm dần, làm cho loại nguồn này về mặt chức năng là "không thể tái tạo". Xem hướng dẫn chủ đề đặc biệt về 'Nước hóa thạch và nước khử muối' (đang chờ).

Cần nhắc cân bằng nước cho nông nghiệp:

- Nước tầng thổ nhưỡng. Đối với nông nghiệp canh tác, một thành phần đáng kể của việc trữ nước là trong đất, và do đó cần phải được đưa vào cân bằng nước của lưu vực. Các loại cây trồng không được tưới sẽ có được 100% lượng nước cần thiết từ nước trong đất. Nước từ mưa, chảy mặt (và khi tưới) thấm vào đất, nơi nó được hấp thụ và lưu giữ giữa các hạt đất. Không phải tất cả lượng mưa đều được đất hấp thụ. Một số tiếp tục đi xuống để bổ cập lại nguồn nước ngầm bên dưới. Một số cây lớn hơn, chẳng hạn như cây có thể có rễ vươn đủ sâu để hút nước trực tiếp từ mực nước ngầm.
- Bốc Thoát hơi nước. Sự thất thoát nước từ ruộng trồng trọt bao gồm thoát hơi nước (nơi mà nước được cây hấp thụ cuối cùng thoát ra từ bề mặt lá) và bốc hơi trực tiếp từ bề mặt đất, đặc biệt là trong điều kiện khô nóng. Cùng với nhau, chúng được gọi là 'bốc thoát hơi nước' và tạo thành một thành phần quan trọng của dòng nước ra trong nông nghiệp.

**1.5.4** Kiến thức về chất lượng nước lưu vực giúp tổ chức hiểu được bất kỳ rủi ro nào mà tổ chức có thể phải đối mặt và khả năng ảnh hưởng các rủi ro đối với chất lượng nước lưu vực.

Rủi ro tiềm tàng đối với tổ chức là quan trọng nhất khi tổ chức có nguồn nước riêng. Ví dụ: mức độ mặn ngày càng tăng hoặc của một thông số cụ thể, chẳng hạn như nitrat, cuối cùng có thể ảnh hưởng đến việc tuân thủ chất lượng nước của

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

tổ chức (ví dụ: đối với nước uống hoặc chế biến thực phẩm). Điều đó cũng có nghĩa là tổ chức cần giới thiệu hoặc tăng cường đầu tư vào xử lý nước.

Khi một tổ chức có bón phân hay hóa chất vào đất (ví dụ như trong nông nghiệp) hoặc có Cơ sở xả nước thải của riêng mình, tổ chức đó có khả năng góp phần vào các mối quan tâm về chất lượng nước trong lưu vực. Ví dụ, nồng độ nitrat (N) và photphat (P) cao trong nước ngầm và nước mặt thường là kết quả của việc sử dụng phân bón. N và P cao trong nước mặt (từ nước chảy mặt hoặc nước ngầm chảy ra ngoài) có thể gây ra hiện tượng phú dưỡng, theo đó N và P thúc đẩy tảo phát triển quá mức, dẫn đến thiếu oxy cho các loài bản địa.

Việc khai thác nước cũng có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước tầng chứa nước. Ví dụ, tốc độ bơm cao có thể khiến nước mặn bị kéo vào tầng chứa nước dọc theo các khu vực ven biển (xâm nhập mặn), hoặc 'nâng cao' nước mặn sâu từ tầng thấp của một số tầng chứa nước.

Đánh giá ban đầu về chất lượng nước lưu vực sẽ giúp xác định đường Cơ sở, nhưng cũng giúp xác định liệu tổ chức có thể đang góp phần vào các vấn đề hay không.

Dữ liệu chất lượng nước cho lưu vực có thể được lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Có thể đã có sẵn dữ liệu toàn diện, ví dụ từ các cơ quan quản lý, cơ quan môi trường và các nghiên cứu học thuật. Các bên liên quan khác cũng có thể có dữ liệu để chia sẻ. Khi dữ liệu hiện có còn hạn chế, tổ chức nên xem xét việc thu thập các mẫu của chính mình để phân tích từ một loạt các vị trí có liên quan trên toàn lưu vực (thường với sự hỗ trợ của chuyên gia).

Tổ chức phải báo cáo về các phát hiện của mình và xem xét các rủi ro tiềm ẩn đối với và từ đó. Khi thích hợp, các hành động tương ứng phải được đưa vào kế hoạch quản lý bảo tồn nước.

**1.5.5** Nghiên cứu cần được thực hiện để xác định các Khu vực quan trọng liên quan đến Nước (IWRA) và các đặc điểm trong lưu vực và xác định giá trị của chúng. Các phương pháp xác định IWRA bao gồm:

- Kiến thức sẵn có
- Tham vấn với các bên liên quan, chẳng hạn như các cơ quan môi trường, các tổ chức phi chính phủ bảo tồn, các nhóm động vật hoang dã, câu lạc bộ câu cá, chủ đất.
- Đối với IWRA có giá trị văn hóa, tham vấn với đại diện cộng đồng và người dân bản địa
- Xem xét các bản đồ, cả bản đồ địa lý tiêu chuẩn và bản đồ chuyên ngành, chẳng hạn như bản đồ của các khu bảo tồn được công nhận.

Các IWRA đã được xác định phải được liệt kê, với mô tả về chúng là gì, giá trị của chúng (môi trường, cộng đồng, văn hóa), tình trạng của chúng và mọi rủi ro liên quan đến nước. Nên ghi lại chúng trên bản đồ lưu vực.

Về tình trạng, cần báo cáo tình trạng tốt, kém, xuống cấp hay đã được cải thiện. Các mối quan tâm cụ thể, chẳng hạn như "ô nhiễm" hoặc "khô cạn" nên được đề cập.

Nếu khả thi, mỗi IWRA nên được thăm và cập nhật ghi lại tình trạng hiện tại của nó, ví dụ với một mô tả ngắn gọn và / hoặc ảnh. Điều này thiết lập một đường Cơ sở để đo lường sự thay đổi. Điều này đặc biệt quan trọng nếu có bất kỳ khả năng nào mà tổ chức có thể có (hoặc bị cáo buộc là có) tác động đến IWRA.

Xem hướng dẫn cụ thể của IWRA trong tài liệu này để biết thêm chi tiết.

Nếu khả thi, mỗi IWRA nên được thăm và ghi lại tình trạng hiện tại của nó, ví dụ với một mô tả ngắn gọn và / hoặc ảnh. Điều này thiết lập một đường Cơ sở để đo lường sự thay đổi. Điều này đặc biệt quan trọng nếu có bất kỳ khả năng nào mà tổ chức có thể có (hoặc bị cáo buộc là có) tác động đến IWRA.

Xem hướng dẫn cụ thể của IWRA trong tài liệu này để biết thêm chi tiết.

**1.5.6** Đối với các tổ chức phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước của thành phố, tình trạng của Cơ sở hạ tầng có thể là một rủi ro nghiêm trọng. Nếu tổ chức chỉ sử dụng các nguồn nước tư nhân, tình trạng của Cơ sở hạ tầng lưu vực (đối với nước và nước thải) vẫn phù hợp để hiểu những thách thức về nước của các bên liên quan.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Tổ chức không phải thực hiện một nghiên cứu chi tiết về Cơ sở hạ tầng công cộng. Thay vào đó, nó cần phát triển sự hiểu biết về quy mô và tình trạng chung của Cơ sở hạ tầng trong lưu vực. Điều này thường có thể đạt được thông qua thông tin công khai và / hoặc tham vấn với các cơ quan chức năng và / hoặc các cơ quan cấp nước.

Các thước đo quan trọng là tỷ lệ dân số lưu vực được tiếp cận với nước uống an toàn và đầy đủ, và tỷ lệ được kết nối với các dịch vụ thu gom và xử lý nước thải.

Tại nhiều địa điểm, Cơ sở hạ tầng cấp nước và nước thải công cộng đã có tuổi đời hàng chục năm, được xây dựng bằng vật liệu và phương pháp lạc hậu, có thể bị rò rỉ và hỏng hóc. Việc sửa chữa và thay thế sẽ rất tốn kém. Vì lý do này, nhiều chính phủ và cơ quan chức năng không đủ khả năng để nâng cấp toàn diện và thay vào đó, họ hướng đến đầu tư vừa đủ để tránh những thất bại tồi tệ nhất. Điều quan trọng là phải nhìn nhận và thừa nhận hạn chế này.

Điều quan trọng là phải ý thức được nếu Cơ sở hạ tầng ở trong tình trạng đặc biệt tồi tệ với các kế hoạch cải thiện hạn chế. Trong trường hợp này, một doanh nghiệp phụ thuộc vào nguồn cung cấp công cộng sẽ có nguy cơ bị gián đoạn và hạn chế nguồn cung ngày càng tăng, đồng thời có nguy cơ nguồn cung bị ô nhiễm cao hơn.

Thông tin hữu ích nhất có thể sẽ được cung cấp từ các cơ quan quản lý nước và cấp nước công cộng và nước thải, những cơ quan này sẽ chịu trách nhiệm về quyền sở hữu, bảo trì và lập kế hoạch nâng cấp Cơ sở hạ tầng. Một số cơ quan chức năng hoặc cơ quan cung cấp có thể miễn cưỡng chia sẻ thông tin vì có thể bộc lộ những điểm yếu hoặc vấn đề.

Ở mức tối thiểu, Cơ sở phải cung cấp một bản tóm tắt về quy mô của Cơ sở hạ tầng nước, độ tuổi và tình trạng chung của nó và phần trăm dân số lưu vực được phục vụ. Nó phải báo cáo về mọi vấn đề thường xuyên, về rủi ro và bao gồm tổng quan về các chính sách nâng cấp (ví dụ, để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng) hoặc giảm thiểu rủi ro (ví dụ do các sự kiện cực đoan, chẳng hạn như hạn hán). Việc không có được thông tin hoặc thiếu thông tin có thể dẫn đến rủi ro.

1.5.7 Chỉ số này có một số trùng lặp với 1.5.6. Tổ chức cần xác định tỷ lệ phần trăm dân số lưu vực được tiếp cận với các dịch vụ về nước và nước thải tốt. Không bắt buộc phải tự nghiên cứu, nhưng thường có thể lấy thông tin từ các nguồn khác, chẳng hạn như các cơ quan chính phủ hoặc tổ chức phi chính phủ.

Ở các nước phát triển, gần 100% dân số được tiếp cận WASH đầy đủ là điều bình thường. Ở các nước đang phát triển hoặc ở các vùng sâu vùng xa, việc cung cấp có thể rất hạn chế. Không có Cơ sở hạ tầng đô thị không nhất thiết có nghĩa là việc cung cấp WASH kém, vì các Cơ sở kinh doanh riêng lẻ có thể có hệ thống cấp nước và vệ sinh an toàn và đáng tin cậy của riêng họ.

Vẫn còn nhiều nơi trên thế giới điều kiện WASH kém, có thể do nghèo đói hoặc quản lý kém và ít có sự đầu tư của chính phủ.

Xem hướng dẫn WASH để biết thêm thông tin.

1.5.8 Thông thường, một tổ chức sẽ thu thập dữ liệu liên quan đến nước tại địa điểm nhất định, đặc biệt nếu tổ chức đó vận hành các nguồn nước và / hoặc các Cơ sở xử lý nước thải của riêng mình. Là một phần của việc tuân thủ tiêu chuẩn, nếu được phép hoặc thực tế để làm như vậy, đơn vị cũng có thể sẽ thu thập dữ liệu vượt ra ngoài ranh giới của nó liên quan đến việc giám sát rủi ro hoặc các tác động của nó đối với những người khác. Điều này có thể bao gồm:

- Lấy mẫu chất lượng nước ở thượng nguồn (nước mặt hoặc nước ngầm)
- Lấy mẫu chất lượng nước ở hạ lưu điểm xả nước thải
- Đo mực nước trong các giếng giám sát bên ngoài để theo dõi tác động của việc khai thác nước ngầm của đơn vị.

Việc thu thập dữ liệu chung bao gồm việc chia sẻ các dữ liệu liên quan đến nước ở địa điểm thu thập với các cơ quan chức năng, những người sử dụng nước hoặc các nhà nghiên cứu và được khuyến khích để giúp đỡ những người trong lưu vực về các vấn đề liên quan đến quản lý nước của họ.

Một hành động quản lý quan trọng sẽ là để Cơ sở hỗ trợ các cơ quan có liên quan thực hiện công việc được ủy thác của họ, ví dụ bằng cách thực hiện việc thu thập dữ liệu ra ngoài và cao hơn các yêu cầu quy định.

1.5.9 Áp dụng phương pháp và hướng dẫn tương tự như đối với chỉ tiêu 1.5.7 nhưng đối với các lưu vực của nguyên liệu đầu vào chính khác với lưu vực của đơn vị. Chỉ số này là nâng cao trong khi 1.5.7 là cốt lõi để thể hiện sự phức tạp nói trên của việc đầu vào không nằm trong lưu vực của Cơ sở.

## 1.6 HIỂU NHỮNG THÁCH THỨC VỀ NƯỚC CHUNG TRONG HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI TRÊN LƯU VỰC

Những thách thức về nước chung là những thách thức được chia sẻ bởi Cơ sở và một hoặc nhiều bên liên quan (như cần được xác định trong chỉ số 1.1). Những thách thức chung tạo cơ hội cho hành động tập thể trong lưu vực và hướng dẫn kế hoạch quản lý nước.

**1.6.1** Cần liệt kê và ưu tiên theo tầm quan trọng và mức độ cấp bách của các thách thức chung đã được xác định. Các khuyến nghị về cách sắp xếp thứ tự ưu tiên không được đưa ra vì các trường hợp có thể xảy ra là rất lớn, nhưng cần đưa ra các đánh giá hợp lý, có sự chứng minh. Ví dụ:

- Mỗi quan tâm về việc mất hoàn toàn nguồn cung cấp nước còn đáng kể hơn mỗi quan tâm về phí nước tăng 10%
- Việc cung cấp nước thảnh thơi bị gián đoạn hiện nay là cấp bách hơn lo ngại về nguồn cung giảm trong tương lai.

Khi các thách thức về nước chung được xác định, điều quan trọng là phải hiểu nguyên nhân của chúng, để xác định mức độ ưu tiên chính xác, xây dựng các hành động giảm thiểu phù hợp và biết liệu hành động tập thể có phù hợp hay không. Ví dụ:

- Nguyên nhân gây ra sự suy giảm mực nước trong giếng khoan là gì? Nó có thể là do (i) khai thác cao bởi những người sử dụng gần đó, (ii) sự suy giảm chung của mực nước trên lưu vực, hoặc (iii) do lỗ khoan đang bị tắc nghẽn. Hai điều đầu tiên có thể được giải quyết bằng hành động tập thể, điều thứ ba thì không có khả năng như vậy.

Tại điểm xuất phát, điều quan trọng trước tiên là phải nhận biết được bất kỳ nỗ lực hoặc kế hoạch nào hiện có của khu vực công để giải quyết chúng, để tránh trùng lặp hoặc có các hành động mâu thuẫn.

**1.6.2** Các sáng kiến phải liên quan và phù hợp với các phát hiện của 1.6.1.

**1.6.3** Dự đoán các vấn đề trong tương lai là khó khăn và chắc chắn sẽ có những điều không chắc chắn. Tuy nhiên, có những yếu tố có thể chỉ ra mối quan ngại tiềm ẩn trong tương lai. Điều này trước hết yêu cầu đánh giá các xu hướng hiện tại có thể ảnh hưởng đến tài nguyên nước, các ví dụ bao gồm:

- Tăng trưởng dân số
- Gia tăng sự phát triển của ngành công nghiệp hoặc nông nghiệp sử dụng nước
- Tăng nhu cầu nước do dân số, công nghiệp hoặc nông nghiệp hiện nay
- Các xu hướng khí hậu quan sát được (ví dụ như lượng mưa giảm hoặc nhiệt độ cao hơn)
- Chất lượng nước kém hơn ở các khu vực nước quan trọng
- Tình trạng xuống cấp của Cơ sở hạ tầng liên quan đến nước

Các chuyên gia và nguồn thông tin chuyên gia có thể tư vấn về các xu hướng dự kiến chưa thể quan sát được.

Khi các xu hướng và các vấn đề dự kiến trong tương lai được xác định, cần tiến hành đánh giá các tác động mà chúng có thể có đối với tổ chức, dân số lưu vực và môi trường tự nhiên.

**1.6.4** Việc xây dựng Đánh giá Tác động Xã hội (SIA) hoặc Đánh giá Tác động Môi trường và Xã hội (ESIA) có thể là một thành phần bắt buộc trong việc cấp phép xây dựng và vận hành của Cơ sở. Khi điều này không bắt buộc hoặc không giải quyết được các tác động đến nước thì việc đánh giá bổ sung các tác động xã hội liên quan đến nước là có giá trị và sẽ giúp Cơ sở hiểu rõ hơn về những rủi ro mà nó gây ra cho người khác và việc giảm thiểu chúng.

Ví dụ về các tác động xã hội liên quan đến nước, có thể tích cực hoặc tiêu cực, bao gồm:

- Việc sử dụng nước của Cơ sở đang hạn chế khả năng cung cấp nước cho các cộng đồng địa phương và /hoặc nông dân sản xuất nhỏ
- Việc xả nước thải của Cơ sở gây rủi ro về chất lượng nước cho những người sử dụng nước ở hạ lưu
- Các hoạt động thủy lợi của Cơ sở có tác động tích cực đến những nông dân gần đó, nhờ đó lượng nước dư thừa sẽ giúp làm ướt đất của họ và bổ sung các tầng nước ngầm
- Các chương trình chủ động của Cơ sở về thu thập dữ liệu và giải quyết các thách thức chung đang mang lại lợi ích thực cho cộng đồng

- Tác động đến giá trị văn hóa hoặc cộng đồng

Cơ sở cần tiến hành đánh giá các tác động của Cơ sở (tích cực và tiêu cực) và lập kế hoạch hành động một cách thích hợp. Đối với các tác động tiêu cực, cần xây dựng kế hoạch loại bỏ hoặc giảm thiểu chúng. Đối với các tác động tích cực, Cơ sở có thể muốn thông báo điều này với các bên liên quan, vì cả danh tiếng và để làm gương tốt cho những Cơ sở khác.

Cơ sở cần cung cấp tài liệu về đánh giá của họ và các kế hoạch liên quan.

## 1.7 HIỂU VỀ CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC CỦA CƠ SỞ

Hiểu các rủi ro về nước đối với Cơ sở là một trong những phần quan trọng nhất của đề án kinh doanh đối với việc quản lý nước.

Bằng cách hiểu các rủi ro và sau đó hành động để loại bỏ, giảm bớt hoặc giảm nhẹ chúng, một Cơ sở sẽ giúp bảo vệ chính họ khỏi các chi phí và tác động không mong muốn. Điều này cũng quan trọng để đảm bảo tính liên tục trong kinh doanh và bảo vệ việc làm cho người lao động trong Cơ sở.

Các kết quả của tiêu chí này chủ yếu dựa trên việc thu thập thông tin và nghiên cứu các tiêu chí trước đó ở Bước 1. Ngoài ra, tiêu chí 1.6 và 1.7 có liên quan với nhau và có phần lặp lại. Nói cách khác, hiểu các rủi ro và cơ hội có thể cung cấp thông tin về các thách thức liên quan đến nước và xác định các thách thức sẽ cung cấp thông tin về các rủi ro và cơ hội.

**1.7.1** Có ba loại rủi ro chính đối với một tổ chức: về vật chất, về pháp lý và về danh tiếng. Do tính chất phức tạp và đa dạng của rủi ro, nên tìm kiếm sự hỗ trợ của chuyên gia.

Ví dụ về rủi ro liên quan đến nước bao gồm:

Các rủi ro vật chất đối với nguồn cung cấp đô thị

- Cơ sở hạ tầng đột ngột bị hỏng, chẳng hạn như vỡ hoặc rò rỉ, dẫn đến gián đoạn nguồn cung cấp
- Tăng phí
- Bùng phát ô nhiễm trong nguồn cung cấp (ví dụ do ô nhiễm trong hồ chứa, hoặc đường ống bị rò rỉ)
- Gián đoạn nguồn cung cấp thường xuyên (phổ biến hơn ở các nước đang phát triển với việc thiếu đầu tư vào Cơ sở hạ tầng nước)
- Tình trạng dễ bị tổn thương trước các sự kiện thiên nhiên khắc nghiệt (ví dụ như động đất, đóng băng đường ống và vỡ do cực lạnh)
- Hạn chế do hạn hán

Rủi ro vật chất đối với nguồn cung cấp tư nhân

- Nguồn nước không đạt do tình trạng kém và bảo trì kém
- Hạn chế cấp phép khai thác trong mùa khô hoặc khi hạn hán
- Ô nhiễm nguồn chứa nước chính (nước mặt hoặc tầng nước ngầm)
- Ô nhiễm trực tiếp nguồn nước
- Hỏng hệ thống xử lý nước

Rủi ro pháp lý

- Vi phạm các điều kiện của giấy phép khai thác, chẳng hạn như khai thác quá mức
- Gây ô nhiễm nguồn nước
- Không đáp ứng được điều kiện về chất lượng trong giấy phép xả nước thải

Rủi ro về danh tiếng

- Công chúng biết đến bất kỳ vi phạm pháp lý nào
- Nguyên nhân thực sự hoặc được cho là của các tác động tiêu cực đến những người sử dụng nước khác và/hoặc môi trường nước tự nhiên
- Quan niệm là Cơ sở sử dụng quá nhiều nước, ảnh hưởng xấu đến "giấy phép xã hội để tổ chức vận hành "

**1.7.2** Việc quản lý nước nhằm mục đích tích cực và mang tính xây dựng. Việc xác định và hưởng lợi từ các cơ hội cũng quan trọng không kém việc giảm nhẹ rủi ro. Ví dụ về các cơ hội liên quan đến nước bao gồm:

- Giảm rủi ro liên quan đến nước làm tăng cường tính bền vững của doanh nghiệp, bảo vệ công ăn việc làm và tăng niềm tin của khách hàng và nhà đầu tư, những điều này có thể cải thiện thị phần và vị thế.
- Giảm sử dụng nước có thể sẽ tiết kiệm chi phí (mặc dù những chi phí này có thể không đáng kể do chi phí cấp nước và giấy phép khai thác thường thấp). Đối với nông nghiệp sử dụng thủy lợi, tiết kiệm chi phí lớn hơn thường là ở năng lượng dùng để bơm.
- Giải quyết các thách thức về nước chung sẽ giúp đạt được an ninh lâu dài về nhu cầu nước cho Cơ sở và các bên liên quan trên lưu vực và tăng cường mối quan hệ của các bên liên quan.
- Xử lý trước nước thải của một nhà máy có thể tiết kiệm chi phí đô thị và cung cấp nước thải sạch hơn có thể tái sử dụng cho mục đích khác.
- Một Cơ sở có hệ thống xử lý nước thải riêng có thể bán dịch vụ cho các ngành công nghiệp lân cận khác.

Bất kỳ tác động tích cực nào trong lưu vực và với các bên liên quan có thể sẽ tạo ra lợi ích tích cực về danh tiếng.

Mức độ ưu tiên của rủi ro có thể dựa trên phân tích chi phí cần giải quyết, tác động tương đối (độ lớn, tần suất, mức độ nghiêm trọng). Rủi ro cũng có thể được ưu tiên dựa trên thông tin đầu vào của các bên liên quan và thông tin thu thập được từ các nguồn hiện có, ví dụ như công cụ Aqueduct của Viện Tài nguyên Thế giới (<https://www.wri.org/aqueduct>).

## 1.8 HIỂU RÕ VỀ CÁC THỰC HÀNH TỐT NHẤT ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC KẾT QUẢ CỦA TIÊU CHUẨN AWS

Đề tài về thực hành tốt nhất có thể dẫn đến nhầm lẫn và gây tranh cãi. Thừa nhận rằng để Tiêu chuẩn này có thể áp dụng toàn cầu cho tất cả các ngành và các hình thức tổ chức thì cần phải có một sự linh hoạt và chấp nhận về điều gì làm nên một thực hành tốt nhất. Như định nghĩa ở phần Từ ngữ, Bộ Tiêu Chuẩn này định nghĩa cách làm hay nhất là một loạt các khả năng có thể.

Thực hành tốt nhất có thể mang tính mới mẻ hoặc mang tính sáng tạo so với cách làm thông thường nhưng không nhất thiết phải như vậy. Trong một số trường hợp, cách làm thông thường đã thành lệ có thể là cách làm hay nhất. Không phải tất cả các vấn đề hay thách thức đều có cách làm được định nghĩa rõ ràng và được nhất trí rộng rãi bởi tất cả các bên liên quan như là “thực hành tốt nhất”. Do đó, thực hành tốt nhất có thể tùy theo tình huống và được định nghĩa bởi các phương pháp khác nhau, ví dụ từ các thông tin đầu vào về các quy định, khoa học hay các bên liên quan. Một bộ thực hành tốt nhất được biết tới như “Công nghệ tốt nhất hiện có” có nghĩa là một phương pháp, kỹ thuật hay chu trình đã được nghiên cứu hoặc thực nghiệm cho thấy đem lại kết quả tối ưu, và được thiết lập hay đề xuất là thích hợp cho áp dụng đại trà.

### 1.8.1 Ví dụ về thực hành tốt nhất trong quản trị nước bởi đơn vị thực hiện AWS:

- Công khai dữ liệu về sử dụng nước và chất lượng nước để đơn vị khác dùng
- Có kế hoạch quản lý nước tổng thể được thực hiện tốt, được rà soát và cập nhật đều đặn
- Kết hợp với tổ chức trong ngành và các bên hữu quan để thúc đẩy công tác quản lý nước
- Thể hiện hỗ trợ cho công tác quản lý và quản trị nước tốt với các cấp chính quyền phù hợp, bao gồm cả thành lập hoặc tham gia vào chương trình Đối tác Công - Tư
- Tạo điều kiện hoặc đóng góp vào các diễn đàn quản trị đa bên
- Tuyên truyền cho quản trị nước tổng hợp theo lưu vực, bao gồm hỗ trợ công tác điều phối giữa các đơn vị thể chế liên quan

### 1.8.2 Nhiều ngành công nghiệp hiện đã có hướng dẫn về cách cải thiện cân bằng nước thông qua sử dụng hiệu quả, công tác quản lý và giảm sử dụng nước rò rỉ. Tổ chức cần nghiên cứu xem có hướng dẫn nào cho lĩnh vực của mình.

Có sự khác biệt giữa sử dụng nước hiệu quả và giảm sử dụng rò rỉ. Bộ Tiêu Chuẩn cho phép những quan ngại về cân bằng nước được giải quyết thông qua cải thiện mức độ hiệu quả. Tuy nhiên, kỳ vọng lâu dài là giảm tổng khối lượng nước sử dụng, đặc biệt ở những nơi khan hiếm nước là một thách thức chung. Trong trường hợp việc giảm thiểu này là không thể hoặc không thiết thực, cải thiện về hiệu quả dẫn đến giảm lượng nước sử dụng tính theo đơn vị thành phẩm hoặc các chỉ số đo lường có thể áp dụng khác. Điều này đặc biệt quan trọng ở những tình huống nơi một Cơ sở sản xuất đang mở rộng hoặc gia tăng dây chuyền sản phẩm mà không có cải thiện về hiệu quả, Cơ sở sẽ tiêu dùng thậm chí còn nhiều nước hơn hiện tại.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Một cách làm hay nhất hấp dẫn là các Cơ sở xây dựng dự án bổ cấp nước ở nơi khác trong lưu vực để bù đắp nước sử dụng tại Cơ sở. Điều này cho phép các hoạt động của Cơ sở được sử dụng khối lượng nước theo nhu cầu, nhưng xét tổng thể Cơ sở vẫn cải thiện cân bằng nước của lưu vực. Những dự án như thế không cần thiết phải liên quan tới hoạt động của Cơ sở. Ví dụ, Cơ sở có thể làm việc với các nhóm khác trong lưu vực về một dự án chẳng hạn thu giữ nước mưa hay tái sử dụng nước đô thị. Đặc biệt khuyến khích các Cơ sở xem xét những dự án bổ cấp nước cho lưu vực như vậy trước khi xác định không có phương án nào khác ngoài cải thiện hiệu quả để giải quyết những quan ngại về cân bằng nước.

Những ví dụ về thực hành tốt nhất về hiệu quả sử dụng nước:

- Tiến hành nghiên cứu chi tiết nước được sử dụng như thế nào trong tổ chức, khi nào và để làm gì (mở rộng đánh giá cân bằng nước ở mục 1.3.2). Điều này sẽ giúp xác định ưu tiên cần tập trung nỗ lực hiệu quả nước ở đâu hoặc lắp đặt công nghệ hiệu quả nước ở đâu.
- Tập huấn cho người lao động làm thế nào để cải thiện hiệu quả trong công việc và trong các hoạt động thường nhật cơ bản, ví dụ khóa vòi nước.
- Tiến hành điều tra phát hiện rò rỉ và đánh giá đo lường, tiếp đến là có các biện pháp để giảm rò rỉ.
- Lắp đặt các phương tiện sử dụng nước hiệu quả, ví dụ bồn vệ sinh, phòng rửa, dụng cụ lau rửa trang thiết bị, v.v.
- Đối với tưới tiêu, cải thiện lịch lấy nước (ví dụ không tưới vào lúc mưa, tương thích với nhu cầu của đất và cây trồng, và tưới vào lúc bình minh/hoàng hôn/buổi đêm để tránh thất thoát bốc hơi) và lắp đặt hệ thống sử dụng nước hiệu quả, ví dụ công nghệ tưới nhỏ giọt.
- Chuyển đổi sang loại hoặc giống cây đòi hỏi ít nước để tăng trưởng tốt và thích hợp với khí hậu trong vùng.
- Hướng tới sử dụng nguồn nước và sông ngòi bền vững nhất hiện có
- Áp dụng những cách làm hay nhất về sử dụng nước hiệu quả. Nếu không rõ cách làm nào là tốt nhất, có thể kết hợp với các bên hữu quan để xác định cách làm phù hợp nhất đối với lưu vực.

**1.8.3** Chất lượng nước có thể được áp dụng với nước đầu vào, nhưng cũng có thể áp dụng đối với nước đầu ra. Ví dụ về thực hành tốt nhất về chất lượng nước bao gồm:

- Đáp ứng chất lượng nước theo mục đích dự định. Ví dụ, một số mục đích sử dụng công nghiệp không đòi hỏi nước có chất lượng như nước uống. Sử dụng nước chất lượng thấp có thể bảo tồn nước chất lượng cao cho các mục tiêu cốt yếu, và có thể giúp tiết kiệm chi phí xử lý nước và các đòi hỏi về năng lượng và hóa chất kèm theo.
- Trong nông nghiệp, cây trồng được lựa chọn có thể phù hợp với nguồn cung cấp nước hiện có mà không cần xử lý. Ví dụ, một số cây trồng có thể chịu được nước hơi mặn (ví dụ, 2000 mg/l chất rắn hòa tan).
- Sử dụng hệ thống đất ngập nước để xử lý một phần hoặc toàn bộ nước thải. Điều này có thể đem lại một chuỗi các lợi ích, bao gồm giảm thiểu sử dụng năng lượng, và tạo ra lợi ích cho đa dạng sinh học và tạo ra không gian xanh hấp dẫn.
- Áp dụng cách tiếp cận “kế hoạch an toàn nước” để bảo vệ sông ngòi và tầng nước ngầm chất lượng cao. Điều này có nghĩa là sử dụng các cách quản lý đất phù hợp để trước tiên bảo vệ sông ngòi không bị ô nhiễm, do đó những người sử dụng nước ở khâu cuối cùng (ví dụ các đơn vị cung cấp dịch vụ nước) có thể ít phải dựa vào xử lý nước hơn.

**1.8.4** Chỉ số này áp dụng cả cho cả IWRA trong và ngoài Cơ sở (nhưng vẫn trong phạm vi lưu vực của Cơ sở). Có thể cách làm hay nhất đối với một IWRA trong Cơ sở sẽ khác với một IWRA nằm ngoài Cơ sở.

Đối với IWRA, cách làm hay nhất phụ thuộc nhiều vào tính chất của IWRA. Ví dụ bao gồm:

- Đối với IWRA là nước mặt gần vùng nông nghiệp, thiết lập những giải đệm giữa các cánh đồng và IWRA để tránh không bị ô nhiễm nước chảy tràn.
- Thiết lập hệ thống xử lý đất ngập nước để bảo vệ IWRA tránh nước chảy tràn từ đường phố và khu vực đậu xe.
- Thiết lập chương trình quan trắc định kỳ để theo dõi bất cứ thay đổi nào hay tác động nào đến IWRA.
- Lắp đặt giếng khoan quan trắc nằm giữa Cơ sở hoạt động và IWRA như một cách thức “cảnh báo sớm” để phát hiện ra bất cứ ảnh hưởng nào từ Cơ sở (ví dụ mực nước hay chất lượng nước) có thể tác động đến IWRA.
- Hỗ trợ một dự án (trực tiếp hoặc thông qua một NGO) để phục hồi và cải thiện một IWRA từng bị thiệt hại trong quá khứ.
- Hỗ trợ các sáng kiến thông tin cộng đồng (ví dụ biển báo) để nâng cao nhận thức về IWRA và thuyết phục các Cơ sở khác không gây hành động có thể tác hại đến IWRA.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

**1.8.5** Chỉ số này liên quan đến lưu vực, bao gồm Cơ sở. Tuy nhiên, cung cấp WASH là một chỉ số trọng yếu cho các nỗ lực tại Cơ sở và là một chỉ số cấp tiến cho các nỗ lực ngoài Cơ sở. Do đó, các cách làm hay nhất ngoài Cơ sở chỉ áp dụng nếu đơn vị thực hiện lựa chọn tuân theo mức cấp tiến (như trình bày ở mục 3.6 và 3.9).

Tầm quan trọng của chỉ số này phụ thuộc vào những phát hiện được trình bày ở mục 1.5.7 (mức độ thỏa đáng của các dịch vụ WASH hiện có trong phạm vi lưu vực).

Ở một nước phát triển với tỉ lệ cung cấp dịch vụ nước và xử lý nước thải rất cao, có thể có ít khả năng có thêm bất cứ sáng kiến hay lợi ích nào.

Ví dụ về thực hành tốt nhất về tiếp cận nước sạch vệ sinh WASH tại Cơ sở:

- Có đủ nước uống an toàn cho tất cả người lao động, có tính đến nhu cầu tăng cao vào lúc thời tiết nóng.
- Có đủ tiện nghi vệ sinh và phòng rửa, với chất lượng cao, cho nam và nữ và bất cứ nhu cầu nào khác, ví dụ cho người tàn tật, theo tuổi tác hay tôn giáo.
- Có khu tắm vòi hoa sen cho người lao động là những người không có đủ phương tiện vệ sinh ở nhà mình.
- Tập huấn cho người lao động và gia đình họ về các biện pháp giữ gìn vệ sinh, trong phạm vi cộng đồng của họ nếu phù hợp.

## BƯỚC 2: CAM KẾT VÀ LÊN KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 2

Một cam kết bởi lãnh đạo cao cấp là cần thiết để đảm bảo một tổ chức có động lực để bảo tồn nước và có ý định đầu tư, về thời gian, tiền bạc và nguồn lực con người để bắt đầu, để hoàn thành và tiếp tục hành trình bảo vệ nguồn nước. Việc chia sẻ thông tin ra bên ngoài sẽ giúp đảm bảo rằng tổ chức ấy vẫn sẽ cam kết, một phần để bảo vệ uy tín và niềm tin của mình. Chia sẻ trong nội bộ sẽ giúp thiết lập công tác bảo vệ nước trong văn hóa của tổ chức và gửi thông điệp đến tất cả nhân viên của mình về tầm quan trọng của công việc này.

Quá trình bảo tồn nước thường phải mất hàng năm để đạt được sự tương thích đầy đủ và được công nhận. Khi đã đạt được công nhận thì quá trình ấy vẫn cần phải được duy trì hoạt động và cam kết lâu dài. Điều này có nghĩa là việc lên kế hoạch là thiết thực để chuẩn bị cho các cam kết về tài chính và thời gian cần thiết. Việc đầu tiên là lên kế hoạch thực hiện quản lý nước. Việc thứ hai có tính lâu dài, đó là xây dựng một Kế hoạch Bảo tồn nước có tính cố định hơn, tuy nhiên kế hoạch này cũng sẽ tiếp tục phải xây dựng và phát triển cùng với thời gian.

### 2.2 CAM KẾT BẢO TỒN NƯỚC

**2.1.1** Người ký cam kết phải là người ở vị trí có thể quyết định và đảm bảo phần tài chính và nhân lực cần thiết để đạt được sự công nhận về bảo tồn nước cho tổ chức của mình, và để duy trì được danh hiệu này trong thời gian dài, bao gồm nguyên tắc liên tục hoàn thiện.

Trong trường hợp có sự thay đổi trong vị trí nhân sự này, thì người mới có trách nhiệm tương tự, cũng cần phải tái khẳng định cam kết của tổ chức bằng cách cũng cần phải ký vào cam kết đó.

**2.1.2** Cam kết từ lãnh đạo cấp cao, cùng với việc công bố thông tin ra công chúng, sẽ làm tăng trách nhiệm với cam kết hơn và giúp đưa cam kết này vào chiến lược phát triển lâu dài của tổ chức.

### 2.2 XÂY DỰNG VÀ TÀI LIỆU HÓA QUÁ TRÌNH ĐẠT ĐƯỢC VÀ DUY TRÌ CÁC TUÂN THỦ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

**2.2.1** Các yêu cầu thu thập kiến thức về các quy định pháp luật liên quan đến nước được đề cập tại Chỉ số 1.5.2

Cơ sở cần phải chứng minh được các quy trình và quá trình của họ trong việc tuân thủ từng quy định pháp luật có liên quan, tóm tắt các yêu cầu tuân thủ và các nghĩa vụ, chi tiết hóa việc làm thế nào để tuân thủ và có bằng chứng để trình nộp các văn bản theo yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền. Hệ thống cũng cần ghi chép lại những cảnh báo với các trường

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

hợp không tuân thủ, bao gồm cả các mức xử phạt và có báo cáo về hành động khắc phục. Hệ thống ghi chép này nếu có, sẽ có thể được xem xét tham khảo. Liên quan đến người chịu trách nhiệm thì cần nêu chức danh chịu trách nhiệm hơn là cá nhân cụ thể vì cá nhân đảm nhiệm cũng có thể thay đổi.

Cơ quan điều tiết sẽ định nghĩa thông tin họ yêu cầu ở các mức chi tiết khác nhau. Một số yêu cầu có thể cụ thể và chi tiết, ví dụ, làm rõ các thông số chất lượng nước cần phải báo cáo hoặc với dẫn chiếu đến các quy định về chất lượng nước có liên quan. Các yêu cầu khác có thể linh hoạt hơn, ví dụ yêu cầu một báo cáo về “chất lượng nước” hoặc yêu cầu chứng minh rằng nước có thể dùng để uống. Trong trường hợp này, tổ chức cũng cần viện dẫn đến các tiêu chuẩn phù hợp, hoặc là tiêu chuẩn của địa phương, của quốc gia hoặc tiêu chuẩn quốc tế được chấp nhận, như Hướng dẫn về chất lượng nước uống của Tổ chức Y tế Thế giới WHO.

Các nguyên tắc tương tự được áp dụng với các yêu cầu tuân thủ khác, như về giới hạn khai thác nước hoặc các tiêu chuẩn về xả thải nước thải.

### 2.3 XÂY DỰNG MỘT CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH BẢO TỒN NƯỚC

Để xây dựng kế hoạch này, tổ chức cần sử dụng các thông tin thu thập được trong Bước 1, có được cam kết ủng hộ của lãnh đạo và được cung cấp các nguồn lực cần thiết như yêu cầu trong bước 2.1, để phác thảo một kế hoạch nhằm đạt được các mục tiêu hướng đến giải quyết các thách thức, và rủi ro cũng như các cơ hội đã được chỉ ra.

2.3.1 Sự khác nhau giữa chiến lược và kế hoạch nằm ở mức độ chi tiết của chúng. Đây là các văn bản khác nhau nhưng cũng có thể được kết hợp lại với nhau. Chiến lược đưa ra tầm nhìn, nhiệm vụ và các mục tiêu tổng quát để bảo tồn nước.

2.3.2 Kế hoạch vạch ra một cách cụ thể các chỉ tiêu gắn liền với các mục tiêu (như được đặt ra trong Bản chiến lược), và các điều khoản chi tiết như được định nghĩa trong Tiêu chuẩn. AWS khuyến nghị rằng kế hoạch nên được cấu trúc trên Cơ sở 5 kết quả tác động của tiêu chuẩn AWS.

Kế hoạch bảo tồn nước cần đề cập đến các rủi ro, các thách thức và cơ hội chung, như đã được xác định tại Bước 1, và có cân nhắc đến 5 kết quả tác động của tiêu chuẩn AWS. Khi đề cập đến phần rủi ro, nên cân nhắc 3 nhóm rủi ro chung liên quan đến nước, đó là:

1. Rủi ro liên quan đến khu vực và cấp nước của khu vực
2. Rủi ro từ khu vực đến các đối tượng dùng nước khác và đến môi trường tự nhiên
3. Rủi ro liên quan đến các thách thức chung (mà có thể cũng trùng với hai nhóm trên)

Các hành động cần phù hợp với các nguyên tắc sau:

- Cần phải được ưu tiên theo mức độ cấp bách và mức độ rủi ro, thông qua tham vấn với các bên liên quan, có cân nhắc đến các quan ngại và lợi ích của các bên.
- Cần gắn với các chỉ tiêu hoặc mục đích với các tính chất SMART, đó là: cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, khả thi và gắn với thời gian hoàn thành.
- Phạm vi và chi phí cần phải phù hợp và có tỉ lệ với mức độ cấp bách và mức độ rủi ro.
- Xác định ai chịu trách nhiệm về việc gì. Một cách tiếp cận hữu ích đó là xác định ra được Ai sẽ: Có trách nhiệm giải trình, có trách nhiệm, được tham vấn và được thông tin (cách tiếp cận ARCI). Nên quy định vị trí chịu trách nhiệm thay vì cá nhân cụ thể vì cá nhân ấy cũng có thể thay đổi.

Có hai nhóm hành động chính như sau:

- Hành động ngay lập tức để giải quyết một vấn đề cấp bách, một vấn đề có tính rủi ro cao hoặc để tận dụng ngay một cơ hội
- Hành động lâu dài để đưa ra một bảo vệ thường trực trước rủi ro hoặc để đạt được sự cải thiện về tình trạng thông qua các cơ hội có được trong quãng thời gian dài

Một cách dễ dàng để tóm tắt bản kế hoạch là dùng mẫu bảng biểu, với các tài liệu hỗ trợ khi cần thiết. Dù thể hiện bằng cách nào thì thông tin cần phải có bao gồm: các chỉ tiêu, phương pháp theo dõi và đo lường; hành động; khung thời gian; ngân sách và người chịu trách nhiệm. Cũng cần chỉ ra mối quan hệ giữa chỉ tiêu và việc thực hiện được các thực hành tốt, khi có thể.

**2.3.3** Tổ chức được khuyến khích thúc đẩy quản lý nước thông qua các quan hệ đối tác với các Cơ sở khác mà các Cơ sở này có thể không của cùng một tổ chức hay không cùng một công ty. Điều này đặc biệt có cần thiết khi đề cập đến các thách thức có liên quan đến nước chung:

- Cùng hợp tác với các bên khác để giảm khai thác nước ròng trong lưu vực
- Hợp tác trong các hoạt động bảo vệ và phục hồi một khu vực IWRA
- Cùng làm việc để giảm xả thải ô nhiễm, như với phân bón và thuốc trừ sâu ra các nguồn nước tiếp nhận
- Trong trường hợp mà không có các hoạt động thực tế thì Cơ sở có thể cùng với các tổ chức khác thực hiện các hoạt động truyền thông về các nguyên tắc bảo tồn nước.

AWS không yêu cầu thực hiện các hành động đó nếu hoàn cảnh không phù hợp, nhưng cũng kỳ vọng rằng Cơ sở có thực hiện đánh giá nhu cầu và tiềm năng, và báo cáo lại về những hoạt động đã thực hiện.

**2.3.4** Hướng dẫn giống như phần 2.3.3, nhưng tình huống mà hành động diễn ra trên nhiều hơn một lưu vực. Nhận thấy rằng các hoạt động diễn ra bên ngoài lưu vực có thể khó khăn hơn hoặc không có thể gán với mẫu ví dụ trong phần 2.3.3.

**2.3.5** Để có bằng chứng về tìm kiếm sự đồng thuận, tổ chức cần báo cáo về việc tổ chức đã thực hiện thu hút sự tham gia của các bên và thông tin với các bên như thế nào. Tổ chức cũng cần chỉ ra, nơi nào có thể, rằng kế hoạch đã cân nhắc đến lợi ích và quan tâm của Các bên liên quan. Thông thường, tham vấn sẽ được thực hiện trong khuôn khổ sự tham gia của các bên (Xem phần Hướng dẫn về Sự tham gia của các bên liên quan).

## 2.4 CHỨNG MINH TÍNH THÍCH ỨNG VÀ ĐÁP ỨNG CỦA CƠ SỞ VỚI CÁC RỦI RO VỀ NƯỚC

Một phần chính của kế hoạch được mô tả trong Bước 2 về cách thức Cơ sở sẽ có hành động. Tuy nhiên, kế hoạch cũng cần phải giải thích Cơ sở sẽ đáp ứng lại các vấn đề như thế nào một cách phù hợp.

**2.4.1** Chỉ số này được bổ sung thêm vào các yêu cầu như đã được chỉ rõ trong Chỉ số 1.7 (hiểu về các rủi ro và cơ hội có liên quan đến nước của Cơ sở). Chỉ số này chủ yếu áp dụng để thấy được cách thức Cơ sở xem sẽ lập kế hoạch như thế nào để giải quyết các rủi ro đến từ bên ngoài không nằm trong sự kiểm soát và trách nhiệm trực tiếp của Cơ sở, đặc biệt đối với những rủi ro có liên quan phụ thuộc vào hạ tầng công. Chỉ số này cũng thừa nhận rằng không phải tất cả các rủi ro đều liên quan đến các trường hợp khẩn cấp. Ví dụ, các rủi ro gắn với chỉ số này bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Đối với cấp nước đô thị, rủi ro liên quan đến hạ tầng phân phối nước
- Rủi ro ngập lụt do bão, nước mặt và nước biển dâng.
- Đối với nguồn nước (dù là do tư nhân sở hữu hay do đơn vị cung cấp bên ngoài), đó là rủi ro đối với nguồn nước mà họ khai thác (nước mặt hoặc nước ngầm). Có thể là mực nước, dòng chảy, các sự việc ô nhiễm hoặc xu hướng suy giảm chất lượng nước

Chỉ số này phụ thuộc vào việc tiếp xúc với các nhà quản lý hoặc đơn vị cung ứng nước bên ngoài, và chắc hẳn các nhóm này đã được xác định là Các bên liên quan có liên quan.

Giảm thiểu rủi ro được hiểu là giảm khả năng xảy ra của một sự kiện hoặc giảm phơi nhiễm tới sự kiện đó. Thích ứng rủi ro giả định rằng biện pháp giảm thiểu là không khả thi và rằng Cơ sở cần phải chuẩn bị tốt hơn để đón nhận tác động của sự việc.

Tham vấn với các cơ quan nhà nước và các đơn vị hạ tầng có thể là một cách hữu hiệu để xác định những rủi ro đó. Các bên này có thể đã thực hiện đánh giá rủi ro để hỗ trợ việc công tác của chính họ, nhưng họ có thể chưa từng trao đổi cởi mở về nội dung này. Tham gia này cũng có thể giúp làm cho các đơn vị công có liên quan nhận thức rõ hơn về nhu cầu và mối quan tâm của Cơ sở về các dịch vụ nước và nước thải của mình.

Thông tin cho chỉ số này có thể được kết hợp với chỉ số 1.7 và là một hợp phần của Kế hoạch Bảo tồn nước.

**2.4.2** Các nhà khoa học về khí hậu dự báo rằng biến đổi khí hậu đang và sẽ làm tăng các rủi ro có liên quan đến nước. Loại hình và mức độ của những thay đổi được dự báo là khác nhau đối với mỗi khu vực, và cũng có tính không chắc chắn cao. Các tác động có thể liên quan đến việc có quá nhiều hoặc quá ít nước, như rủi ro ngập gia tăng hay lượng mưa ít đi. Các sự kiện như vậy sẽ có thể diễn ra thường xuyên hơn hoặc có thể nặng nề hơn. Điều này có nghĩa là các hạ tầng có liên quan đến nước ở Cơ sở và ở trong lưu vực có rủi ro cao hơn so với hiện trạng thiết kế của hạ tầng hiện nay để quản lý được chúng. Cơ sở và lưu vực có thể cũng dễ bị tổn thương trước việc thiếu hụt nước.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Với sự phức tạp và bất định liên quan đến các dự báo về biến đổi khí hậu, tổ chức cần phải thực hiện đánh giá của riêng mình, có phối hợp với các cơ quan của nhà nước và các nguồn chuyên gia liên quan. Ví dụ, tổ chức có thể cân nhắc đến khoa học khí hậu và phân tích, đặc biệt dẫn chiếu đến lưu vực.

Kết quả của đánh giá có thể được đưa vào Kế hoạch Bảo tồn nước ban đầu như một phụ lục. Trong mọi trường hợp, các hành động quản lý rủi ro và kế hoạch ứng phó khẩn cấp cần phải được bổ sung thích ứng một cách phù hợp.

## BƯỚC 3: THỰC HIỆN

### HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 3

Bước 3 là phần mà một tổ chức thực hiện kế hoạch của mình như đã xây dựng ở Bước 2, vận dụng những thông tin đã thu thập từ Bước 1. Các tiêu chí và chỉ số gắn với Bước này tập trung để chứng minh việc kế hoạch đã được thực hiện hiệu quả. Tác động từ cơ sở và lưu vực thực tế khi thực hiện kế hoạch này được đề cập trong Bước 4: Đánh giá. Việc phân định này quan trọng vì ngay cả khi một kế hoạch được thực hiện tốt vẫn có thể không tạo nên kết quả cải thiện lưu vực như mong muốn. Điều này không hẳn là vì thực hiện kém, mà có thể do việc hiểu sai về thông tin đã thu thập hoặc vì một vấn đề nào đó do thiếu thông tin. Hướng dẫn đưa ra các ví dụ dưới đây để cho thấy Cơ sở có thể thực hiện và ghi chép lại những gì để chứng minh việc đáp ứng được với các tiêu chí. Tuy nhiên, các hành động cụ thể sẽ phù hợp với các hoạch định trong Bước 2.

Khi kế hoạch được thực hiện nghiêm túc như đã chỉ ra trong Bước 3 mà các kết quả tác động trong Bước 4 lại không được như mong muốn, Cơ sở cần phải đánh giá kế hoạch trên tinh thần mong muốn có các cải thiện liên tục để khắc phục những sai khác này.

Tổ chức cần phải đưa ra các bằng chứng phù hợp rằng mình đang thực hiện kế hoạch bảo tồn nước như đã đề ra tại Bước 2. Việc tài liệu hoá có thể được ghi chép dưới dạng bản in trên giấy hoặc điện tử tùy theo cách làm lâu nay của tổ chức, với điều kiện kiểm toán viên có thể tiếp cận các thông tin này.

Chìa khoá để thực hiện hiệu quả là có chỉ dẫn, quy trình và quá trình rõ ràng; vai trò và trách nhiệm được phân định rõ; nhận thức và học hỏi mạnh mẽ; và theo dõi và đo lường hiệu quả.

### 3.1 THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỂ THAM GIA TÍCH CỰC VÀO QUẢN TRỊ LƯU VỰC

**3.1.1** Tổ chức cần phải mô tả việc tổ chức đã và đang hỗ trợ, đóng góp vào việc quản trị tốt lưu vực như thế nào. Ví dụ, đó có thể là có trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền liên quan và có thể chứng minh hỗ trợ về cải thiện quản trị nước và các chính sách quản lý nước.

**3.1.2** Chỉ số về quyền với nước không thuộc nhóm cơ chế pháp lý như mô tả tại phần 3.2.2. Thông tin về những quyền như vậy có thể đến từ các nhóm quản trị hoặc các bên liên quan ở địa phương. Nhận thấy rằng một số quyền không được yêu cầu, nhưng có liên quan nên đã được đưa vào phần này về mặt quản trị. Một nguồn có thể phục vụ cho thông tin này là từ các tổ chức hoặc nhóm người bản địa.

Hướng dẫn bổ sung về tôn trọng quyền con người đã được đưa ra trong Các Nguyên tắc Hướng dẫn của Liên hợp Quốc về Doanh nghiệp và Quyền Con người (2011), tuy nhiên điều quan trọng cần lưu ý là Tiêu chuẩn AWS chỉ tập trung vào các quyền có liên quan đến nước.

Nơi mà các bên tham gia có quyền lợi liên quan đến tài nguyên nước, như các cộng đồng địa phương và người dân bản địa với các quyền truyền thống, thì các nhóm này cần được thông tin trước và có sự đồng thuận của họ trước khi tài nguyên nước được sử dụng. Nơi nào các quyền này chưa được công nhận bởi một cơ quan điều tiết của chính phủ, thì vẫn cần phải có nghĩa vụ xác định và tôn trọng những quyền này nếu có. Làm việc với những cộng đồng này đòi hỏi một cam kết lâu dài để có được những đối thoại có ý nghĩa và xây dựng được lòng tin giữa các bên.

**3.1.3** Tổ chức phải báo cáo về việc họ đã làm thế nào để cải thiện năng lực quản trị nội bộ của mình, ví dụ như trao nhiều trách nhiệm và thời gian hơn cho công việc quản lý nước cho các nhân viên hiện có hoặc/ và cất cử nhân viên chuyên trách bổ sung.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Bên cạnh kế hoạch và tài liệu hóa công tác quản lý nước (như yêu cầu của Tiêu chuẩn AWS), tổ chức cũng có thể xây dựng thêm các chính sách, hướng dẫn hoặc tiêu chuẩn nội bộ của mình.

**3.1.4** Để cho thấy có nỗ lực tìm kiếm sự đồng thuận, tổ chức phải báo cáo về việc mình đã thu hút các bên liên quan và đã trao đổi với họ như thế nào về các sáng kiến bảo tồn nước và cách tiếp cận quản trị nước của mình. Khi có thể, Cơ sở phải cho thấy phương pháp tiếp cận của mình đã cân nhắc các lợi ích và mối quan tâm của các bên tham gia như thế nào và ở đâu. Thông thường, tham vấn sẽ được thực hiện trong khuôn khổ Sự tham gia của các bên (Xem phần Hướng dẫn về Thu hút sự tham gia của các bên liên quan).

### 3.2 TRIỂN KHAI HỆ THỐNG NHẪM TUÂN THỦ VỚI CÁC YÊU CẦU QUY ĐỊNH VÀ PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC NƯỚC VÀ QUYỀN VỀ NƯỚC

Kiến thức về quy định pháp luật và quyền về nước được bao gồm trong Chỉ số 1.5.2.

**3.2.1** Tổ chức cần cung cấp, hoặc dẫn chiếu đến văn bản thể hiện việc tuân thủ pháp luật và cung cấp văn bản về vi phạm hoặc hành động khắc phục vi phạm đó đã được thực hiện. Văn bản có thể dưới hình thức thư uỷ quyền, biên bản của kiểm toán viên, hồ sơ tuân thủ, vv... Các Cơ sở có thể dẫn chiếu văn bản do cơ quan quản lý thu thập nếu phù hợp, với điều kiện là kiểm toán viên phải có khả năng tiếp cận những văn bản này để thẩm định.

**3.2.2** Tham khảo hướng dẫn cho mục 3.1.2. Sự khác nhau giữa mục 3.1.2 và mục 3.2.2 là mục 3.2.2 dẫn chiếu cụ thể đến các quyền có trong yêu cầu quy định và pháp luật.

### 3.3 TRIỂN KHAI HỆ THỐNG NHẪM ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU CÂN BẰNG NƯỚC TẠI CƠ SỞ

**3.3.1 và 3.3.2** Đối với các mục tiêu xác định trong Bước 2, tổ chức cần trình bày các mục tiêu là gì và cách thức thực hiện các mục tiêu này một cách rõ ràng và phù hợp. Nội dung này bao gồm kết quả của các dự án bổ sung nước lưu vực. Trường hợp tổ chức không đạt được mục tiêu, cần giải thích rõ lý do.

**3.3.3** Trường hợp tổ chức tái phân bổ mức tiết kiệm nước cho các lợi ích hoặc sử dụng bên ngoài, tổ chức cần trình bày hành động này có tuân thủ pháp luật và có được phê duyệt phù hợp không, nếu có thể áp dụng. Tổ chức cũng cần tham vấn cơ quan quản lý lưu vực và tham vấn cộng đồng khi thực hiện những hành động nói trên. Chúng tôi hiểu rằng trong một số trường hợp, tổ chức không có cơ chế pháp lý hoặc cơ chế khác để tái phân bổ nguồn nước.

Tổ chức được phép thực hiện tái phân bổ nếu mức nước tiết kiệm nhiều hơn mức cần thiết để đạt cân bằng nước bền vững. Việc tái phân bổ có thể mang lại lợi ích về môi trường, văn hóa và xã hội tại lưu vực. Cần tuân thủ pháp luật để đảm bảo có được sự phê duyệt và tránh các nghĩa vụ pháp lý (sự kiện nước đen). Điều này đặc biệt quan trọng đối với nguồn nước được cung cấp cho con người cũng như đối với các vùng nước có giá trị văn hóa và đa dạng sinh học quan trọng đòi hỏi phải có nguồn nước chất lượng. Ngoài ra, cần đảm bảo rằng nguồn nước được tái phân bổ không tạo ra nguy cơ lũ lụt, xói mòn hoặc các thiệt hại khác hoặc đối bên thứ ba. Với mọi mục đích, tổ chức phải đảm bảo chất lượng nước an toàn, phù hợp với mục đích sử dụng và nên thực hiện biện pháp xử lý nước nếu cần để đạt được yêu cầu nói trên.

Các ví dụ bao gồm:

- Chuyển nguồn nước tiết kiệm được sang khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng, ví dụ như đất ngập nước có ý nghĩa quan trọng về mặt sinh thái
- Cung cấp nguồn nước uống cho cộng đồng địa phương nhỏ
- Cung cấp nước tưới cho người nông dân tự cung tự cấp
- Bổ sung tầng nước
- Cung cấp nước cho những nhóm bản địa yếu thế trên thị trường nước.

**3.3.4** Trong một số trường hợp, Cơ sở không phải tái phân bổ nguồn nước tiết kiệm theo quy định pháp luật nhưng muốn tái phân bổ vì mục đích xã hội, văn hoá hoặc môi trường. Tổ chức có thể sử dụng phương pháp lượng hoá bất kỳ mà tổ chức thấy là phù hợp.

### 3.4 THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHẪM ĐẠT CÁC MỤC TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Đối với các mục tiêu được xác định trong Bước 2, tổ chức cần trình bày các mục tiêu là gì và tiến trình hướng tới mục tiêu như thế nào một cách rõ ràng và phù hợp.

**3.4.1** Với mỗi mục tiêu chất lượng nước, bằng chứng phải thể hiện: vùng nước hoặc đặc điểm của vùng nước, chất lượng nước mục tiêu và thời gian dự kiến đạt được mục tiêu đó. Tổ chức phải thể hiện tiến triển đạt được so với kế hoạch. Nếu tổ chức không đạt được tiến triển so với kế hoạch, cần giải thích lý do tại sao không đạt và hành động khắc phục phù hợp.

**3.4.2** Tối thiểu chất lượng nước thải phải tuân thủ quy định pháp luật. Thông lệ tốt nhất có nghĩa là đảm bảo nước thải có chất lượng cao nhất có thể (cao hơn mức tuân thủ), đặc biệt là đối với các khu vực chưa có quy định về nước thải hoặc có quy định về nước thải không chặt chẽ. Nếu chất lượng nước là một thách thức chung, cần xác định vấn đề quan ngại về chất lượng (ví dụ như nồng độ của một chất hóa học ở mức cao) và cần tính đến vấn đề này khi xử lý nước thải và xác định vị trí xả thải.

### 3.5 KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỂ DUY TRÌ HOẶC CẢI THIỆN CÁC KHU VỰC LIÊN QUAN ĐẾN NGUỒN NƯỚC QUAN TRỌNG CỦA CƠ SỞ VÀ/HOẶC LƯU VỰC

**3.5.1** Kế hoạch được xác định theo Tiêu chí 2.3. Trường hợp không xác định được khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng (IWRA), không cần thực hiện hành động nào.

Trong một số trường hợp đặc biệt tổ chức chỉ có thể ngăn chặn sự xuống cấp, việc duy trì IWRA có thể là giải pháp phù hợp duy nhất cho yêu cầu này, tuy nhiên đây chỉ nên được coi là biện pháp cuối cùng.

Trường hợp IWRA được khôi phục hoặc cải thiện, tổ chức phải lập hồ sơ về tình trạng của IWRA trước khi thực hiện các biện pháp can thiệp. Tùy theo đặc điểm, hồ sơ có thể bao gồm nghiên cứu đa dạng sinh học, dữ liệu mực nước và/hoặc lưu lượng, chất lượng nước, v.v. Trên cơ sở đó, xây dựng định mức để quan trắc việc cải thiện. Nếu mục tiêu là bảo tồn (giả sử IWRA đang trong tình trạng tốt), thông tin tương tự có thể được sử dụng để chứng minh IWRA vẫn đang trong tình trạng tốt và nhấn mạnh bất kỳ thay đổi tiêu cực nào về tình trạng của IWRA, từ đó xác định biện pháp khắc phục. Cũng có thể sử dụng hình ảnh và video để thể hiện tình trạng và sự thay đổi.

**3.5.2** Áp dụng hướng dẫn tương tự như đối với mục 3.5.1, ngoại trừ điều kiện chỉ số nâng cao này đòi hỏi việc phục hồi phải hoàn tất.

**3.5.3** Tổ chức phải chứng tỏ đã thông báo cho các bên liên quan về công việc đang thực hiện với các IWRA và đã lấy ý kiến của các bên liên quan, tốt nhất là có được ý kiến thể hiện sự ủng hộ của các bên liên quan. Nếu các bên liên quan có bất kỳ ý kiến phản đối hoặc quan ngại nào, ý kiến phản đối hoặc quan ngại này cần được ghi lại và xem xét phù hợp. Tuy Cơ sở không thể bắt buộc các bên có ý kiến phản hồi nhưng ít nhất tổ chức phải thể hiện rằng mình đã mời các bên liên quan góp ý.

Ví dụ về ý kiến phản đối việc khôi phục IWRA:

- Hoạt động khôi phục vùng đất ngập nước sẽ dẫn đến việc nâng mực nước lên mức không thể chấp nhận được. Điều này cũng sẽ làm tăng mực nước ngầm khu vực xung quanh, dẫn đến nguy cơ ngập tăng hàm của các khu nhà gần đó.

### 3.6 THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHẪM ĐẢM BẢO NGUỒN NƯỚC UỐNG AN TOÀN, NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG (WASH) CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

**3.6.1** Cơ sở cần đánh giá dữ liệu về nước được thu thập liên quan đến lĩnh vực WASH tại Cơ sở thông qua việc xác định các chỉ số giám sát SMART được dùng để xác định khoảng trống trong việc tiếp cận hoặc mức độ đầy đủ so với một số tiêu chuẩn và hướng dẫn độc lập và xem xét thông tin đầu vào trong nội bộ, thu thập từ lực lượng lao động. Cơ sở cần mô tả và định lượng mọi biện pháp bổ sung được thực hiện để cải thiện mức độ tiếp cận và mức độ đầy đủ về WASH tại Cơ sở, được xây dựng từ đánh giá theo Chỉ số 1.3.8. Nội dung này cần tính đến yếu tố bình đẳng giới trong nhu cầu cùng với bất kỳ nhu cầu đặc biệt nào khác và bao gồm, nhưng không giới hạn, việc cải thiện khả năng tiếp cận và cung cấp đầy đủ nước uống, nhà vệ sinh, trang thiết bị vệ sinh, khu vực đảm bảo vệ sinh cho việc sử dụng thực phẩm và đồ uống, và có thể có vòi hoa sen.

**3.6.2** Ví dụ về trường hợp tổ chức có thể vi phạm quyền con người liên quan đến nguồn nước đảm bảo và vệ sinh của cộng đồng:

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

- Tác động tiêu cực đến nguồn cung cấp nước của cộng đồng như ô nhiễm hoặc khai thác quá mức mà không gây thất thoát đối với nguồn cung cấp nước.
- Hoạt động phát triển hoặc khoanh vùng đất đai ngăn cản người dân bản địa tự do tiếp cận các nguồn nước truyền thống.
- Không nên coi trọng các chi phí liên quan đến việc cung cấp nước uống an toàn hơn việc đảm bảo nhân quyền

**3.6.3** Báo cáo về mọi hành động và đầu tư của tổ chức nhằm cung cấp và cải thiện trang thiết bị WASH trong cộng đồng. Chỉ số này nhằm ghi nhận những nỗ lực trực tiếp của Cơ sở nhằm cải thiện việc cung cấp WASH bên ngoài ranh giới Cơ sở. Sau đây là một số ví dụ:

- Cung cấp nước uống công cộng (ví dụ: vòi nước) tới khu vực bên ngoài ranh giới Cơ sở, lấy từ nguồn nước Cơ sở. Đây là một lợi ích giá trị ở những nơi nguồn cung cấp nước thành phố bị hạn chế hoặc không có.
- Lắp đặt nguồn nước, hệ thống xử lý và cung cấp nước uống và/hoặc các công trình xử lý nước thải trong cộng đồng địa phương

**3.6.4** Trường hợp cộng đồng địa phương không đảm bảo WASH, tổ chức có nhiều cơ hội hỗ trợ và cung cấp các trang thiết bị mới, một cách độc lập, phối hợp với các tổ chức khác hoặc chính quyền địa phương. Tại những cộng đồng địa phương là nguồn cung cấp nhân lực, việc hỗ trợ trang thiết bị như vậy có thể giúp cải thiện sức khỏe và phúc lợi trực tiếp cho chính người lao động của tổ chức và gia đình của người lao động. Chỉ số này yêu cầu Cơ sở chia sẻ thông tin và ủng hộ thay đổi, và không kỳ vọng rằng Cơ sở phải xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng để cung cấp WASH tại lưu vực bên ngoài Cơ sở.

## 3.7 THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHẪM DUY TRÌ VÀ CẢI THIỆN VIỆC SỬ DỤNG NƯỚC GIÁN TIẾP TRONG LƯU VỰC

**3.7.1** Các phương án giảm sử dụng nước gián tiếp bao gồm:

- Chuyển sang một nhà cung cấp dịch vụ hoặc sản phẩm khác sử dụng ít nước hơn để cung cấp đầu vào chính với cùng cấp độ, số lượng và chất lượng.
- Khuyến khích các nhà cung cấp hiện tại cải thiện hoạt động.

Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng các lựa chọn chuyển đổi nhà cung cấp được dựa trên dữ liệu sử dụng nước có thể đo lường được chứ không phải dựa trên lý thuyết hoặc mô hình. Ví dụ, đánh giá dấu chân nước là một phương tiện để nâng cao nhận thức về lượng nước thường được sử dụng cho một sản phẩm hoặc mặt hàng thực phẩm nhưng có thể phương pháp này không đáng tin cậy đối với một trường hợp cụ thể. Đánh giá dấu chân nước về lượng nước được sử dụng để trồng một loại cây trồng ở một khu vực cụ thể trên thế giới được dựa trên dữ liệu chung cho khu vực đó và không tính đến thông lệ sử dụng nước hiệu quả ở các trang trại riêng lẻ. Mọi lựa chọn có thể có tác động kinh tế đối với nhà cung cấp phải dựa trên dữ liệu có thể xác minh.

**3.7.2** Để giảm sử dụng nước gián tiếp, cần có sự tham gia của các nhà cung cấp để hiểu rõ cách họ sử dụng nước và khuyến khích họ thay đổi các hoạt động của mình để tiết kiệm nước. Nhà cung cấp có thể thực hiện trực tiếp hoặc dựa vào sự hỗ trợ từ tổ chức.

Trên thực tế, nhiều hành động mà tổ chức áp dụng với tư cách là đơn vị quản lý nước hiệu quả có thể phù hợp. Một tổ chức có khả năng quản lý nước hiệu quả sẽ có vị thế mạnh mẽ hơn để tư vấn cho các nhà cung cấp của mình và chứng minh cho họ thấy những ưu điểm và lợi ích mang lại, chẳng hạn như giảm thiểu rủi ro và chi phí.

**3.7.3** Chỉ số này bao gồm rất nhiều các vấn đề và hành động. Sau đây là một số ví dụ:

- Hỗ trợ các dự án tưới tiêu hiệu quả cho cây trồng trong chuỗi cung ứng của Cơ sở
- Hỗ trợ các hành động giảm ô nhiễm nước bắt nguồn từ việc sản xuất một mặt hàng trong chuỗi cung ứng. Ví dụ, hoạt động thuộc da được xem là một nguồn gây ô nhiễm nước đáng kể.

## 3.8 THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHẪM TRAO ĐỔI VÀ THÔNG BÁO VỚI CHỦ SỞ HỮU VỀ HẠ TẦNG LIÊN QUAN ĐẾN NGUỒN NƯỚC CHUNG

**3.8.1** Mục đích của việc trao đổi nhằm xác định các rủi ro thường gặp, được định nghĩa trong mục 2.4.

### 3.9 TRIỂN KHAI HÀNH ĐỘNG NHẪM ĐẠT ĐƯỢC THÔNG LỆ TỐT NHẤT HƯỚNG TỚI KẾT QUẢ THEO TIÊU CHUẨN AWS

Tiêu chí này liên quan đến tiến độ thực hiện mục tiêu về các thông lệ tốt nhất. Trên tinh thần cải thiện liên tục, các chỉ số cốt lõi từ 3.9.1 đến 3.9.5 đề cập đến các hành động nhằm thực hiện thông lệ tốt nhất, có tính đến giai đoạn chuyển tiếp trước khi thực hiện toàn diện. Điều này nhằm tránh trường hợp Cơ sở bị coi là không tuân thủ Tiêu chuẩn trong khoảng thời gian đó. AWS đang xây dựng bản tóm tắt các thông lệ tốt nhất hướng tới năm kết quả, để bổ sung hướng dẫn cho tiêu chí 3.9.

Ví dụ về thông lệ tốt nhất cho mỗi lĩnh vực chủ đề này được trình bày cho các chỉ số 1.8.1 đến 1.8.5.

Mục 3.9.1 đến 3.9.5 trình bày việc triển khai hành động nhằm đạt được thông lệ tốt nhất.

Mục 3.9.6 đến 3.9.10 trình bày về thành tựu triển khai các thông lệ tốt nhất (được định lượng, nếu phù hợp).

3.9.11 trình bày các nỗ lực Cơ sở đã thực hiện để thúc đẩy việc áp dụng thông lệ tốt nhất bên ngoài phạm vi Cơ sở.

3.9.12 trình bày danh sách các hành động thu thập thông tin Cơ sở thực hiện.

3.9.13 Chỉ số này đánh giá việc cải thiện, được các bên liên quan xác nhận, nhờ các hành động tập thể nêu trong mục 3.9.12. Ví dụ: nếu một hành động cải thiện đối với IWRA được thực hiện tập thể, Cơ sở sẽ có bằng chứng được lượng hoá về (các) tác động tích cực đối với IWRA và bằng chứng từ các bên liên quan cho thấy Cơ sở thực sự có vai trò trong hành động tập thể đó.

## BƯỚC 4: ĐÁNH GIÁ

### HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 4

Đơn vị quản lý nước phải định kỳ rà soát hoạt động và tiến độ thực hiện. Điều này bao gồm việc đánh giá những đóng góp và lợi ích của tổ chức đối với việc quản lý nước, cũng như mức độ rủi ro đã thay đổi như thế nào đối với tổ chức và các bên liên quan. Đánh giá là cơ sở cho việc xác định những hành động hoặc cách tiếp cận mới cần thực hiện. Có thể cần cập nhật kế hoạch ứng phó sự cố và quản lý nước tùy từng thời điểm và hoạt động này sẽ hỗ trợ nguyên tắc cải thiện liên tục.

Tiêu chí và Chỉ số ở Bước 4 khác với Tiêu chí và Chỉ số ở Bước 3 vì trong bước này, chúng ta đang đánh giá tác động có được từ kế hoạch của Cơ sở đối với chính Cơ sở và lưu vực và tác động của các yếu tố đầu vào chính đối với lưu vực, nếu phù hợp.

### 4.1 ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ

4.1.1 Tổ chức cần liệt kê các mục tiêu cần hành động, những cải thiện trong kế hoạch quản lý nước, và báo cáo về tiến độ thực hiện những mục tiêu đó. Tổ chức cũng sẽ báo cáo về đóng góp của mình nhằm đạt được từng Kết quả trong số năm Kết quả AWS. Tốc độ đạt được các mục tiêu phải được so sánh với các mốc thời gian tương ứng trong kế hoạch quản lý nước.

4.1.2 Chỉ số này dẫn chiếu đến việc tạo dựng giá trị cho tổ chức thực hiện. Tổ chức cần trình bày cấu phần chi phí và lợi ích về nước và báo cáo hoạt động đầu tư tài chính cho lĩnh vực quản lý nước của tổ chức và các dịch vụ và lợi ích đạt được. Ví dụ, hiệu quả sử dụng nước được cải thiện sẽ giúp tiết kiệm một số chi phí, chẳng hạn như phí cấp nước hoặc giảm chi phí năng lượng (cho việc bơm nước từ giếng khoan).

Có thể phải mất một khoản chi phí ròng để có được lợi ích giảm thiểu rủi ro (và tránh đội chi phí bất ngờ), nhằm đảm bảo an ninh nguồn nước lâu dài hơn.

4.1.3 Trường hợp có thể xác định, tổ chức cần báo cáo về giá trị lợi ích cho lưu vực và/hoặc các bên liên quan đến lưu vực, nên tập trung vào các đóng góp được lượng hoá. Có thể là lợi ích tài chính nhưng cũng có thể là lợi ích giá trị như vốn tự nhiên và dịch vụ hệ sinh thái được cải thiện hoặc cải thiện an ninh nước dài hạn trên lưu vực và giảm rủi ro.

Đánh giá mang tính định lượng về giá trị liên quan đến nước do Cơ sở mang lại cho lợi ích của lưu vực có thể gặp thách thức trong một số trường hợp và thường chỉ có thể đưa ra đánh giá định tính.

Một số ví dụ bao gồm:

- Cung cấp miễn phí nước hoặc nước thải đã qua xử lý cho hoạt động cấp nước chung hoặc tưới tiêu
- Cải thiện chất lượng nước của một vùng nước thông qua cải thiện xử lý nước thải hoặc lắp đặt hệ thống xử lý đối với đất ngập nước;
- Giúp cải thiện một đặc điểm của IWRA và cung cấp các lợi ích về vốn tự nhiên và xã hội cho thiên nhiên và cộng đồng (ví dụ: cho hoạt động giải trí và phúc lợi).

**4.1.4** Tổ chức phải thực hiện và báo cáo về hoạt động rà soát các chính sách và kế hoạch quản lý nước của tổ chức do cán bộ quản lý cấp cao hoặc cấp điều hành thực hiện. Hoạt động này nên được thực hiện bởi các nhà quản lý cấp cao (có thể ở cấp hội đồng quản trị) là những người không tham gia vào việc quản lý nước hàng ngày.

Đội ngũ cán bộ điều hành là những nhân sự cao cấp nhất trong tổ chức. Nhiệm vụ rà soát này nên được thực hiện bởi giám đốc điều hành (hoặc cán bộ ở cấp tương đương), giám đốc tài chính (hoặc cán bộ ở cấp tương đương) hoặc giám đốc vận hành (hoặc cán bộ ở cấp tương đương). Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, ít nhất phải có một thành viên trong ban điều hành là người thực hiện rà soát.

Ngoài ra, cơ quan quản trị cấp cao nhất, thường là hội đồng quản trị (hoặc tương đương), có thể thực hiện việc rà soát. Nếu tổ chức không có hội đồng quản trị, cơ quan quản trị tương đương cần được tham khảo ý kiến (ví dụ: hội đồng ủy thác). AWS khuyến khích trang Cơ sở tham gia thảo luận toàn diện về các nỗ lực quản lý nước, tối thiểu phải gồm những nội dung thảo luận sau:

- Các thách thức về nguồn nước chung (được xác định trong mục 2.6 và được xác nhận trong mục 5.3 và 5.4)
- Rủi ro về nguồn nước (được xác định trong mục 2.7 và được xác nhận trong mục 5.1)
- Các cơ hội liên quan đến nguồn nước, tiết kiệm chi phí và lợi ích (được xác định trong mục 2.6 hoặc 2.7 và được xác nhận trong mục 5.1)
- Và các sự cố nghiêm trọng liên quan đến nguồn nước hoặc các sự kiện cực đoan, nếu phù hợp

Cơ sở phải cung cấp chương trình của cuộc họp thảo luận về các nỗ lực quản lý nước của Cơ sở (bao gồm các thách thức về nguồn nước chung, rủi ro và cơ hội về nguồn nước, mọi lợi ích hoặc tiết kiệm chi phí liên quan đến nguồn nước và các sự cố nghiêm trọng). Cần có chương trình họp với các nội dung nói trên, cùng với danh sách những người tham dự. Việc rà soát phải được trình bày bằng văn bản hàng năm đề cập đến các mục có quan ngại về mặt hiệu quả thực hiện.

## 4.2 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC SỰ CỐ KHẨN CẤP LIÊN QUAN ĐẾN NGUỒN NƯỚC

**4.2.1** Tổ chức cần báo cáo ít nhất hàng năm về mọi sự kiện quan trọng hoặc khẩn cấp liên quan đến nguồn nước, phản ứng, hành động và kết quả thực hiện. Tổ chức cũng cần xác định nguyên nhân của các sự kiện và nếu phù hợp, phải thực hiện các hành động mới hoặc sửa đổi kế hoạch quản lý nước. Điều này bao gồm các sự kiện ảnh hưởng đến tổ chức và các sự kiện phát sinh từ tổ chức hoặc Cơ sở của tổ chức ảnh hưởng đến những bên khác trong lưu vực. Hoạt động rà soát nói trên có thể được thực hiện như một phần của cuộc đánh giá lớn hơn (đối với tất cả các sự cố khẩn cấp), với điều kiện là các khía cạnh liên quan đến nguồn nước được xác định và lập thành văn bản như trên.

Các sự cố có thể bao gồm các trường hợp khẩn cấp về môi trường (có thể có hoặc không phải là các sự kiện cực đoan, có thể có hoặc không do con người gây ra):

- Lũ lụt – ở mức từ nhẹ đến nghiêm trọng - có thể ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy và cơ sở hạ tầng, bao gồm hoạt động quản lý nước mưa
- Thiên tai làm hư hại cơ sở hạ tầng cấp nước (ví dụ như lở xoáy, bão, động đất)
- Hạn hán ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn nước và nồng độ chất gây ô nhiễm trong nước thải
- Thay đổi môi trường liên quan đến chất lượng nước (ví dụ tảo nở hoa)
- Các loài xâm lấn nước ngọt

Sự cố cũng có thể bao gồm các tình huống ngẫu nhiên hoặc các tình huống bên ngoài khác:

- Sự cố tràn hoặc rò rỉ chất ô nhiễm cần được loại bỏ
- Lỗi kết cấu của thiết bị
- Xung đột chính trị (ví dụ: chiến tranh)

- Lỗi do con người
- Phá hoại/khủng bố

Các sự kiện cực đoan, bao gồm những sự kiện từ các lưu vực lân cận, xảy ra trong 10-20 năm qua cũng cần được coi là có liên quan vì chúng có thể cho thấy nguy cơ tiềm ẩn về nước liên quan đến khí hậu đối với khu vực này. Các hiện tượng thời tiết cực đoan và các hiện tượng khí hậu khắc nghiệt được ghi nhận dễ dàng nhất thông qua tin tức truyền thông hoặc thông qua nghiên cứu học thuật, hoặc tổng hợp các nguồn thông tin này. Trong một số hệ thống pháp lý, các cơ quan nhà nước có thể cung cấp nguồn lực để theo dõi các sự kiện đó và đánh giá các tác động và rủi ro của chúng. Cuối cùng, các tổ chức phi chính phủ cũng có các công cụ và thường xây dựng báo cáo về xu hướng tại một địa điểm. Cần tham khảo tất cả các nguồn thông tin này để tìm hiểu liệu thông tin sự kiện cực đoan có sẵn để đánh giá hay không.

Cơ sở nên chuẩn bị đánh giá hàng năm bằng văn bản về (các) sự cố khẩn cấp trong năm, đặc biệt chú ý đến ứng phó của Cơ sở đối với (các) sự cố. Mọi biện pháp được đề xuất để giảm thiểu các sự cố trong tương lai phải được đưa vào Tiêu chí 5.4. Cơ sở nên cung cấp các bản kế hoạch ứng phó sự cố và quản lý nước trước đó hoặc bản cập nhật, nêu bật những thay đổi được thực hiện so với kế hoạch ứng phó sự cố và quản lý nước.

### 4.3 ĐÁNH GIÁ Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan là nguồn ý kiến phản hồi quan trọng và thường cung cấp cho Cơ sở cảnh báo trước về các vấn đề quan ngại trước khi những vấn đề này trở thành rủi ro nghiêm trọng hơn. Do đó, việc tham vấn các bên liên quan về hiệu quả hoạt động không chỉ mang lại “hệ thống cảnh báo sớm” đối với các xung đột tiềm ẩn liên quan đến nguồn nước phát sinh, mà còn giúp xây dựng lòng tin và mối quan hệ trong trường hợp xung đột phát sinh. Hơn nữa, phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả thực tế có thể mang lại thông tin quan trọng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động, cũng như mang lại các ý tưởng hợp tác và lợi ích chung.

Có rất nhiều hình thức truyền thông và phản hồi tiềm năng. Có thể thông qua các cuộc gặp mặt trực tiếp, thư từ, tài liệu quảng cáo hoặc phương thức giao tiếp điện tử. Tổ chức phải báo cáo về hoạt động truyền thông đã thực hiện và các hoạt động này hướng tới các bên liên quan và nhóm lợi ích nào. Nếu có thể, tổ chức nên báo cáo về ý kiến phản hồi (cần cân nhắc vấn đề chia sẻ dữ liệu pháp lý và bảo mật). AWS ghi nhận rằng tổ chức không thể bắt buộc các bên liên quan đưa ra ý kiến phản hồi. Trong trường hợp khó thu thập ý kiến phản hồi, tổ chức cần chứng minh được rằng không có những phản đối nghiêm trọng và không có ảnh hưởng tiêu cực đối với lợi ích của các bên liên quan thuộc nhóm dễ bị tổn thương.

**4.3.1** Tổ chức phải báo cáo về các hoạt động tham vấn, phương tiện truyền thông và ý kiến phản hồi thu thập được. Cơ sở cần tham vấn các bên liên quan ít nhất một lần hàng năm để đánh giá hoạt động quản lý nước và thu thập ý kiến bằng văn bản từ các bên liên quan về hoạt động của Cơ sở. Sự kiện tham vấn là một cơ hội tốt để xác nhận những thách thức chung về nguồn nước và các khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng trong lưu vực. Hình thức tham vấn phải phù hợp với tình hình địa phương và các bên liên quan tham gia nhưng không nhất thiết phải tiến hành trực tiếp. Lưu ý rằng đây có thể là một cuộc tham vấn “không chính thức”. Các hoạt động tham vấn chính thức và chi tiết hơn cũng sẽ được ghi nhận. Đây là cơ hội để thu thập thêm ý kiến đóng góp cho kế hoạch quản lý nước trong giai đoạn mới.

**4.3.2** Do sự tham gia của các bên liên quan có ý nghĩa quan trọng đối với việc thực hiện Tiêu chuẩn hiệu quả và thành công, chỉ số nâng cao này tạo cơ hội cho Cơ sở tìm hiểu đánh giá của các bên đối với Cơ sở trong việc giải quyết các thách thức chung về nguồn nước. Nội dung tham vấn các bên liên quan xoay quanh vấn đề thách thức chung về nguồn nước, đây là vấn đề được tất cả các bên quan tâm. Tuy nhiên, việc tham vấn các bên liên quan không nhất thiết và không nên chỉ hạn chế ở khía cạnh này. Mặc dù dữ liệu độc quyền và/hoặc thông tin nhạy cảm liên quan đến nguồn nước có thể là thông tin mật nhưng Cơ sở vẫn cần tham vấn ý kiến của các bên liên quan về toàn bộ hoạt động liên quan đến nguồn nước của mình. Chỉ số này phụ thuộc vào việc xác định các bên liên quan có quan tâm, sẵn sàng đánh giá các hành động của Cơ sở và cung cấp ý kiến mang tính xây dựng.

### 4.4 ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT KẾ HOẠCH QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC CỦA CƠ SỞ

**4.4.1** Cải thiện liên tục là nguyên tắc cơ bản của Tiêu chuẩn AWS và tiêu chí 4.4 quy định cơ chế đánh giá và cập nhật định kỳ kế hoạch để đảm bảo kế hoạch đó luôn được cập nhật và đạt được tiến triển tích cực.

Tiêu chí này kết hợp các đánh giá khác nhau được thực hiện trong Bước 4 để cập nhật các kế hoạch chính được xây dựng trong Bước 2. Nếu phù hợp, đánh giá cần hướng dẫn các cập nhật và sửa đổi đối với kế hoạch quản lý nguồn nước ban đầu.

Các sửa đổi đối với kế hoạch quản lý nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều lý do, bao gồm những lý do sau:

- Đã đạt được một mục tiêu, vì vậy hành động có thể được ngừng hoặc giảm phạm vi thực hiện;
- Không đạt được một mục tiêu (hoặc với tốc độ quá chậm), vì vậy có thể cần thực hiện các hành động mới hoặc hành động điều chỉnh;
- Các bên liên quan phản đối một hành động hoặc kết quả của hành động;
- Một hành động không đạt kết quả hoặc tác động mong đợi;
- Một hành động gây ra tác động không mong muốn ngoài dự kiến;
- Một hành động được chứng minh là tốn kém một cách không hợp lý;
- Thay đổi quy định.

Cần quy định về khung thời gian và giai đoạn đánh giá trong kế hoạch quản lý nguồn nước, tối thiểu hàng năm hoặc với tần suất thường xuyên hơn. Những dữ liệu sau cần được đánh giá toàn diện theo khung thời gian quy định nhằm xác định (danh sách chưa đầy đủ):

- Kế hoạch đang được thực hiện hướng đến các mục tiêu dự kiến;
- Dữ liệu được thu thập phù hợp với mục tiêu và mục đích;
- Dữ liệu đường cơ sở vẫn phù hợp
- Bài học kinh nghiệm và các khu vực cần cải thiện được ghi lại;
- Các chiến lược thành công và/hoặc thông lệ quản lý tốt nhất được xác định hoặc áp dụng;
- Khu vực nỗ lực thu hút sự tham gia của các bên liên quan đã được đón nhận (bao gồm tính minh bạch);
- Thay đổi tích cực hoặc tiêu cực về rủi ro liên quan đến nguồn nước;
- Thay đổi về tình hình lưu vực
- Thay đổi quy định và thực thi;
- Khu vực có hiệu quả hoạt động tốt hơn và kém hơn;
- Các nỗ lực có hiệu lực và hiệu quả về mặt chi phí/lợi ích (khía cạnh xã hội, kinh tế hoặc môi trường) hay không và được lượng hoá nếu phù hợp và khả thi

## BƯỚC 5: TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

### HƯỚNG DẪN CHUNG CHO BƯỚC 5

Việc truyền thông các kết quả tích cực và tiêu cực là một khía cạnh quan trọng của hoạt động quản lý nguồn nước có trách nhiệm. Truyền thông cung cấp cơ sở cải thiện liên tục thông qua quá trình học hỏi và chia sẻ. Hoạt động này cũng giúp tạo dựng lòng tin và thúc đẩy các mối quan hệ, tạo điều kiện cho các bên đánh giá tốt hơn (và đóng góp vào) những nỗ lực đối với nguồn nước của tổ chức. Khía cạnh truyền thông bao gồm rất nhiều các phương tiện tương tác được thiết kế trong Tiêu chuẩn.

Trong những năm gần đây, khái niệm công bố thông tin (ngoài báo cáo tài chính) ngày càng được quan tâm trong lĩnh vực doanh nghiệp bền vững/trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Khái niệm công bố thông tin bao gồm việc cung cấp thông tin chính thức với hình thức phù hợp và dễ hiểu cho đối tượng truyền thông. Điều này bao gồm việc sử dụng ngôn ngữ địa phương nếu phù hợp.

Yêu cầu công bố thông tin có thể bao gồm khả năng tiếp cận thông tin công khai, chẳng hạn như thông qua trang web của công ty hoặc báo cáo phát triển bền vững, nhưng không giới hạn ở các tùy chọn này. Ví dụ về các hình thức công bố thông tin được chấp nhận bao gồm:

- Bảng thông báo cộng đồng
- Trang web của công ty
- Báo cáo bền vững thường niên
- Phản hồi với các cuộc khảo sát về tính bền vững công khai (ví dụ: CDP-Water)

Việc công bố thông tin (theo bước này) có thể bắt đầu kể từ giai đoạn đầu của hành trình quản lý nguồn nước và tiếp tục được thực hiện cùng với các hoạt động quản lý nguồn nước, không cần đợi đến khi hầu hết các hành động được hoàn thành.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Một thách thức của việc công bố thông tin là khái niệm công bố thông tin “một cách công khai”. Mức độ công bố như thế nào được gọi là “công khai” lại được định nghĩa khác nhau trên toàn cầu và trong các lĩnh vực. Việc không thể xác định chính xác ý nghĩa của từ “công khai” và xác định cần công bố thông tin ở cấp độ nào là một vấn đề khó khăn. Dự kiến mức công bố tối thiểu là công bố thông tin cho các bên liên quan và bất kỳ cơ quan quản lý nào theo yêu cầu. Trang web cũng nên công khai thông tin ở mức tốt nhất có thể (tham khảo phần dưới).

Yêu cầu công bố thông tin theo tiêu chuẩn của AWS được dựa trên tinh thần của CEO Water Mandate (<https://ceowatermandate.org/>) về công bố thông tin nguồn nước của công ty, chương trình công bố thông tin doanh nghiệp của CDP-Water ([www.cdp.net/en/water](http://www.cdp.net/en/water)) và Tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) về báo cáo bền vững ([www.globalreporting.org](http://www.globalreporting.org)).

### 5.1 CÔNG BỐ THÔNG TIN QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC NỘI BỘ CỦA LÃNH ĐẠO CƠ SỞ

**5.1.1** Quá trình quản lý nguồn nước tập trung vào trách nhiệm thực hiện và giải trình các vấn đề liên quan đến nguồn nước tại Cơ sở. Cần quy định rõ về thẩm quyền để đảm bảo thực hiện các biện pháp phòng ngừa cũng như các hành động khắc phục ngay khi có vấn đề phát sinh.

Thông tin quản lý nguồn nước cần phải được công khai ở hình thức phù hợp cho (các) đối tượng mục tiêu. Thông tin công bố cần:

- Trình bày tóm tắt về cách các vấn đề liên quan đến nguồn nước tại Cơ sở được quản lý ở cấp độ Cơ sở. Có thể là phần giới thiệu tổng quan các hệ thống quản lý hiện có.
- Trình bày rõ các vị trí chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến nguồn nước và nêu rõ nếu có một ủy ban chịu trách nhiệm.
- Trình bày hệ thống phân cấp giữa cán bộ chịu trách nhiệm quản lý nguồn nước và lãnh đạo cấp cao nhất ở cấp độ Cơ sở (Giám đốc điều hành hoặc vị trí tương đương) hoặc hội đồng quản trị.

Trường hợp các Cơ sở là một phần trong hoạt động công bố thông tin chung của tổ chức, thông tin công bố của tổ chức phải cho thấy rằng Cơ sở sẵn có quy trình quản lý nguồn nước ở cấp độ Cơ sở theo yêu cầu. Nếu thông tin công bố của tổ chức không có nội dung này thì cần xây dựng báo cáo riêng cho từng Cơ sở và gửi cho đơn vị thẩm định và đối tượng mục tiêu.

Hình thức của thông tin được công bố do Cơ sở quyết định nhưng phải phù hợp với các bên quan tâm (ví dụ: có thể là bài thuyết trình cho các thành viên cộng đồng, nội dung trang web cho các nhóm xã hội dân sự, báo cáo bền vững thường niên cho các nhà đầu tư).

### 5.2 TRUYỀN THÔNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC TỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

**5.2.1** Thông tin truyền thông phải có mức độ chi tiết, bằng ngôn ngữ và hình thức phù hợp với từng nhóm các bên liên quan.

### 5.3 CÔNG BỐ BẢN TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NGUỒN NƯỚC CỦA CƠ SỞ HÀNG NĂM

**5.3.1** Đây là bản tóm tắt kết quả (và/hoặc nỗ lực) Cơ sở đã đạt được trong việc giải quyết các thách thức liên quan đến nguồn nước bằng cách tham chiếu đến các mục tiêu liên quan đến nguồn nước cũng như cam kết của Cơ sở.

Thông tin về kết quả quản lý nguồn nước cần được công bố dưới hình thức phù hợp cho (các) đối tượng mục tiêu cùng với kết quả liên quan đến các vấn đề quan trọng đối với đối tượng mục tiêu;

Cơ sở không phải báo cáo về tất cả các kết quả thực hiện kế hoạch quản lý nguồn nước (quy định chi tiết trong mục 3.2) nhưng phải bao gồm tất cả các kết quả quan trọng đối với (các) đối tượng mục tiêu và nên trình bày càng nhiều kết quả càng tốt nhằm làm nổi bật mối tương quan giữa các kết quả cụ thể với các rủi ro và cơ hội về nguồn nước tại Cơ sở (ví dụ: tạo ra hoặc khôi phục các tài sản liên quan đến nguồn nước như cơ sở hạ tầng nguồn nước tự nhiên và xây dựng).

Cơ sở không phải công bố bất kỳ số liệu tài chính nào trừ khi Cơ sở không có ràng buộc về bảo mật và các số liệu giúp chứng minh hiệu quả quản lý nguồn nước của Cơ sở liên quan đến các lợi ích giá trị chung về tài chính, xã hội, văn hóa hoặc môi trường.

Các Cơ sở được khuyến khích trình bày thách thức và cơ hội phát sinh trong quá trình nỗ lực tác động đến sự thay đổi. Điều này giúp các bên liên quan hiểu rõ về các điều kiện thuận lợi và trở ngại để đạt được các mục tiêu đề ra. Hoặc cần xây dựng báo cáo riêng cho từng Cơ sở và cung cấp cho bên thẩm định và các bên quan tâm.

Hình thức của bản trình bày về kết quả thực hiện của Cơ sở do Cơ sở quyết định nhưng phải phù hợp với các bên quan tâm (bằng ngôn ngữ địa phương và hình thức dễ hiểu). Có thể sử dụng các hình thức như bảng thông báo cộng đồng, trang web của Cơ sở, báo cáo phát triển bền vững thường niên cho các nhà đầu tư, v.v.

**5.3.2** Các báo cáo thường niên là công cụ truyền thông quan trọng của tổ chức và thường được xuất bản dưới dạng bản điện tử và bản in. Vì đôi khi các báo cáo Doanh nghiệp bền vững hoặc Doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội đôi khi được tách riêng nên những báo cáo này cũng được chấp nhận, mặc dù AWS khuyến khích lồng ghép các vấn đề quản lý nguồn nước (cùng với các vấn đề phát triển bền vững khác) trong báo cáo thường niên chính thông qua hình thức báo cáo tổng hợp. Báo cáo phải được đánh số trang, tham chiếu rõ tới AWS và nêu rõ một hoặc nhiều Cơ sở thực hiện Tiêu chuẩn AWS và trình bày về mọi cam kết AWS với phạm vi rộng hơn (nếu phù hợp).

**5.3.3** Xem mục **5.3.2** và trong trường hợp này có bao gồm các lợi ích cụ thể từ việc thực hiện.

## 5.4 CÔNG BỐ CÁC NỖ LỰC TẬP THỂ NHẪM GIẢI QUYẾT NHỮNG THÁCH THỨC CHUNG VỀ NGUỒN NƯỚC

**5.4.1** Các thách thức chung về nguồn nước được xác định từ Tiêu chí 1.6. Cơ sở nên thực hiện các nội dung sau:

- Liệt kê tất cả các thách thức chung về nguồn nước
- Mô tả các hành động/nỗ lực đã thực hiện để giải quyết các thách thức chung về nguồn nước
- Thảo luận về các nỗ lực gắn kết sự tham gia của các bên liên quan, tập trung vào sự tham gia hướng tới các thách thức chung về nguồn nước
- Chủ động công bố thông tin cho (các) đối tượng truyền thông và tích cực truyền thông tới các bên liên quan dưới hình thức phù hợp.

Thông tin về nỗ lực cùng giải quyết các thách thức chung liên quan đến nguồn nước, bao gồm các nỗ lực giải quyết thách thức; gắn kết sự tham gia của các công ty, tổ chức và nhóm cộng đồng khác trong khu vực; và phối hợp với các cơ quan trong lĩnh vực công.

**5.4.2** Ngoài thông tin công bố chính thức, các Cơ sở cần truyền thông về những nỗ lực giải quyết các thách thức chung về nguồn nước cho các bên liên quan một cách chủ động, dễ tiếp cận. Điều này có nghĩa là Cơ sở không nên thụ động (chờ đợi các bên liên quan đến với họ) mà thay vào đó nên nỗ lực cung cấp thông tin cho các bên liên quan. Tham khảo nội dung về sự tham gia của các bên liên quan ở phần đầu của Hướng dẫn để biết thêm chi tiết.

Cơ sở sẽ quyết định về hình thức công bố về các biện pháp ứng phó và thách thức chung về nguồn nước nhưng phải phù hợp với các bên quan tâm (bằng ngôn ngữ địa phương và hình thức dễ hiểu). Có thể sử dụng các hình thức như bảng thông báo cộng đồng, trang web của Cơ sở, báo cáo phát triển bền vững thường niên cho các nhà đầu tư, v.v.

## 5.5 TRUYỀN THÔNG VỀ SỰ MINH BẠCH TRONG VIỆC TUÂN THỦ LIÊN QUAN ĐẾN NGUỒN NƯỚC

**5.5.1** Chỉ cần cung cấp bản tóm tắt về việc tuân thủ nhưng phải bao gồm tất cả các vi phạm nghiêm trọng liên quan đến nguồn nước. Sẽ rất hữu ích nếu Cơ sở cung cấp bối cảnh vi phạm để người đọc hiểu rõ lý do/vấn đề xảy ra như thế nào và cách thức phòng ngừa trong tương lai. Trong phần này, Cơ sở cũng có thể báo cáo tuân thủ “vượt mức” so với Tiêu chuẩn AWS.

AWS ghi nhận rằng trong một số trường hợp, việc tích cực truyền đạt những vi phạm như vậy có thể gây ra sự chú ý quá mức và do đó làm tăng rủi ro về nguồn nước tin cậy. Do đó, tiêu chí này không yêu cầu tích cực truyền thông về các vi phạm tuân thủ. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, Cơ sở phải cung cấp thông tin phù hợp cho bất kỳ bên liên quan nào yêu cầu. Trên thực tế, thông tin sẵn có sẽ được biết đến thông qua cập nhật tình trạng của Cơ sở được AWS chứng nhận.

Cơ sở sẽ quyết định về hình thức công bố về các biện pháp ứng phó và thách thức chung về nguồn nước nhưng phải phù hợp với các bên quan tâm (bằng ngôn ngữ địa phương và hình thức dễ hiểu). Có thể sử dụng các hình thức như bảng thông báo cộng đồng, trang web của Cơ sở, báo cáo phát triển bền vững thường niên cho các nhà đầu tư, và các tài liệu khác.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

5.5.2 Cơ sở cũng cần công bố hành động khắc phục đã thực hiện để giải quyết các vấn đề nêu trong mục 5.5.1.

5.5.3 Các vi phạm “nghiêm trọng” về nguồn nước là bất kỳ vi phạm nào có tác động nặng nề (nghiêm trọng) đến tình hình tài chính của công ty, hệ sinh thái nước ngọt xung quanh Cơ sở hoặc việc sử dụng nước ngọt của người dân địa phương. Ví dụ, trường hợp có nhiều khiếu nại của các bên liên quan là dấu hiệu cho thấy có vi phạm “nghiêm trọng” về nguồn nước; một khoản tiền phạt lớn do vi phạm tuân thủ liên quan đến nguồn nước cũng sẽ được đánh giá là “nghiêm trọng”.

Trong trường hợp có nguy cơ trước mắt đối với các bên liên quan địa phương, bao gồm hệ sinh thái, Cơ sở cần thông báo ngay về vi phạm cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ sở bị phát hiện có chậm trễ trong những trường hợp như vậy sẽ không đủ điều kiện chứng nhận.

## HƯỚNG DẪN CHỦ ĐỀ CỤ THỂ: CÁC LƯU VỰC

### Kiến thức về lưu vực của tổ chức đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý nước hiệu quả

Biết được lưu vực của tổ chức là rất quan trọng để quản lý nước hiệu quả

Mục đích của phần hướng dẫn về lưu vực nhằm giải thích định nghĩa về lưu vực, sự khác nhau giữa lưu vực nước mặt và nước ngầm và định nghĩa về hai loại lưu vực này. Đây không phải là một hướng dẫn trong sách giáo khoa về cách thức Cơ sở định nghĩa lưu vực của mình. Nội dung này đòi hỏi kiến thức chuyên sâu, phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa phương. Một số tổ chức có thể có kiến thức nội bộ phù hợp, nhưng thường thì các tổ chức sẽ cần sự hỗ trợ của chuyên gia. Một số cơ quan, đặc biệt là ở các nước phát triển hơn, có thể cung cấp bản đồ của các lưu vực được xác định. Đây là một điểm khởi đầu tốt, nhưng có thể không phù hợp với phương pháp quản lý nguồn nước của một Cơ sở. Bản đồ thường chỉ dựa trên lưu vực nước mặt, và cho dù được dựa trên lưu vực nước mặt hay nước ngầm, thì chúng thường có quy mô lớn hơn so với một Cơ sở riêng lẻ, đặc biệt là đối với những người sử dụng nước nhỏ. (Xem Ô giới thiệu 'Cách thức Cơ sở xác định (các) lưu vực của Cơ sở'.)

Kiến thức không đầy đủ hoặc không chính xác về lưu vực:

- Có thể dẫn đến việc bỏ sót những rủi ro quan trọng - đối với tổ chức, hoặc từ tổ chức này sang tổ chức khác
- Có thể dẫn đến việc không xác định được các bên liên quan quan trọng
- Có thể dẫn đến việc tập trung chi phí và nỗ lực không tương xứng vào vị trí địa lý và/hoặc các bên liên quan 'không phù hợp', hoặc khu vực địa lý quá rộng

Lưu vực không phải là một khái niệm giống như Phạm vi tự nhiên, nhưng nó là một thành phần quan trọng của Phạm vi tự nhiên. Tuy nhiên, cả hai có thể có cùng ranh giới. Định nghĩa thuật ngữ:

**Phạm vi tự nhiên.** Diện tích đất có liên quan đến các hành động quản lý nguồn nước và sự tham gia của Cơ sở. Phạm vi tự nhiên bao gồm (các) lưu vực có liên quan nhưng có thể mở rộng về các ranh giới chính trị hoặc hành chính liên quan. Phạm vi tự nhiên thường đặt trọng tâm tại Cơ sở, nhưng có thể bao gồm các khu vực riêng biệt có nguồn nước ở xa hơn.

Lưu vực của Cơ sở là khu vực tự nhiên xung quanh Cơ sở, cung cấp nguồn nước (thượng lưu) và nơi nước thải được xả thải (hạ lưu). Nguồn cung cấp nước của Cơ sở – về mặt số lượng và/hoặc chất lượng - có thể bị ảnh hưởng bởi những hoạt động ở thượng lưu và các hành động của Cơ sở có thể có tác động đối với khu vực hạ lưu, bao gồm những người sử dụng nước khác và môi trường tự nhiên.

Ví dụ về các tác động đối với khu vực thượng lưu:

- Ô nhiễm từ ngành công nghiệp hoặc nông nghiệp làm ô nhiễm nguồn nước
- Tỷ lệ sử dụng nước cao của các bên khác làm giảm lượng nước cung cấp cho Cơ sở
- Lượng mưa lớn gây ngập lụt Cơ sở

Ví dụ về các tác động đối với khu vực hạ lưu:

- Cơ sở sử dụng nhiều nước làm giảm lượng nước có sẵn cho những bên khác
- Nước thải không được xử lý từ Cơ sở gây ô nhiễm các nguồn nước tự nhiên hoặc nguồn cung cấp nước của những bên khác
- Việc làm mất đi thảm thực vật tại khu vực Cơ sở làm tăng tốc độ dòng chảy sau mưa lớn, dẫn đến tăng nguy cơ lũ lụt đối với các công trình ở khu vực hạ lưu

**Lưu vực nước mặt và nước ngầm được định nghĩa khác nhau.** Nguồn cung cấp nước bắt nguồn từ nước mặt hoặc nước ngầm. Lưu vực nước mặt và nước ngầm khác nhau về ranh giới và đặc điểm. Cần có trình độ chuyên môn nhất định để có thể xác định lưu vực một cách đáng tin cậy, đặc biệt là đối với nước ngầm.

#### Lưu vực nước mặt

Lưu vực nước mặt được xác định bởi địa hình của đất. Ranh giới là đường bao phần diện tích mặt đất cao nhất xung quanh lưu vực sông, được xác định từ bản đồ địa hình hoặc nghiên cứu vệ tinh. Để xác định ranh giới khi các lưu vực sông

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

bị ngăn cách bởi các dãy núi hoặc đồi, nhưng khó xác định hơn ở địa hình bằng phẳng. Ranh giới của lưu vực nước mặt được cố định theo thời gian (trừ trường hợp xác định theo các niên đại địa chất).

Toàn bộ lượng mưa (mưa hoặc tuyết) rơi trong phạm vi ranh giới đều chảy xuống dốc về phía vùng nước chính, như dòng chảy dọc theo các sông và chi lưu. Một phần lượng nước bị mất đi do bay hơi, được thực vật hấp thụ (gọi chung là sự thoát hơi nước), thấm xuống đất và đến những người sử dụng nước. Ở những vùng khí hậu khô hạn, lượng bốc hơi cao đến mức còn lại rất ít hoặc không còn lại nước bề mặt (mặc dù lượng nước ngầm còn lại có thể vẫn còn đáng kể). Ở những nơi có nhiều sự can thiệp của con người, chẳng hạn như kênh rạch, dòng chảy của nước có thể bị thay đổi rất nhiều, bao gồm việc chuyển giao giữa các lưu vực. Nước có thể đi vào hoặc ra khỏi lưu vực, được lồng ghép trong các sản phẩm hoặc dịch vụ.

Nước mặt được bổ sung từ lượng mưa trực tiếp, dòng chảy và nước ngầm thấm ra ngoài.

### Lưu vực nước ngầm

Nước ngầm được lưu trữ và di chuyển qua các lớp địa chất có khả năng thấm, hay còn gọi là các tầng chứa nước thông qua các khoảng trống kết nối với nhau hoặc không gian rỗng (độ rỗng).

Một số ranh giới lưu vực nước ngầm là cố định (theo ranh giới địa chất) và một số có thể di chuyển. Ranh giới có thể di chuyển được xác định bởi một "ranh giới nước ngầm" mà vị trí có thể di chuyển do các tác động theo mùa hoặc tác động của việc khai thác nước.

Nước ngầm được bổ sung thông qua nước mưa và nước bề mặt thấm thấu tại các "vùng bổ sung", nơi tầng chứa nước tiếp xúc tại hoặc gần bề mặt, bên dưới lớp đất và đá dễ thấm. Nước ngầm chảy tự nhiên, hoà với nước mặt (ví dụ qua lòng sông) hoặc đổ ra biển.

Thông thường, các lỗ khoan cấp nước lớn (đặc biệt là cấp nước công cộng) đã có các vùng lưu vực được xác định và cũng có thể bao gồm các vùng bảo vệ nguồn được chỉ định (SPZ). Ví dụ: Cục Môi trường của Anh và xứ Wales xác định SPZ gồm ba giai đoạn: Vùng bên trong 1 thể hiện thời gian di chuyển 50 ngày của dòng nước đến lỗ khoan, nơi các hoạt động gây ô nhiễm bề mặt và dưới bề mặt bị cấm. Vùng trung gian 2 thể hiện thời gian di chuyển 400 ngày, hạn chế các hoạt động dưới bề mặt và hạn chế các hoạt động trên bề mặt. Vùng ngoài 3 đại diện cho toàn bộ lưu vực mà từ đó nước ngầm chảy đến lỗ khoan và các hoạt động có khả năng gây ô nhiễm được giám sát.

### Sự kết nối giữa nước mặt và nước ngầm

Tùy thuộc vào điều kiện địa chất, có thể có sự kết nối chặt chẽ giữa nước mặt và nước ngầm, kết nối một phần hoặc tách rời hoàn toàn.

Cần hiểu rõ mức độ kết nối để xác định phạm vi tự nhiên và các rủi ro liên quan đến nguồn nước. Ở những nơi có sự kết nối chặt chẽ, các tác động đối với nước mặt cũng có thể ảnh hưởng đến nước ngầm và ngược lại. Cũng có những trường hợp có sự tương tác *cục bộ*, ví dụ, khi một tầng chứa nước gần bề mặt và tầng chứa nước sâu bị ngăn cách bởi một lớp địa chất bán thấm. Trường hợp có sự kết nối lớn giữa nguồn nước mặt và nước ngầm, phạm vi tự nhiên sẽ bao gồm cả lưu vực nước mặt và lưu vực nước ngầm.

## Hộp thông tin

---

### Khi lưu vực phù hợp có thể ở xa Cơ sở.

Trong trường hợp nguồn cấp nước của khu vực do bên thứ ba cung cấp, chẳng hạn như đơn vị cung cấp thành phố, nước có thể được dẫn qua đường ống, qua nhiều km để đến điểm sử dụng, có thể từ một lưu vực riêng biệt. Khái niệm này cũng áp dụng cho khu vực "hạ lưu" khi nước thải được dẫn qua đường ống đến một Cơ sở nước thải ở xa. Trong những trường hợp này, nhà cung cấp nước hoặc công ty xử lý nước thải là những bên liên quan chính. Tổ chức cần hiểu cách họ quản lý và giảm thiểu rủi ro về nước.

---

**Hộp thông tin**
**Thuật ngữ về đường phân nước và lưu vực**

Hộp thông tin này làm rõ một số quy ước thuật ngữ có thể gây nhầm lẫn.

**Diện tích lưu vực nước mặt**

| Thuật ngữ                                  | Được sử dụng tại            | Nhận xét                     |
|--------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Surface water catchment (lưu vực nước mặt) | AWS, nơi khác               |                              |
| Watershed (lưu vực)                        | tiếng Anh Mỹ (và nơi khác)  |                              |
| River catchment (lưu vực sông)             | tiếng Anh Anh (và nơi khác) |                              |
| River basin (lưu vực sông)                 | Nghĩa chung                 | Còn gọi là 'vùng thoát nước' |

**Ranh giới**

| Thuật ngữ                                     | Được sử dụng tại            | Nhận xét                                              |
|-----------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|
| Catchment boundary (ranh giới lưu vực)        | AWS, nơi khác               |                                                       |
| Divide (ranh giới)                            | tiếng Anh Mỹ (và nơi khác)  |                                                       |
| Watershed (đường phân nước)                   | tiếng Anh Anh (và nơi khác) | Không phổ biến do nhầm lẫn với nghĩa của tiếng Anh Mỹ |
| River basin boundary (ranh giới lưu vực sông) | Nghĩa chung                 |                                                       |
| Groundwater divide (ranh giới nước ngầm)      | Nghĩa chung                 | Ranh giới dòng chảy bên trong một đơn vị địa chất     |

**Định nghĩa lưu vực của Cơ sở**

Tất cả các Cơ sở phải xác định (các) lưu vực, bao gồm lưu vực nơi đặt Cơ sở và những lưu vực có nguồn nước mà Cơ sở phụ thuộc vào. Hướng dẫn phân định lưu vực như sau: lưu vực nhỏ nhất chứa diện tích đất ở thượng lưu hoặc tầng chứa nước đóng góp vào (các) nguồn nước và các khu vực hạ lưu bị ảnh hưởng bởi hoạt động khai thác nguồn nước hoặc nước thải của Cơ sở. Khi một Cơ sở lấy nước từ nhiều nguồn - nước mặt hoặc nước ngầm hoặc cả hai nguồn này - cần xác định các lưu vực khác nhau cho mỗi nguồn.

Lưu ý rằng theo định nghĩa của AWS, các lưu vực có thể bao gồm các vùng nước nếu các vùng nước đó được sử dụng làm khu vực nguồn nước hoặc vùng nước tiếp nhận. Ví dụ, nếu một Cơ sở nằm bên cạnh một hồ nước, khai thác nước và xả nước thải ra hồ thì khu vực bị ảnh hưởng của hồ phải được tính vào lưu vực.

Khoảng cách về phía hạ lưu trong phạm vi trách nhiệm của một Cơ sở có thể được xác định một cách hợp lý bằng khoảng cách mà tại đó các hành động của địa điểm vẫn có thể được xác định từ các điều kiện đường cơ sở. Nói cách khác, tại một địa điểm nhất định, nếu nước thải thải ra từ Cơ sở được xác định là cao hơn mức đường cơ sở, thì vị trí đó nằm trong lưu vực của Cơ sở đó. Tương tự, về lượng nước khai thác, nếu lượng nước khai thác ảnh hưởng đến người dùng ở hạ lưu tại một địa điểm nhất định (con người và các loài khác) về tổng lượng nước khai thác hoặc thời gian khai thác, thì vị trí đó nằm trong lưu vực của Cơ sở.

Các giới hạn ảnh hưởng có thể phát hiện được ở hạ lưu hoặc giảm xuống từ một điểm ban đầu (điểm khai thác nước hoặc xả nước thải) có thể được xác định theo một trong ba cách sau:

- Theo cách tiếp cận tốt nhất, các giới hạn ảnh hưởng có thể phát hiện được xác định bằng cách sử dụng mô hình mô phỏng thủy văn. Đây có thể là một hoạt động tốn thời gian và tiền bạc, nhưng cung cấp các công cụ tin cậy và đảm bảo nhất về mặt kỹ thuật để xác định nơi bắt đầu và kết thúc ảnh hưởng của địa điểm. Mức độ phân tích kỹ thuật này có thể được đảm bảo khi Cơ sở xác định rằng đang hoặc dự kiến có tồn tại các tác động sinh thái hoặc xã hội đáng kể (Bước 4 bên dưới).
- Cách tiếp cận tốt thứ hai là áp dụng một số “quy tắc chung” mặc định. Ví dụ, người ta có thể giả định một cách thận trọng rằng việc tiêu thụ nước hoặc tác động đến chất lượng nước (tùy thuộc vào mức độ sử dụng/tác động) ở các con sông nhỏ (lưu lượng trung bình hàng năm < 10 m<sup>3</sup>/giây) có thể kéo dài tới 50 km về phía hạ lưu, hoặc đến tận con sông nhỏ được hoà vào con sông lớn hơn (> 10 m<sup>3</sup>/giây). Đối với các sông lớn hơn, khu vực ảnh hưởng có thể được giả định là sẽ kéo dài 100km về phía hạ lưu. Đối với các tầng chứa nước, vùng ảnh hưởng có thể được giả định là mở rộng đến bán kính 50 km tính từ điểm khai thác hoặc xả nước thải. Các quy tắc chung như vậy sẽ được thảo luận trong quá trình tiếp cận với các bên liên quan để xác định liệu có thể xây dựng các hướng dẫn hợp lý hay không.
- Cách tiếp cận ít được mong muốn nhất là sử dụng ranh giới lưu vực sông hoặc đường phân nước được thiết lập trước, chẳng hạn như các lưu vực sông hoặc đường phân nước đã được chuẩn hóa bởi các cơ quan chính phủ hoặc các tổ chức nghiên cứu. Nếu ranh giới lưu vực xác định trước lớn hơn đáng kể so với khu vực ảnh hưởng thực tế của Cơ sở, thì mọi ước tính về ảnh hưởng hoặc tác động của địa điểm sẽ được giảm bớt. Khi áp dụng phương pháp này, nên sử dụng đường phân nước nhỏ nhất có thể có chứa các điểm khai thác hoặc xả thải của Cơ sở.

Nói chung, các phương pháp này sẽ tạo ra một ước tính thận trọng cho lưu vực (tức là ước tính bao gồm tất cả các tác động chính cần được xem xét). Không phụ thuộc vào phương pháp được chọn, lưu vực được xác định phải được Cơ sở chứng minh hợp lý, và cuối cùng là những yếu tố cấu thành lưu vực “đủ lớn” cần được xác định bởi các bên liên quan bị ảnh hưởng.

Một phương pháp khác để xác định lưu vực là cân nhắc những yếu tố sau: nếu một sự cố liên quan đến nguồn nước (hạn hán, lũ lụt, tràn, v.v.) xảy ra ở một địa điểm nhất định ở thượng nguồn hoặc hạ lưu, nó có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của bạn không?

Nói chung, các khu vực nhiều nước hoặc các Cơ sở gần nguồn nước có thể sẽ có lưu vực nhỏ hơn, và ngược lại, ở các khu vực khan hiếm nước. Hơn nữa, các Cơ sở có mức độ sử dụng/xả thải nhiều có thể có lưu vực lớn hơn, trong khi các Cơ sở có mức độ sử dụng/xả thải nhỏ hơn có thể có lưu vực nhỏ hơn. Đối với các nguồn nước xuyên biên giới, khu vực này có thể có nhiều hơn một lưu vực. Nếu Cơ sở phụ thuộc vào nguồn nước từ nhiều lưu vực, thì tất cả các lưu vực như vậy phải được đưa vào phạm vi “lưu vực”.

Để biết cách xác định lưu vực một cách phù hợp nhất, Cơ sở cần hiểu rõ các thuật ngữ sau:

#### **Nguồn nước của Cơ sở**

- Nguồn nước bao gồm các nguồn nước ở gần hoặc liền kề đang cung cấp nước trực tiếp cho Cơ sở và nguồn nước cơ bản. Nói cách khác, đối với các Cơ sở lấy trực tiếp từ một vùng nước (ví dụ: hồ, sông, suối, giếng nước ngầm) thì đây sẽ là nguồn nước duy nhất của Cơ sở. Tuy nhiên, trong trường hợp Cơ sở lấy nước từ nhà cung cấp dịch vụ cấp nước, thì nhà cung cấp dịch vụ nước VÀ nguồn nước của nhà cung cấp dịch vụ (tức là nguồn nước của nhà cung cấp dịch vụ nước) sẽ được bao gồm. Ví dụ: nếu một Cơ sở có nguồn nước từ một công ty nước địa phương, thì Cơ sở sẽ chịu trách nhiệm liệt kê tên của công ty nước đó VÀ xác định (những) nguồn nước mà công ty đó sử dụng. Nguồn nước có thể là nước ngọt, lợ hoặc mặn. Hoặc cũng có thể là nước xám (bao gồm nước tái chế hoặc nước ô nhiễm).
- Nếu nước được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, cần trình bày tỷ lệ nước thực tế (hoặc ước tính) theo nguồn. Ví dụ, 75% từ Hồ A, 15% từ Sông B và 10% từ Tầng chứa nước C. Nếu không thể thu thập được dữ liệu này, Cơ sở cần ghi lại bằng văn bản yêu cầu cung cấp thông tin và sự từ chối của các bên liên quan.
- Các nguồn nước phải được tham chiếu với tên chính thức được quốc gia công nhận.

- Thông tin về toàn bộ các nguồn nước bao gồm nước từ các nhà cung cấp dịch vụ nước (bao gồm các cơ quan tiện ích về nước), nước ngầm, hồ/ao, suối/lạch, sông, đất ngập nước, tuyết, sông băng và bất kỳ hình thức kết tủa nào, bao gồm sương và nước biển hoặc các dạng nước lạ khác.
- Bản đồ khảo sát địa hình quốc gia và cấp vùng nên cung cấp địa điểm với các vị trí nguồn.

#### **Vùng nước tiếp nhận của Cơ sở:**

- Áp dụng quy trình xác định các vùng nước tiếp nhận tương tự như quy trình xác định các vùng nước nguồn. Nếu Cơ sở chỉ trình bày rằng nước thải được nhà cung cấp dịch vụ nước tiếp nhận thì chưa đủ. Cơ sở cũng cần xác định nơi nhà cung cấp dịch vụ nước thải nước ra môi trường và lưu ý vùng nước tiếp nhận này.

#### **Quy mô của lưu vực – Quy mô nào phù hợp với Cơ sở?**

Để quản lý nước hiệu quả, quy mô và ranh giới lưu vực được xác định phải phù hợp với tình hình của Cơ sở. Nếu lưu vực có quy mô quá nhỏ, có thể bỏ qua các rủi ro và các bên liên quan quan trọng. Nếu lưu vực có quy mô quá lớn, có khả năng đầu tư công sức và chi phí không tương xứng cho rủi ro thấp hoặc không đáng kể hoặc cho các bên không phù hợp.

Các lưu vực có diện tích từ vài km<sup>2</sup> đến hàng nghìn km<sup>2</sup>. Các tầng chứa nước có độ cao từ vài mét đến hàng trăm mét. Đối với một lưu vực rất lớn, Cơ sở có thể cần xác định một phần diện tích nhỏ hơn (tiểu lưu vực) phù hợp với quy mô sử dụng và xả thải của Cơ sở. Tuy nhiên, cần lưu ý một sự kiện nghiêm trọng trong lưu vực chính, chẳng hạn như hạn hán hoặc ô nhiễm vẫn có thể ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước của Cơ sở.

Đầu tiên, tổ chức nên xác định toàn bộ lưu vực. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, lưu vực bao quát một khu vực rộng lớn nên sẽ không khả thi để áp dụng. Ví dụ, lưu vực sông Mississippi, bao phủ khoảng một nửa diện tích của Hoa Kỳ, là một lưu vực quá lớn đối với bất kỳ Cơ sở riêng lẻ nào. Điều này cũng có thể đúng đối với các lưu vực sông nhỏ hơn nhiều và đối với các tầng chứa nước lớn. Trong những trường hợp như vậy, Cơ sở có thể xác định một tiểu lưu vực có quy mô phù hợp hơn và giải thích lý do lựa chọn.

#### **Hộp thông tin**

---

##### **Tìm kiếm sự hỗ trợ để xác định (các) lưu vực**

Việc xác định lưu vực đòi hỏi phải có kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn. Các tổ chức lớn hơn có thể thuê chuyên gia địa chất thủy văn. Đối với các tổ chức nhỏ hoặc nông dân, đây là một khoản chi phí không hợp lý. Các nguồn hỗ trợ khác bao gồm:

- Cơ quan quản lý nước.
  - Thông thường các cơ quan này đã lập bản đồ các lưu vực chính, đặc biệt là các lưu vực nước mặt (lưu vực sông).
  - Họ cũng có thể đã lập bản đồ các tầng chứa nước chính, nhưng trường hợp này ít phổ biến hơn.
  - Việc lập bản đồ thường ở quy mô lớn. Lưu vực phù hợp đối với một Cơ sở có thể chỉ là một tiểu lưu vực, tuy nhiên vẫn cần một số kiến thức chuyên môn để xác định tiểu lưu vực.
- Các trường đại học ở khu vực lân cận. Tùy vào nội dung xác định gồm tài nguyên nước và địa chất, các trường đại học có thể có thông tin hoặc bản đồ có giá trị. Họ có thể cung cấp một số lời khuyên chuyên gia với mức phí cạnh tranh.
- Tổ chức tư vấn môi trường. Thông thường, họ sẽ có các chuyên gia về nước và có thể sẵn sàng hỗ trợ các tổ chức nhỏ hơn. Chi phí cho công ty tư vấn có vẻ cao đối với các tổ chức nhỏ hoặc người nông dân, nhưng các chuyên gia cá nhân có thể có mức phí cạnh tranh hơn.
- Các tổ chức phi chính phủ về môi trường.

#### **Hộp thông tin**

---

##### **Lưu vực – thông điệp chính**

- Cần có định nghĩa chính xác để quản lý nguồn nước hiệu quả và tối ưu
- Cần hiểu rõ về (các) lưu vực để đánh giá rủi ro đối với Cơ sở và rủi ro tác động từ Cơ sở đến những bên khác
- Lưu vực nước mặt và lưu vực nước ngầm được định nghĩa khác nhau

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

- Lưu vực nước mặt (hoặc lưu vực sông) được xác định bởi địa hình bề mặt và cố định
  - Lưu vực nước ngầm được xác định theo địa chất (cố định) và đường dẫn dòng chảy của nước ngầm (có thể thay đổi theo thời gian)
  - Tùy thuộc vào điều kiện thực tế, lưu vực nước mặt và nước ngầm có thể có mối kết nối chặt chẽ, kết nối một phần hoặc hoàn toàn tách biệt
  - Đối với lưu vực địa lý có quy mô rất lớn, nên xác định một phần nhỏ (tiểu lưu vực) đại diện cho lưu vực của Cơ sở
  - Đối với Cơ sở sở hữu nguồn nước tự nhiên và/hoặc cơ sở xử lý nước thải, xác định (các) lưu vực riêng cho những cấu phần trên. Trong một số trường hợp, nguồn nước và lưu vực có thể tách riêng với Cơ sở.
  - Nếu Cơ sở dựa vào một nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài để cung cấp nước và/hoặc quản lý nước thải, thì (các) lưu vực liên quan cần bao gồm (các) lưu vực của nhà cung cấp dịch vụ
-

## HƯỚNG DẪN CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC KHU VỰC LIÊN QUAN ĐẾN NGUỒN NƯỚC QUAN TRỌNG (IWRA)

Tài liệu này bao gồm những nội dung sau:

1. Định nghĩa về IWRA
2. Vai trò và sự phù hợp của IWRA trong Tiêu chuẩn AWS
3. Cách thức xác định IWRA
4. Cách thức đánh giá tình trạng của IWRA
5. Cách thức đánh giá các tác động hoặc rủi ro đối với IWRA
6. Các hành động để loại bỏ tác động và rủi ro

### 1. Định nghĩa về IWRA

Chú giải:

*Các khu vực cụ thể liên quan đến nguồn nước của lưu vực, nếu bị suy giảm hoặc mất đi, sẽ tác động tiêu cực đến các lợi ích môi trường, xã hội, văn hóa hoặc kinh tế do lưu vực mang lại một cách đáng kể hoặc không tương xứng. Khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng là khu vực được các bên liên quan địa phương hoặc các bên liên quan chính ở cấp khu vực hoặc quốc tế đánh giá là "quan trọng". Khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng bao gồm các khu vực được bảo vệ hợp pháp hoặc theo thỏa thuận bảo tồn; các khu vực được các cộng đồng địa phương hoặc bản địa xác định là có ý nghĩa về giá trị văn hóa, tâm linh, tôn giáo hoặc giải trí; và các khu vực được công nhận là nơi cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái quan trọng, chẳng hạn như các khu vực ven sông, bãi đẻ của các loài thủy sinh quan trọng, các khu vực bổ sung nước, các vùng đất ngập nước cung cấp các dịch vụ lọc, v.v. Khu vực có Giá trị Bảo tồn Cao (HCVA) là một loại Khu vực liên quan đến nguồn nước quan trọng.*

Thuật ngữ IWRA không chỉ giới hạn ở 'khu vực', mà còn áp dụng cho một bộ phận (vùng nước) của khu vực, chẳng hạn như một suối nước hoặc giếng nước.

Thuật ngữ 'quan trọng' có thể mang tính chủ quan. Khi sử dụng cùng với một số bộ phận trong khu vực thì từ này có ý nghĩa là quan trọng, ví dụ, một giếng khoan cấp nước công cộng hoặc một vùng đất ngập nước được bảo vệ. Đối với những nội dung khác, nó có thể phụ thuộc vào truyền thống địa phương hoặc quan điểm của các bên liên quan, bao gồm người dân bản địa. Một bộ phận trong khu vực không cần có chỉ định chính thức để được coi là "quan trọng" đối với cộng đồng địa phương. Cần xác định thông qua nghiên cứu và tham vấn thích hợp.

Thuật ngữ 'liên quan đến nguồn nước' không chỉ bao gồm các vùng nước mà còn bao gồm các khu vực hoặc bộ phận liên quan hoặc phụ thuộc vào nguồn nước để đảm bảo tình trạng hoạt động và bảo vệ. Thuật ngữ này bao gồm các vùng đất ngập nước, đầm lầy, các bãi sông, các khu vực ven sông và đồng bằng ngập lũ. Thuật ngữ cũng có thể bao gồm một khu vực khô hạn trong nhiều năm, phải phụ thuộc vào lũ lụt định kỳ cho hoạt động của hệ sinh thái. Tuy nhiên, chúng ta giải định là sẽ luôn có mối kết nối với nguồn nước.

IWRA gồm bốn hạng mục chính: môi trường, xã hội, văn hóa và kinh tế, được trình bày dưới đây. Nhiều khu vực bao gồm từ hai hạng mục trở lên. Ví dụ, một con suối có thể có tầm quan trọng về văn hóa và tầm quan trọng về kinh tế như một nguồn cung cấp nước uống. Một vùng đất ngập nước có tầm quan trọng về môi trường cũng có thể có vai trò quan trọng trong việc loại bỏ ô nhiễm nông nghiệp.

Khái niệm Giá trị bảo tồn cao thể hiện cách tiếp cận tiên tiến để xác định và phân loại các đặc điểm bảo tồn quan trọng ([www.hcvnetwork.com](http://www.hcvnetwork.com)). Tài liệu của Brown và cộng sự. (2013) trình bày phụ lục đặc biệt về 'HCV trong các hệ thống nước ngọt', có thể được tham khảo như một hướng dẫn bổ sung.

#### Tầm quan trọng về môi trường

Một trong những ý nghĩa quan trọng về môi trường của IWRA là các khu vực tự nhiên hỗ trợ cảnh quan và hệ sinh thái. Ngoài giá trị thẩm mỹ, các khu vực này rất cần thiết trong việc hỗ trợ các loài động thực vật hoang dã dưới nước trong phạm vi. Đây có thể là bãi đẻ rất quan trọng của các loài chim, là nguồn cung cấp nước và thức ăn cho các loài chim cũng như các loài động vật hoang dã sinh sống trong hoặc đi qua khu vực. IWRA là nguồn cung cấp nước thiết yếu và giúp đảm bảo chất lượng nước.

Ví dụ bao gồm:

- Vùng nước: sông, suối, suối, thác, hồ, ao
- Đất ngập nước (thường kết hợp giữa vùng nước mở và vùng nước cạn)
- Khu vực bổ sung cho các tầng chứa nước
- Các khu bảo tồn theo quy định (quốc tế, quốc gia, khu vực hoặc địa phương)
- Các vùng nước đặc biệt hoặc bất thường như vùng đất than bùn và hệ thống núi đá vôi (hệ thống hang động được tạo ra do sự xói mòn và hòa tan của nước qua các niên đại địa chất)

### **Tầm quan trọng đối với cộng đồng**

IWRA cung cấp địa điểm, tài nguyên và vùng nước cần thiết để đáp ứng các nhu cầu cơ bản. Ví dụ như nguồn nước uống (ví dụ: giếng đào thủ công, giếng khoan, suối, các vùng nước mặt được sử dụng cho mục đích này); và các quần thể động vật hoặc thực vật nước ngọt được cộng đồng khai thác làm thực phẩm hoặc các lợi ích khác.

### **Tầm quan trọng về văn hoá**

Các khu vực liên quan đến nguồn nước có thể có giá trị văn hóa, tôn giáo hoặc tinh thần quan trọng đối với cộng đồng hoặc người dân bản địa. Đây là những khu vực rất cần sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan và cộng đồng. Ví dụ như thác nước, suối hoặc hồ có ý nghĩa văn hóa đặc biệt; hoặc các suối nước khoáng.

### **Tầm quan trọng về kinh tế**

Nước rất cần thiết cho sự phát triển và ổn định kinh tế, được sử dụng làm nước uống, trong công nghiệp và tưới tiêu nông nghiệp. Mọi vùng nước là nguồn cung cấp nước trực tiếp đều có ý nghĩa quan trọng về kinh tế.

Ngoài ra các dịch vụ hệ sinh thái do nguồn nước cung cấp cũng có giá trị kinh tế. Các giá trị này bao gồm chức năng điều tiết khí hậu (ví dụ: độ ẩm và hiệu ứng làm mát không khí), giảm lũ lụt, hỗ trợ côn trùng thụ phấn và hỗ trợ nguồn cá là thực phẩm.

## **2. Vai trò và sự phù hợp của các IWRA trong Tiêu chuẩn AWS**

Một trong năm Kết quả dự kiến của Tiêu chuẩn AWS là đạt được 'tình trạng tốt của IWRA', như trình bày trong Phần giới thiệu và Lý thuyết về sự thay đổi.

Tổ chức cần xác định các vùng nước thuộc IWRA tại địa điểm Cơ sở (Chỉ số 1.3.6) và trong lưu vực (Chỉ số 1.5.5). Đồng thời, cần xác định các thông lệ tốt nhất để duy trì IWRA tại chỗ (Chỉ số 1.8.4) và báo cáo về việc thực hiện (tiêu chí 3.5, chỉ số 3.9.4 và 3.9.9).

Đối với các vùng nước thuộc IWRA tại chỗ, tổ chức cần khôi phục (nếu bị xuống cấp) và duy trì hoặc cải thiện (Tiêu chí 3.5), không phụ thuộc liệu khu vực đó có bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng nước hoặc quản lý nước thải của Cơ sở hay không.

Đối với các IWRA ngoài lưu vực, tổ chức phải xác định việc sử dụng nước hoặc xả nước thải, hoặc bất kỳ hoạt động nào khác của tổ chức, có tác động hoặc gây rủi ro cho IWRA hay không. Một vùng nước cũng có thể gây rủi ro hoặc tác động đến Cơ sở hoặc nguồn nước của Cơ sở. Có thể cần có sự đánh giá của một chuyên gia. Ví dụ, việc khai thác nước của Cơ sở có thể tác động đến mực nước hoặc lưu lượng tại vùng nước của IWRA; hoặc ô nhiễm từ Cơ sở có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước của IWRA.

Các vùng nước IWRA của lưu vực có thể nằm trong phạm vi các thách thức về nguồn nước chung, cần có hành động tập thể để khôi phục hoặc bảo vệ vùng nước.

## **3. Cách xác định IWRA**

Việc xác định tất cả các IWRA thường cần kết hợp nhiều phương pháp, kết hợp nghiên cứu ban đầu và sự tham gia của các bên liên quan. Các phương pháp và nguồn thông tin phù hợp bao gồm:

- Bản đồ xuất bản về các khu bảo tồn được công nhận và các vùng nước được bảo vệ hợp pháp
- Bản đồ tổng quát và hình ảnh vệ tinh
- Các cơ quan quản lý và môi trường và các nhà cung cấp dịch vụ nước
- Tham vấn với các bên liên quan, chẳng hạn như chủ sở hữu đất, doanh nghiệp và trang trại để biết quan điểm của họ về các vùng nước quan trọng liên quan đến nguồn nước (bao gồm cả nguồn nước của chính các nhóm này)
- Các nhóm bảo tồn và các tổ chức phi chính phủ
- Tham vấn với đại diện cộng đồng về các vùng nước có giá trị văn hóa. (Lưu ý rằng một vùng nước có giá trị đối với cộng đồng có thể không nằm trong lưu vực)

Cơ sở cần liệt kê tất cả các vùng nước đã xác định cùng với (các) khía cạnh quan trọng chính (môi trường, cộng đồng, văn hóa, kinh tế), mô tả ngắn gọn, lý do vùng nước đó có ý nghĩa quan trọng và vùng nước có ý nghĩa quan trọng với ai. Trường hợp một vùng nước được các bên liên quan xác định nhưng được kết luận là không đủ tiêu chuẩn để trở thành IWRA, tổ chức cần trình bày rõ lý do.

#### 4. Đánh giá tình trạng của IWRA

Tiêu chuẩn yêu cầu mô tả tình trạng của từng IWRA (chỉ số 1.3.6 và 1.5.5, chỉ số nâng cao 3.5.3). Tình trạng là thước đo tình trạng hiện tại so với tình trạng bình thường hoặc tình trạng tốt. Tình trạng hiện tại của IWRA có thể được mô tả dưới dạng định tính hoặc định lượng. Mục tiêu chính là nhằm xác định khu vực đó đang ở trong tình trạng tốt, suy thoái nghiêm trọng, vv... Có thể áp dụng phương pháp tiếp cận với thang điểm từ 0 đến 5 sau đây để đánh giá:

0. Bị mất hoặc vượt quá khả năng khôi phục về mặt tài chính
1. Xuống cấp nghiêm trọng và cần khôi phục đáng kể
2. Xuống cấp ở mức nhẹ và cần khôi phục
3. Tình trạng có thể chấp nhận được nhưng sẽ tốt hơn nếu cải thiện
4. Tình trạng tốt, không cần phải khôi phục, cần bảo vệ
5. Tình trạng rất tốt và được bảo vệ, không phát sinh công việc (trừ bảo trì và giám sát liên tục)

Cần nắm rõ tình hình và điều kiện trong một số trường hợp, đặc biệt là những trường hợp có điểm bằng 0 hoặc 1, giải pháp khả thi duy nhất là duy trì IWRA để tránh bị tiếp tục xuống cấp. Trong trường hợp đó, tiêu chuẩn ghi nhận rằng việc duy trì IWRA là có thể chấp nhận được đối với tiêu chí.

#### 5. Cách thức đánh giá tác động tiềm ẩn hoặc rủi ro đối với IWRA từ tổ chức

Việc hiểu rõ tổ chức đang hoặc có nguy cơ tác động đến IWRA là quan trọng nhất. Tuy nhiên, cũng cần phải thừa nhận rằng ngay cả khi có thể xác định được trường hợp không có rủi ro thực tế, thì vẫn có thể có rủi ro về uy tín dựa trên nhận thức của các bên liên quan.

Để hiểu các tác động vật lý và rủi ro, chúng ta nên bắt đầu bằng mô hình khái niệm về môi trường nước trên lưu vực. Đây là một mô hình trực quan hoá cảnh quan và cấu trúc vật lý, cũng như cách thức nguồn nước chảy qua cấu trúc và được lưu giữ như thế nào. Không nên nhầm lẫn mô hình này với một mô hình máy tính, mặc dù mô hình máy tính có thể được sử dụng để phát triển và đánh giá mô hình khái niệm. Mô hình khái niệm có thể bao gồm các bản đồ và các mặt cắt ngang hoặc một giản đồ 3 chiều.

Mô hình khái niệm cần xác định tất cả các vùng nước có liên quan bao gồm các tầng chứa nước, nguồn nước và tất cả các IWRA khác, và cách thức các vùng nước kết nối hoặc không kết nối với nhau, từ góc độ nguồn nước và thủy văn.

Đối với từng IWRA, cần đánh giá về tác động thực tế hoặc tiềm tàng của tổ chức đối với tình trạng của IWRA. Khả năng tác động có thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm việc Cơ sở và IWRA có được kết nối bởi một vùng nước chung hay không; khoảng cách của vùng nước và hướng dòng chảy (xuôi dòng hoặc ngược dòng); và liệu các dòng chảy từ Cơ sở có ảnh hưởng đến vùng nước hay không.

Các đánh giá này thường đòi hỏi phải có chuyên gia thực hiện (ví dụ như chuyên gia tư vấn về nước hoặc môi trường), ngoại trừ một số trường hợp đơn giản và rõ ràng. Dưới đây là các ví dụ về các tác động tiềm tàng giữa Cơ sở và IWRA:

- Việc khai thác giếng khoan làm cho mực nước giảm trong các giếng khoan khác, giảm mực nước trong vùng đất ngập nước, hoặc làm giảm lưu lượng từ một dòng suối tự nhiên
- Việc khai thác nước mặt làm giảm lưu lượng sông hoặc giảm lưu lượng đi vào vùng đất ngập nước
- Việc xả nước thải khiến nồng độ nitrat tại vùng nước mặt quan trọng tăng, góp phần dẫn đến hiện tượng phú dưỡng
- Dòng chảy từ trang trại khiến trầm tích và hóa chất nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) xâm nhập vào vùng nước dễ bị ảnh hưởng
- Hóa chất nông nghiệp được sử dụng trong trang trại (phân bón, thuốc trừ sâu) xâm nhập và gây ô nhiễm tầng chứa nước quan trọng bên dưới
- Các hóa chất được lưu trữ tại Cơ sở bị cuốn đi trong trận mưa lớn, gây ô nhiễm vùng nước gần đó, có khả năng gây hại hoặc làm chết các loài động thực vật

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Ví dụ về tác động của IWRA đối với Cơ sở:

- Việc gia tăng khai thác của giếng khoan cung cấp nước công cộng khiến mực nước của các giếng khoan của Cơ sở giảm
- Đôi khi trận lụt tại vùng đất ngập nước (mặc dù có lợi cho khu vực này) có thể dẫn đến ngập lụt tại Cơ sở

Đầu tiên, cần ưu tiên xác định các tác động hiện tại, tiếp theo, xác định rủi ro và tác động tiềm ẩn. Đồng thời cũng nên báo cáo trong trường hợp kết quả đánh giá cho thấy không có rủi ro hoặc nguy cơ tác động thấp. Đánh giá cũng cần xem xét quy mô của tác động. Có thể không chính xác khi giả định rằng mọi tác động đều là đáng kể. Tác động nhỏ và hạn chế có thể được xem là hợp lý và có thể chấp nhận được.

### 6. Hành động để loại bỏ tác động và rủi ro

Đối với bất kỳ IWRA nào tại địa điểm Cơ sở, Tiêu chuẩn AWS yêu cầu tổ chức phải duy trì, khôi phục và bảo vệ IWRA đó nếu phù hợp, không phụ thuộc việc có tác động hay rủi ro hay không.

Đối với một vùng nước của IWRA nằm ngoài địa điểm Cơ sở nhưng nằm trong (các) lưu vực, các hành động phụ thuộc vào đánh giá tác động và rủi ro hoặc liệu nó có phải là một phần của thách thức về nguồn nước chung hay không. Nếu không có tác động hoặc kết nối rủi ro nào giữa Cơ sở và vùng nước thì không cần thực hiện hành động.

Khi một tác động hoặc rủi ro được xác định, tổ chức có trách nhiệm dừng hoặc giảm tác động, ít nhất là đến mức có thể được phân loại là không đáng kể. Hành động để đạt được điều này sẽ phụ thuộc vào nguyên nhân tác động và bản chất của IWRA. Ví dụ về các hành động bao gồm:

- Cải thiện hiệu quả sử dụng nước tại Cơ sở để giảm lượng nước khai thác
- Thiết lập nguồn nước mới có khoảng cách tới IWRA để bị tổn thương xa hơn. Trong một số trường hợp, biện pháp này là chuyển từ nguồn nước tư nhân sang nguồn nước thành phố
- Nâng cấp hoạt động xử lý nước thải
- Thay đổi địa điểm xả thải hoặc chuyển sang nhà cung cấp dịch vụ thành phố
- Thay đổi phương thức quản lý đất đai để giảm dòng chảy từ đất nông nghiệp
- Xây dựng vùng đệm giữa đất nông nghiệp và các vùng nước để bị ảnh hưởng
- Cải thiện cách bảo quản hóa chất để giảm nguy cơ rò rỉ hoặc tràn ra ngoài

Một số IWRA có thể bị tác động hoặc gặp rủi ro từ những cơ sở khác trong lưu vực bên cạnh tác động từ Cơ sở. Trong trường hợp này, các hành động phải là một phần trong nỗ lực giải quyết các thách thức về nguồn nước chung để loại bỏ hoặc giảm thiểu tác động và rủi ro, đồng thời có thể tạo cơ hội cho hành động tập thể.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Brown, E., N. Dudley, A. Lindhe, D.R. Muhtaman, C. Stewart, và T. Synnott (eds.). 2013 (Tháng 10). **Hướng dẫn chung để xác định các Giá trị bảo tồn cao**. HCV Resource Network.

Link:

<https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=1&ved=2ahUKEwiEvlr3ggzfAhVFYIAKHTvPALEQFjAAegQICRAC&url=https%3A%2F%2Fic.fsc.org%2Ffile-download.common-guidance-for-the-identification-of-hcv.a-295.pdf&usg=AOvVaw31Rp2J8plz3ogxwakSx6Q6>

## HƯỚNG DẪN CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong một lưu vực, tất cả các quá trình và hoạt động tự nhiên liên quan đến nước đều kết nối với nhau, mặc dù mức độ kết nối khác nhau. Tất cả các bên cần thông tin liên lạc và phối hợp với nhau vì lợi ích chung, mặc dù có thể các bên không có cùng ưu tiên và có thể là đối thủ cạnh tranh với cùng một nguồn nước. Việc hiểu được các ưu tiên và lợi ích của mỗi bên sẽ mang lại cơ hội tốt hơn cho tất cả mọi người và giúp bảo vệ môi trường tự nhiên. Sự tham gia của các bên liên quan là một công cụ để quản lý nguồn nước chứ không phải là mục tiêu cuối cùng.

Lý do cần ưu tiên sự tham gia của các bên liên quan là để hỗ trợ lập kế hoạch cho các hành động quản lý nguồn nước của tổ chức. Quá trình này cần đảm bảo rằng các hành động có tính đến nhu cầu và lợi ích của các bên liên quan và môi trường tự nhiên cũng như của tổ chức. Quá trình tham gia cũng có thể thúc đẩy hành động tập thể với các bên liên quan.

Quá trình gắn kết sự tham gia của các bên liên quan và niềm tin được xây dựng thông qua quá trình này sẽ mang lại cơ hội cho tổ chức để thúc đẩy hoạt động quản lý nguồn nước, thông qua vai trò là hình mẫu cho các bên và thông qua khả năng tác động đến chính sách quản trị nguồn nước.

### Các bên liên quan là ai?

Các bên liên quan bao gồm bất kỳ tổ chức, nhóm hoặc cá nhân nào có lợi ích hoặc 'liên quan' trong các hoạt động của tổ chức và có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi những hoạt động này.

Có bốn nhóm các bên liên quan chính:

1. Các bên tác động đến tổ chức (ví dụ: cơ quan quản lý, các bên sử dụng nước khác, các bên gây ô nhiễm, các nhóm lợi ích đặc biệt).
2. Các bên tổ chức có (hoặc được coi là có) tác động (ví dụ các bên sử dụng nước khác, hàng xóm, các tổ chức quản lý bảo tồn).
3. Các bên có lợi ích chung (ví dụ: có lĩnh vực kinh doanh tương tự).
4. Các bên trung lập, không có mối liên hệ cụ thể nào, nhưng có lợi cho việc duy trì danh tiếng và mối quan hệ tích cực.

Các bên liên quan phù hợp nhất là các bên liên quan đến việc sử dụng nước và bên phụ thuộc, nhưng không nên chỉ thúc đẩy sự tham gia của những bên này. Sự tham gia của các bên liên quan nên ở quy mô rộng hơn vì các vấn đề có tính kết nối với nhau, bao gồm yếu tố phúc lợi cộng đồng, kinh tế địa phương, môi trường tự nhiên và danh tiếng của tổ chức.

Mặc dù mỗi địa điểm và bối cảnh có đặc thù khác nhau, vai trò và ảnh hưởng giữa các quốc gia và nền văn hóa cũng khác nhau nhưng các bên liên quan thường bao gồm:

- Chính quyền địa phương, cơ quan quản lý và các cơ quan chính phủ khác (ví dụ: đô thị, cơ quan môi trường, cơ quan quản lý nước, sở nông nghiệp)
- Cộng đồng
- Người dân bản địa và các nhà lãnh đạo truyền thống của họ
- Các cá nhân hoặc nhóm có ảnh hưởng, chẳng hạn như câu lạc bộ câu cá, câu lạc bộ thể thao dưới nước và các nhà bảo tồn hoạt động tích cực.
- Nông dân và người sở hữu đất
  - Các hộ nông dân nhỏ có thể bị hạn chế về nguồn lực và ảnh hưởng, mặc dù các quyền và rủi ro về nước của họ có ý nghĩa quan trọng. Một số có thể được đại diện thông qua một tập thể có ảnh hưởng rộng lớn hơn.
  - Các trang trại lớn hơn và người chủ sở hữu đất có thể có các vùng nước mặt quan trọng tại khu vực của họ, hoặc các tầng chứa nước bên dưới.
- Các đối tượng sử dụng nước khác: các ngành, nhà riêng, nguồn cung cấp công cộng
- Môi trường; thường được đại diện bởi các nhóm bảo tồn, các tổ chức phi chính phủ, hoặc bao gồm các câu lạc bộ săn bắn và câu cá, những bên quan tâm mạnh mẽ đến việc bảo vệ môi trường sống tự nhiên

### Bước đầu tiên

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

Trước tiên, tổ chức phải hiểu rõ về tình hình nguồn nước và nước thải của mình, đồng thời xác định phạm vi tự nhiên, có thể chỉ là tạm thời và điều chỉnh dần khi có sự tham gia của các bên liên quan. Thông tin này sẽ đến từ Bước 1-Thu thập và tìm hiểu. Hoạt động này là cơ sở để tổ chức:

- Lập kế hoạch gắn kết sự tham gia của các bên trong lĩnh vực nào và với ai
- Hiểu rõ các thách thức về nước của tổ chức, chuẩn bị cho các cuộc thảo luận mang tính xây dựng về các thách thức về nguồn nước chung
- Chuẩn bị sẵn sàng trả lời các câu hỏi về việc sử dụng nước và quản lý nước thải, ví dụ, lượng nước tiêu thụ (tổng tiêu thụ và mức tiêu thụ ròng), mục đích sử dụng nước và đường đi của dòng nước thải.

Trong bối cảnh này, tổ chức cần biết vị trí và tính chất của các nguồn nước của mình, và các vùng nước chính cung cấp cho tổ chức (vùng nước mặt hoặc tầng chứa nước). Nếu tổ chức chỉ sử dụng nguồn cung cấp của thành phố, tổ chức cần nắm rõ nhà cung cấp và các vùng nước chính của mình. Tương tự, tổ chức cần biết đường đi của dòng nước thải về mặt vị trí và các vùng nước tiếp nhận. Phạm vi tự nhiên chủ yếu dựa trên (các) lưu vực của các vùng nước liên quan (nước mặt và/hoặc nước ngầm), như được mô tả trong phần "Lưu vực" của hướng dẫn này.

### Khung thời gian

Có hai khung thời gian chính đối với hoạt động tham gia của các bên liên quan. Mục đích ngắn hạn là xác định các thách thức về nguồn nước chung và hỗ trợ phát triển các hành động quản lý nguồn nước ban đầu. Tuy nhiên, sự tham gia của các bên liên quan cần được duy trì như một quá trình tham gia lâu dài và tương tác hai chiều. Tổ chức phải sẵn sàng thực hiện các hành động thích ứng nếu hoàn cảnh thay đổi, ví dụ như do nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng trong lưu vực, ngày càng khan hiếm nguồn nước tự nhiên, tăng phí nước và các hiện tượng cực đoan như lũ lụt hoặc hạn hán.

### Cách thức bắt đầu hoạt động tham gia của các bên liên quan

Các giai đoạn chính của quá trình tham gia của các bên liên quan gồm:

**Xác định và lập bản đồ các bên liên quan.** Bắt đầu với bản đồ Phạm vi tự nhiên, tổ chức nên xác định càng nhiều bên liên quan càng tốt. Nên liệt kê các bên liên quan (tốt nhất là ở dạng bảng) với tên, vị trí, địa chỉ liên hệ và lý do trở thành bên liên quan của họ. Cũng nên hiển thị các bên liên quan trên bản đồ Phạm vi vật lý. Có một số cách thức liên kết giữa một bên liên quan với Phạm vi tự nhiên của tổ chức, bao gồm:

- Vị trí trong Phạm vi tự nhiên (ví dụ: người dân, doanh nghiệp, trang trại)
- Người sử dụng đất, vùng nước hoặc các khu vực IWRA trong Phạm vi tự nhiên
- Các nhà cung cấp dịch vụ nguồn nước hoặc nước thải đến các địa điểm trong Phạm vi tự nhiên
- Chính phủ và cơ quan hữu quan trong Phạm vi tự nhiên
- Các tổ chức khác có mối quan tâm mạnh mẽ trong Phạm vi tự nhiên (ví dụ: các tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm quản lý các vùng nước IWRA)

**Phân loại các bên liên quan.** Tổ chức nên rà soát các bên liên quan và phân loại theo bốn nhóm trình bày trong Bảng 1. Bốn nhóm có hoạt động thông báo, tham vấn, tham gia và hợp tác khác nhau dựa trên mức độ ảnh hưởng và mối quan tâm của mỗi nhóm đối với hoạt động quản lý nguồn nước. Có thể thực hiện bước này như một "đánh giá trọng yếu" (thuật ngữ phổ biến trong báo cáo bền vững), theo đó, mỗi bên liên quan sẽ được đánh giá ở mức độ nào là "trọng yếu" hoặc quan trọng đối với tổ chức và chương trình quản lý nguồn nước của tổ chức đó. Đối với một số bên liên quan, có thể chỉ phân loại sau giai đoạn tham gia ban đầu. Từ kết quả phân loại, xác định hình thức tham gia phù hợp với mỗi bên hoặc nhóm các bên liên quan, như được trình bày trong Hình 3.

**Tìm hiểu khung chính sách và thể chế trong lĩnh vực nước.** Hoạt động tham gia các vấn đề liên quan đến nước trong lưu vực phải nằm trong khuôn khổ chính sách và thể chế và không được trái với các quy định này. Tổ chức cần nắm rõ các đơn vị hữu quan. Ví dụ, nếu tổ chức và các bên liên quan dựa vào nguồn cung cấp nước của thành phố, trước tiên tổ chức phải thông qua nhà cung cấp. Nếu đây là lần đầu tiên tổ chức thảo luận trực tiếp về các vấn đề cấp nước hoặc các vấn đề quan ngại với các bên liên quan, thì có thể gây ra sự thất vọng. Tương tự, nếu tổ chức phụ thuộc vào các nguồn nước tự nhiên, trước tiên tổ chức phải thông qua cơ quan quản lý có liên quan. Tổ chức cũng cần phải nắm rõ về chương trình cam kết hiện có và bắt đầu thực hiện để tránh chồng chéo hoặc xung đột với các chương trình hiện có. Ví dụ, Anh có chương trình nâng cao Phương pháp tiếp cận dựa trên lưu vực (CABA [www.catchmentbasedapproach.org/](http://www.catchmentbasedapproach.org/)) nhằm thúc đẩy sự tham gia và quan hệ đối tác trên quy mô lưu vực.

## TIÊU CHUẨN AWS 2.0 BẢN NGÀY 01.01.20

**Phân công trách nhiệm trong nhóm của tổ chức.** Tổ chức nên cử một nhóm thực hiện quá trình gắn kết sự tham gia của các bên liên quan, phân công cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ và thời gian thực hiện. Đây là một phần của Bước 3 - Thực hiện.

**Kế hoạch hành động.** Sau khi đã xác định và lập bản đồ các bên liên quan, tổ chức sẽ xây dựng kế hoạch hành động cho phù hợp. Kế hoạch này gồm một số loại hành động; bao gồm: các hành động tương tác với các bên liên quan (ngắn hạn và dài hạn); các hành động phát triển quan hệ đối tác với các bên liên quan để giải quyết các thách thức chung; và các hành động cụ thể để giải quyết các vấn đề về quản lý nguồn nước và các thách thức chung.

### Phân loại các bên liên quan để định hướng cho hoạt động truyền thông

Giai đoạn cao nhất trong quá trình gắn kết sự tham gia của các bên liên quan là thiết lập một chương trình gắn kết sự tham gia của các bên liên quan mang tính lâu dài kết hợp với việc thúc đẩy tích cực hoạt động quản lý nguồn nước. Ví dụ, hình thức thực hiện minh bạch là bước đầu tiên để tác động đến chính sách hiện tại và tương lai. Mục đích cuối cùng là thúc đẩy hoạt động quản lý nguồn nước hiệu quả trong lưu vực vì lợi ích của tất cả các bên liên quan và môi trường tự nhiên.

Tác động của các hành động hoặc chính sách cần được quản lý thích hợp. Cách thức thực hiện như thế nào lại tùy thuộc vào bối cảnh chính trị và văn hóa địa phương. Các yếu tố cần cân nhắc bao gồm:

- Tìm hiểu về các sáng kiến gắn kết sự tham gia của các bên liên quan hiện có trong lưu vực. Nếu có những sáng kiến này, tổ chức có cơ hội kế thừa và tránh chồng chéo hoặc các hành động xung đột
- Đối với người nông dân và doanh nghiệp nhỏ, ưu tiên của họ là khía cạnh kinh tế, do đó họ cần phải hiểu các hành động quản lý nguồn nước có thể hỗ trợ ưu tiên này như thế nào
- Các cộng đồng nông dân có thể dè dặt và hoài nghi với "ý tưởng mới" từ "bên ngoài".
- Một số tổ chức phi chính phủ có nhiều kinh nghiệm trong việc tác động đến việc thực hiện và chính sách, do đó họ có thể trở thành đối tác tốt trong việc gắn kết sự tham gia của các bên liên quan

### Truyền thông với các bên liên quan

Có nhiều phương pháp truyền thông với các bên liên quan khả thi như được trình bày trong Bảng 1. Phương pháp này phải phù hợp với bên liên quan và được xác định từ kết quả của quá trình phân loại như mô tả ở trên và được chỉ ra trong Hình 3. Tổ chức cần quyết định hình thức truyền thông và sự tham gia phù hợp với mỗi bên liên quan, nhưng không cần phải phù hợp hoàn toàn với các nhóm thể hiện trong Hình 3. Hình thức và phương pháp truyền thông cần phù hợp với điều kiện và truyền thống văn hóa của cộng đồng. Điều này bao gồm mức độ tiến bộ công nghệ và trình độ đọc hiểu trong cộng đồng, và do đó, hoạt động truyền thông kỹ thuật số, bằng văn bản hoặc bằng lời nói là phù hợp nhất.

**Bảng 1. Ví dụ về các phương pháp truyền thông cho các nhóm bên liên quan khác nhau**

| Thông báo                                                         | Tham vấn                  | Tham gia                                               | Đối tác                                                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Gửi tờ rơi, bản tin, v.v. (ví dụ: trực tiếp, qua bưu điện, email) | Khảo sát bằng hỏi         | Hội đồng cố vấn                                        | Dự án chung với các bên sử dụng nước khác                                                                   |
| Trang web công khai                                               | Nhóm tập trung            | Mời đóng góp cho quá trình lập kế hoạch hành động      | Dự án chung để bảo vệ hoặc cải thiện khu vực HCV (v.d với các tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực bảo tồn) |
| Bài trình bày (v.d tại cuộc họp tham vấn)                         | Họp với các bên liên quan | Trang web có tính tương tác cho phép góp ý và phản hồi |                                                                                                             |
| Mời đến thăm quan Cơ sở của tổ chức                               |                           |                                                        |                                                                                                             |
| Thông cáo báo chí và bài đăng trên truyền thông                   |                           |                                                        |                                                                                                             |
| Bảng thông tin ở khu vực công cộng                                |                           |                                                        |                                                                                                             |

**Mức độ tham gia của bên liên quan cần đạt được**

Tiêu chuẩn không xác định mức độ tham gia thích hợp của các bên liên quan, mức độ này phụ thuộc vào một số yếu tố.

Mức độ phù hợp có thể phụ thuộc vào những yếu tố sau:

- Quy mô tương đối của tổ chức trong một lưu vực so với các hoạt động khác
- Tổ chức có được coi là đơn vị sử dụng nước hoặc đơn vị tạo ra nước thải lớn hay không
- Tổ chức có sử dụng nguồn nước tư nhân hay nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài
- Quy mô của các thách thức liên quan đến nguồn nước trong khu vực
- Tính chất và mức độ phát triển của hoạt động quản trị nước

Kể cả trong trường hợp có lý do hợp lý cho mức độ tham gia của các bên liên quan thấp hơn, tổ chức đó không được áp dụng trường hợp không có sự tham gia của các bên liên quan. Tổ chức phải chứng minh rằng tổ chức đã thực hiện đánh giá và có thể giải trình hợp lý cho mức độ tham gia của các bên liên quan hiện tại.

**Sự đồng thuận**

Nếu một tổ chức được yêu cầu có sự đồng thuận, tổ chức đó phải chứng tỏ được rằng mình đã tìm kiếm và đạt được sự đồng thuận. Với ghi nhận rằng tổ chức không thể yêu cầu phản hồi bắt buộc từ các bên liên quan, trong trường hợp khó có được phản hồi, tổ chức cần cho thấy không có sự phản đối nghiêm trọng và lợi ích của các bên liên quan để bị tổn thương không bị tác động tiêu cực. Một số chỉ số trong Tiêu chuẩn AWS yêu cầu Cơ sở chứng minh rằng họ đã tìm kiếm sự đồng thuận cho các kế hoạch hoặc hành động của mình, đã cân nhắc tất cả các quan điểm và vấn đề quan ngại hợp lý.

**Hướng dẫn bổ sung về sự tham gia của các bên liên quan**

Có một số hướng dẫn về sự tham gia của các bên liên quan từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Rất nhiều hướng dẫn khá toàn diện và chi tiết và có thể phù hợp hơn cho các mức độ tham gia của các bên liên quan nâng cao hơn. Các tổ chức nhỏ hơn có thể không có đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình toàn diện về các bên liên quan như vậy. Như đã trình bày ở trên, sự tham gia của các bên liên quan là một công cụ để đạt được các mục tiêu quản lý nguồn nước chứ không phải là mục đích cuối cùng. Do đó, phạm vi và mức độ tham gia của các bên liên quan phải phù hợp với quy mô của tổ chức và phạm vi sử dụng nước và phát sinh nước thải của tổ chức, cũng như phù hợp với quy mô và các vấn đề của lưu vực và phạm vi tự nhiên được xác định.